

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



BẢN CÁO BẠCH

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100107518 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30/06/2010, thay đổi lần thứ 5 ngày 08/07/2016)



Vietnam Airlines

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số ..21.../GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 04 tháng 04 năm 2018)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP

Địa chỉ: Số 200, Phố Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 38732732 Fax: (84.4) 38722375

Website: www.vietnamairlines.com.vn

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN KỸ THƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 10 + Tầng 21 Tòa nhà Techcombank, 191 Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (84.24) 39446368 Fax: (84.24) 39446583

Website: <https://www.tcbs.com.vn/home>

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Ông Nguyễn Hữu Tuất

Số điện thoại: (84.24) 38732732

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100107518 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30/06/2010, thay đổi lần thứ 5 ngày 08/07/2016)



Vietnam Airlines

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu	: Cổ phiếu Tổng Công ty Hàng Không Việt Nam - CTCP
Mệnh giá	: 10.000 đồng/cổ phần
Giá bán	: 10.000 đồng/cổ phần
Tổng số lượng chào bán	: 191.191.377 cổ phiếu
Tổng giá trị chào bán	: 1.911.913.770.000 đồng
Đối tượng chào bán	: Cổ đông hiện hữu

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:



CÔNG TY TNHH KPMG VIỆT NAM

Tầng 46, Tòa tháp Keangnam, Tòa nhà 72 tầng, lô E6, Đường Phạm Hùng, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm
Tel: +84 4 3946 1600 Fax: +84 4 3946 1601

TỔ CHỨC TƯ VẤN:



CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN KỸ THƯƠNG

Tầng 10+21, Techcombank Tower, Số 191 Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.
Tel: +84 24 3944 6368 Fax: +84 24 3944 6583



ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100107518 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30/06/2010, thay đổi lần thứ 5 ngày 08/07/2016)



Vietnam Airlines

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày ... tháng ... năm 2018)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP

Địa chỉ: Số 200, Phố Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 38732732 Fax: (84.4) 38722375

Website: www.vietnamairlines.com.vn

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN KỸ THƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 10 – Tầng 21 Tòa nhà Techcombank, 191 Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (84.24) 39446368 Fax: (84.24) 39446583

Website: <https://www.tcbs.com.vn/home>

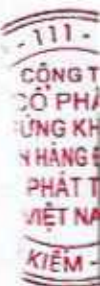
Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Ông Nguyễn Hữu Tuất

Số điện thoại: (84.24) 38732732

MỤC LỤC

I.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	4
II.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	12
III.	CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT.....	13
IV.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....	15
1.	Một số thông tin chính về Tổ Chức Phát Hành.....	15
2.	Cơ cấu tổ chức của Tổ Chức Phát Hành.....	19
3.	Cơ cấu bộ máy quản lý.....	20
4.	Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của công ty và những người có liên quan; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông.....	21
5.	Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành.....	22
6.	Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Vietnam Airlines.....	24
7.	Hoạt động kinh doanh.....	25
8.	Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất.....	33
9.	Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	37
10.	Chính sách đối với người lao động.....	42
11.	Chính sách cổ tức.....	44
12.	Tình hình tài chính.....	44
13.	Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng.....	53
14.	Tài sản.....	73
15.	Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo.....	75
16.	Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	76
17.	Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức.....	77
18.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành.....	77
19.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cổ phiếu chào bán.....	77
V.	CỔ PHIẾU CHÀO BÁN.....	77
1.	Loại cổ phiếu.....	77
2.	Mệnh giá.....	77
3.	Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán.....	77
4.	Tỷ lệ thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm.....	77



5.	Xử lý cổ phiếu lẻ phát hành:.....	77
6.	Đối tượng phát hành.....	78
7.	Giá chào bán.....	78
8.	Phương pháp tính giá.....	78
9.	Phương thức phân phối.....	78
10.	Thời gian phân phối cổ phiếu.....	79
11.	Đăng ký mua cổ phiếu.....	80
12.	Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài.....	80
13.	Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng.....	81
14.	Các loại thuế có liên quan.....	81
15.	Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu.....	82
16.	Thông tin khác về việc chào bán quyền mua cổ phần của cổ đông Nhà nước.....	83
VI.	MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN.....	84
1.	Mục đích chào bán.....	84
2.	Phương án khâ thi.....	84
VII.	KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỔ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN.....	85
VIII.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN.....	86
1.	TỔ CHỨC TƯ VẤN.....	86
2.	TỔ CHỨC KIỂM TOÁN.....	86
IX.	PHỤ LỤC.....	87

MỤC LỤC BẢNG

Bảng 1: Danh sách cổ đông lớn.....	21
Bảng 2: Cơ cấu cổ đông cập nhật.....	21
Bảng 3: Danh sách những công ty con 100% vốn của Tổ Chức Phát Hành.....	22
Bảng 4: Danh sách Các công ty con mà Vietnam Airlines nắm giữ trên 50% vốn.....	22
Bảng 5: Các công ty mà Vietnam Airlines nắm giữ quyền kiểm soát góp vốn dưới 50%.....	23
Bảng 6: Quá trình thay đổi vốn điều lệ của Vietnam Airlines.....	24
Bảng 7: Kết quả hoạt động vận chuyển hành khách 2014-2016.....	25
Bảng 8: Kết quả hoạt động vận tải hàng hóa 2014-2016.....	27
Bảng 9: Cơ cấu doanh thu thuần (hợp nhất).....	28
Bảng 10: Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết.....	32
Bảng 11: Kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất).....	33
Bảng 12: Kết quả hoạt động kinh doanh (Công ty mẹ).....	34
Bảng 13: Một số chỉ tiêu ngành hàng không thể giới.....	40
Bảng 14: Cơ cấu lao động.....	42
Bảng 15: Qui mô và cơ cấu nguồn vốn (hợp nhất).....	44
Bảng 16: Qui mô và cơ cấu nguồn vốn (công ty mẹ).....	45
Bảng 17: Bảng trích khấu hao.....	45
Bảng 18: Các loại thuế phải nộp (hợp nhất).....	46
Bảng 19: Các loại thuế phải nộp (công ty mẹ).....	47
Bảng 20: Tình hình trích lập các quỹ (hợp nhất).....	47
Bảng 21: Tình hình trích lập các quỹ (công ty mẹ).....	48
Bảng 22: Tổng dư nợ vay (hợp nhất).....	48
Bảng 23: Tổng dư nợ vay (công ty mẹ).....	48
Bảng 24: Tình hình các khoản phải thu (hợp nhất).....	50
Bảng 25: Tình hình các khoản phải thu (công ty mẹ).....	50
Bảng 26: Tình hình các khoản phải trả (hợp nhất).....	51
Bảng 27: Tình hình các khoản phải trả (công ty mẹ).....	51
Bảng 28: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu (Hợp nhất).....	52
Bảng 29: Tài sản cố định (hợp nhất).....	73
Bảng 30: Tài sản cố định (công ty mẹ).....	74
Bảng 31: Cơ cấu đất đai Vietnam Airlines đang quản lý.....	74
Bảng 32: Kế hoạch SXKD năm 2017-2018 (Hợp nhất).....	75
Bảng 33: Kế hoạch SXKD năm 2017-2018 (Công ty mẹ).....	75

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH**I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO****1.1 Rủi ro về kinh tế****Tốc độ tăng trưởng kinh tế**

Theo số liệu do Tổng Cục Thống kê công bố, tốc độ tăng trưởng GDP đã hồi phục khá quan kể từ năm 2014, trong đó, năm 2015 Việt Nam đã đạt mức tăng trưởng 6,68%, cao nhất trong 3 năm trở lại đây.

Tăng trưởng GDP năm 2016 đạt mức 6,21% (trong đó quý I tăng 5,48%, quý II tăng 5,78%, quý III tăng 6,56% và quý IV tăng 6,68%), giảm so với mức 6,68% của năm 2015, chủ yếu do tăng trưởng của khu vực nông nghiệp và khai khoáng thấp hơn nhiều so với năm 2015. Nếu không phải chịu ảnh hưởng tiêu cực của 2 nhân tố này, tăng trưởng GDP năm 2016 có thể cao hơn năm trước. Tuy nhiên, xét trong bối cảnh kinh tế thế giới không thuận, giá cả và thương mại toàn cầu giảm, trong nước gặp nhiều khó khăn do thời tiết, môi trường biến đổi biến phức tạp thì đạt được mức tăng trưởng trên là một thành công. Mức tăng trưởng này đã vượt dự đoán 6% mà Ngân hàng Thế giới đã đưa ra năm 2016, giúp Việt Nam đứng thứ 4 trong nhóm các quốc gia đang phát triển tại châu Á, sau Ấn Độ, Trung Quốc và Philippines.

Trong năm 2016, Việt Nam đã thực hiện đúng các cam kết theo các Hiệp định mới ký kết gồm: Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Hàn Quốc, Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh kinh tế Á - Âu. Đồng thời, tiếp tục đàm phán để có những bước tiến tích cực trong Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - EU và tham gia Cộng đồng Kinh tế ASEAN, qua đó tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy tốc độ tăng trưởng kinh tế GDP năm 2016.

Trong 6 tháng đầu năm 2017, GDP tăng 5,73% so với cùng kỳ, cao hơn so mức tăng trưởng 5,52% của 6 tháng đầu năm 2016. Tốc độ tăng trưởng trong 6 tháng đầu năm 2017 tích chủ yếu nhờ sự phục hồi của khu vực nông nghiệp (6T2017: +2,65%) và dịch vụ tăng trưởng mạnh 6,85%, mức cao nhất trong 5 năm qua. Để đạt được mục tiêu tăng trưởng năm nay 6,7%, thông qua Chỉ thị 24/CT-TTg ngày 02/06/2017, Chính phủ gần đây đã đề ra mục tiêu tăng trưởng cho các khu vực như sau: nông nghiệp tăng trưởng 3,05%, công nghiệp và xây dựng tăng trưởng 7,91% (sản lượng dầu thô được điều chỉnh tăng thêm 1 triệu tấn), và dịch vụ tăng 7,19%. Sự hồi phục của nền kinh tế Việt Nam, việc thực thi các hiệp định thương mại trong thời gian tới sẽ tạo điều kiện phát triển thuận lợi là cơ sở quan trọng để các chuyên gia kinh tế thống nhất quan điểm và đặt ra mục tiêu tăng trưởng 6,2 - 6,4% trong năm 2017 và bên cạnh đó là không ít thách thức cho các doanh nghiệp trong nước để vượt qua những rào cản và tiếp tục tăng trưởng trong giai đoạn tiếp theo.

Những biến động trong tốc độ tăng trưởng GDP sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới mức chi tiêu của nền kinh tế, từ đó ảnh hưởng tới nhu cầu đi lại của người tiêu dùng, và theo đó ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động kinh doanh vận tải hàng không của Vietnam Airlines.

Tình hình lạm phát

CPI tháng 12/2016 tăng 4,74% so với tháng 12/2015, bình quân mỗi tháng tăng 0,4%. CPI bình quân năm 2016 tăng 2,66% so với bình quân năm 2015. Mức tăng CPI tháng 12/2016 so với cùng kỳ năm 2015 và mức tăng CPI bình quân năm 2016 so với năm 2015 tuy

có tăng cao, nhưng vẫn thấp hơn mức tăng bình quân của giai đoạn trước đó và nằm trong giới hạn mục tiêu 5% mà Quốc hội đề ra.

Năm 2017, Chính Phủ đề ra mục tiêu lạm phát ở mức 4% do (i) áp lực huy động nguồn vốn đầu tư, đặc biệt là vốn đầu tư trung, dài hạn để phục vụ tăng trưởng, (ii) giá hàng hóa trong nước và thế giới có xu hướng tăng.

Lạm phát tăng có thể ảnh hưởng tiêu cực đến sản xuất kinh doanh của Vietnam Airlines do chi phí đầu vào tăng cao làm giảm lợi nhuận; bên cạnh đó người tiêu dùng đồng thời cũng tiết giảm chi phí, giảm chi tiêu cho du lịch hay đi lại bằng đường hàng không làm doanh thu giảm sút, từ đó tổng lợi nhuận của Vietnam Airlines bị suy giảm.

Lãi suất

Phân tích cơ cấu các khoản vay của Vietnam Airlines tại thời điểm soát xét 30/06/2017, các khoản vay bằng VND chỉ chiếm 2% tổng vay ngắn hạn và 4% của tổng vay dài hạn, phần lớn dư nợ phát sinh bằng tiền USD để mua máy bay, động cơ và máy móc thiết bị khác phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi suất các khoản vay USD ngắn hạn dao động từ 1% - 1,35% hoặc thả nổi; dài hạn từ 1% - 3,65% hoặc thả nổi, do đó rủi ro lãi suất trong tương lai chủ yếu sẽ đến từ biến động lãi suất của USD.

Hiện lãi suất cho vay USD phổ biến ở mức 2,8-6,0%/năm; trong đó lãi suất cho vay ngắn hạn phổ biến ở mức 2,8-4,7%/năm, lãi suất cho vay trung, dài hạn ở mức 4,6-6,0%/năm.

Lãi suất cho vay phổ biến của các TCTD đối với khách hàng từ ngày 13/11-17/11/2017

Đơn vị: %/năm

Nhóm NHTM	Đối tượng	Ngắn hạn	Trung, dài hạn
NHTM Nhà nước	VND	6,8 - 8,5	9,3 - 10,3
	USD	2,8 - 4,2	4,6 - 6,0
NHTM cổ phần	VND	7,8 - 9,0	10,0 - 11,0
	USD	4,0 - ,7	5,0 - 6,0

(Nguồn: Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam)

Dự kiến những tháng cuối năm 2017 và sang năm 2018, mặt bằng lãi suất sẽ tiếp tục chịu áp lực từ những yếu tố sau (i) áp lực thanh khoản vào cuối năm; (ii) mục tiêu tăng trưởng tín dụng 21% cho năm 2017; (iii) khả năng cao Fed sẽ tiếp tục tăng lãi suất vào ki họp tháng 12/2017. Rủi ro lãi suất tăng sẽ ảnh hưởng chủ yếu đến các khoản vay ngắn hạn khi tuần hoàn khoản vay sau mỗi 3 tháng và lãi suất được tính lại theo lãi suất thị trường.

Tỉ giá

Do đặc thù hoạt động sản xuất kinh doanh của Vietnam Airlines có nhiều khoản vay và thuê tài chính để mua máy bay và máy móc thiết bị; thanh toán chi phí cho các đối tác nước ngoài có giá trị lớn nên rủi ro tỉ giá của Vietnam Airlines đến chủ yếu từ biến động của tỉ giá USD/VND và một số ngoại tệ mạnh khác (CNY, JPY, EUR...). Trong năm 2015 và 2016 tỷ

giá biến động nhiều bất lợi, nhưng đến giai đoạn 9 tháng đầu năm 2017 đã khả quan hơn do một số yếu tố vĩ mô tích cực và Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam hỗ trợ duy trì bình ổn tỷ giá thị trường ngoại hối trong nước. Tính chung trong ba quý đầu năm 2017, tỷ giá trung tâm ở mức 22.465 VND/USD, tăng 1,4% so với thời điểm cuối năm 2016. Trong khi đó, tỷ giá bình quân liên ngân hàng chỉ giảm 0.13% và tỷ giá tự do giảm 1.56%. Tại các ngân hàng thương mại, tỷ giá USD/VND được giao dịch ở mức 22.675- 22.745 đồng/USD thấp hơn 15 đồng so với mức giá thời điểm đầu năm.

Ngoài sự hỗ trợ của NHNN, tỷ giá USD/VND duy trì được sự ổn định cũng nhờ vào sự tác động của các yếu tố vĩ mô: (i) nhập siêu nửa đầu năm lớn nhưng dần được thu hẹp lại và sau 10 tháng chuyển sang xuất siêu 2,56 tỷ USD; (ii) vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI đăng ký đạt kỉ lục 33 tỷ USD sau 11 tháng, tăng 80% so với cùng kỳ 2016; (iii) dự trữ ngoại hối tăng lên 46 tỷ USD; (iv) thặng dư cán cân thanh toán 1,061 tỷ USD sau quý II/2017.

Trong thời gian tới, cần chú ý một số yếu tố có thể làm gia tăng rủi ro tỉ giá trong ngắn hạn và dài hạn. Rủi ro trong ngắn hạn bao gồm yếu tố mùa vụ và sức ép thanh khoản cuối năm, nhất là trước thềm cuộc họp của Fed vào tháng 12/2017 và triển vọng tăng lãi suất có thể làm đồng USD tăng mạnh. Rủi ro dài hạn gồm có chính sách cắt giảm thuế của tổng thống Mỹ Donald Trump được thông qua và có hiệu lực sẽ làm nhiều công ty lớn của Mỹ chuyển khoản lợi nhuận ở nước ngoài quay trở lại Mỹ.

1.2 Rủi ro về luật pháp

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Vietnam Airlines và các đơn vị thành viên của Vietnam Airlines chịu sự điều chỉnh bởi hệ thống pháp luật và chính sách của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, bao gồm: Luật Doanh nghiệp, các chính sách thuế, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Do hệ thống pháp luật Việt Nam đang trong quá trình hoàn thiện nên sự thay đổi về chính sách luôn có thể xảy ra và có thể tạo điều kiện thuận lợi hoặc có ảnh hưởng không tốt cho hoạt động kinh doanh của Vietnam Airlines.

Hoạt động vận tải hàng không phụ thuộc nhiều vào các quy định của Chính phủ, với việc cung cấp dịch vụ quốc tế, hãng phải chịu chi phối của pháp luật của Việt Nam và một số nước mà hãng định hướng khai thác đến. Trong một số trường hợp, giá vé và lịch bay phải được sự phê duyệt của Chính phủ các nước liên quan.

Về vấn đề bảo vệ môi trường, chương trình thu phí nhiên liệu xả thải tại EU đã tạm dừng, tuy nhiên nếu áp dụng có thể dẫn tới tăng chi phí khai thác của Vietnam Airlines.

1.3 Rủi ro đặc thù

1.3.1 Rủi ro cạnh tranh trong ngành hàng không

Cùng với sự phát triển của ngành hàng không và chính sách mở cửa nền kinh tế, Chính phủ các nước, trong đó có Việt Nam buộc phải giảm dần các biện pháp bảo hộ doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp Nhà nước. Các quy định về vốn FDI, các chính sách tạo điều kiện cho các hãng hàng không tư nhân và liên doanh với nước ngoài tăng mạnh. Một số nước trong khu vực đang có số lượng hãng hàng không lớn được cấp phép lớn như Indonesia 47 hãng, Thái Lan 31 hãng,... Với việc cho phép các nhà đầu tư nước ngoài được sở hữu tới 49% cổ phần của một hãng hàng không và tư nhân được thành lập hãng hàng không mới, thị

trường vận tải hàng không tại Việt Nam sẽ ngày càng nhiều hãng hàng không tham gia khai thác. Bên cạnh đó, xu hướng liên minh, xu hướng ra đời và cạnh tranh quyết liệt của các hãng hàng không giá rẻ (LCC) đối với phân thị khách thu nhập thấp làm gia tăng rủi ro suy giảm thị phần của các hãng hàng không truyền thống, trong đó có Vietnam Airlines. Điều này sẽ khiến cạnh tranh ngày càng gia tăng trên cả thị trường trong nước và quốc tế.

Tại thị trường ASEAN, chính sách mở cửa bầu trời tại ASEAN và các hợp tác liên doanh giữa các hãng hàng không giá rẻ trong khu vực với các hãng trong nước để khai thác thị trường nội địa Việt Nam làm tăng cạnh tranh trên thị trường Việt Nam.

Tại thị trường Châu Âu, bên cạnh việc cạnh tranh với các đối thủ cạnh tranh cửa ngõ truyền thống (Thai Airways, Singapore Airlines, Cathay Pacific), các hãng tại khu vực Trung Đông như Emirates, Qatar, Ethiad đang tiếp tục đẩy nhanh việc mở rộng khai thác đi/đến Việt Nam, chiếm thị phần ngày càng lớn trên phân thị khách đi lại giữa châu Âu và Việt Nam. Với ưu thế về tần suất cao, chất lượng dịch vụ tốt và giá bán hợp lý, các hãng này sẽ ngày càng tạo sức ép cạnh tranh lên Vietnam Airlines trên thị trường khu vực Châu Âu.

1.3.2 Rủi ro đặc thù ngành hàng không

Bên cạnh những rủi ro thường trực trong môi trường sản xuất kinh doanh, Vietnam Airlines còn đối mặt với những rủi ro mang tính đặc thù ngành hàng không như:

- Biến động chi phí nguyên liệu máy bay (Jet Kerosene) sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Vietnam Airlines.
- Hạ tầng kỹ thuật sân bay, kiểm soát không lưu còn nhiều hạn chế, không theo kịp tốc độ phát triển dẫn tới số lượng điểm đỗ tàu tại các sân bay nội địa hạn chế;
- Chính sách Nhà nước về việc tiếp cận với quyền khai thác giờ hạ/cất cánh tại các sân bay lớn, quốc tế. Trong khi đó, với tốc độ nghiên cứu và phát triển công nghệ diễn ra nhanh chóng, các sản phẩm, giải pháp công nghệ thay thế cho dịch vụ hàng không như video-conferencing, tàu siêu tốc đang tạo ra nhiều thách thức cạnh tranh cho các hãng hàng không.
- Yêu cầu duy trì hiệu suất sử dụng máy bay hàng ngày cao và khai thác có hiệu quả để đảm bảo doanh thu khai thác từ máy bay, được đáp ứng một phần thông qua việc giảm thời gian quay đầu máy bay tại sân bay;
- Công ty cũng có thể phải chịu tổn thất tiềm năng đáng kể trong trường hợp xấu khi xảy ra tai nạn hoặc sự cố hàng không, dẫn tới thiệt hại về tài sản và hình ảnh của Công ty.

Để phòng ngừa rủi ro đặc thù này, Vietnam Airlines đã áp dụng nhiều chính sách ví dụ như thực hiện nghiệp vụ bảo hiểm giá nguyên liệu một cách thận trọng theo nhiều kỳ hạn và cấu trúc khác nhau; xây dựng và duy trì hệ thống quản lý an toàn bay, nhận diện các mối nguy hiểm trong hoạt động khai thác, đánh giá mức độ rủi ro, ...

1.4 Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán

1.4.1 Rủi ro của đợt chào bán

Đợt chào bán diễn ra trong thời điểm nền kinh tế và thị trường chứng khoán trong nước và quốc tế nói chung có nhiều biến động, do đó khó tránh khỏi rủi ro từ những biến động của thị trường. Ngoài ra, đợt chào bán này không có bảo lãnh phát hành nên có khả năng xảy ra rủi ro là Vietnam Airlines không bán hết lượng cổ phần chào bán để huy động đủ vốn triển khai dự án mua máy bay như được đề cập chi tiết tại phần Mục đích phát hành. Trong trường hợp này, Vietnam Airlines sẽ điều chỉnh số lượng cổ phiếu bán được theo thực tế và huy động các nguồn vốn khác (vay vốn từ các tổ chức tín dụng...), áp dụng hình thức Sale & Lease Back (SLB) để tiếp tục thực hiện dự án của Công ty.

1.4.2 Rủi ro của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán

Dự kiến số tiền thu được từ đợt chào bán Vietnam Airlines sẽ sử dụng vào mục đích đầu tư Dự án mua 8 máy bay B787-9 và 10 máy bay A350 giai đoạn 2016-2019 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại công văn số 1567/TTg-CN ngày 18 tháng 10 năm 2007 và số 1567/TTg-KTN ngày 22 tháng 9 năm 2008 và bổ sung vốn lưu động. Khi các máy bay mới đi vào hoạt động sẽ mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn cho doanh nghiệp, ước tính duy trì mức sinh lời trên vốn chủ sở hữu ổn định từ 7%-10%/năm.

Nhìn chung, kế hoạch sử dụng vốn của Vietnam Airlines từ đợt phát hành này là tiếp tục đầu tư vào các hoạt động hiện tại của công ty chứ không phải là đầu tư vào lĩnh vực mới hoạt động. Do vậy, rủi ro của việc đầu tư này là không cao và mang lại nhiều lợi ích cho Vietnam Airlines và xã hội, rủi ro nếu có chủ yếu đến từ kết quả hoạt động kinh doanh trong tương lai của Vietnam Airlines.

1.5 Rủi ro pha loãng

1.5.1 Rủi ro pha loãng thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS)

Khi phát hành thêm cổ phiếu, thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS) có thể sẽ bị suy giảm do lợi nhuận sau thuế được chia cho một lượng cổ phiếu lớn hơn.

$$\text{EPS} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ}}$$

Chi tiêu	Giá trị
Tổng số Cổ phần đang lưu hành (cổ phần)	1.227.533.778
Tổng số Cổ phần phát hành mới (cổ phần)	191.191.377
Tổng số cổ phần lưu hành cuối kỳ (cổ phần)	1.418.725.155
Lợi nhuận sau thuế (2016) (đồng)	1.703.256.922.755
EPS trước phát hành (đồng)	1.387
EPS sau phát hành (đồng)	1.200
EPS sau phát hành giảm (đồng)	-187

Nếu Vietnam Airlines chào bán thành công như phương án đã đề ra, thu nhập trên một cổ phần mà mỗi cổ đông được nhận có thể sẽ bị giảm đi 187 đồng.

1.5.2 Rủi ro pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu

Tại thời điểm kết thúc đợt chào bán, nếu tốc độ tăng vốn chủ sở hữu thấp hơn tốc độ tăng số lượng cổ phiếu sau đợt phát hành thì giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu sẽ giảm. Rủi ro pha loãng giá trị sổ sách có thể xảy ra như sau:

$$\text{Giá trị sổ sách trên một cổ phiếu} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ}}$$

Chi tiêu	Giá trị
Tổng số Cổ phần đang lưu hành	1.227.533.778
Tổng số Cổ phần phát hành mới	191.191.377
Tổng số cổ phần lưu hành cuối kỳ (31/12/2017)	1.418.725.155
Vốn chủ sở hữu (31/12/2016) (đồng)	16,301.939.698.456
Vốn chủ sở hữu (dự kiến 31/12/2017) (đồng)	17.214.127.495.714
Giá trị sổ sách trước phát hành (đồng)	13.280
Giá trị sổ sách sau pha loãng (đồng)	12.133
BVPS sau phát hành giảm (đồng)	-1.147

Giá định Vietnam Airlines chào bán thành công 100% cổ phần cho cổ đông hiện hữu như phương án đã đề ra và không tính đến ảnh hưởng của kết quả kinh doanh (chưa được kiểm toán) trong giai đoạn từ 01/01/2017 đến khi chào bán, giá trị sổ sách trên một cổ phần có thể sẽ bị giảm đi 1.147 đồng.

1.5.3 Điều chỉnh kỹ thuật giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền

Hiện nay cổ phiếu Vietnam Airlines được đăng ký giao dịch tập trung tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội. Do việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với giá bằng mệnh giá thấp hơn thị giá của cổ phiếu đang giao dịch trên thị trường nên giá cổ phiếu Vietnam Airlines tại ngày giao dịch không hưởng quyền sẽ bị điều chỉnh giảm tương ứng với công thức sau:

$$P_{tc} = \frac{P_{tc-1} + (I * P_{cb})}{(1+I)}$$

Trong đó:

P_{tc} : Giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền

P_{tc-1} : Giá cổ phiếu trước ngày giao dịch không hưởng quyền

I : tỷ lệ phát hành (=15,57%)

P_{cb} : Giá phát hành cho cổ đông hiện hữu (=10.000đ/cp)

Giá sử, tại ngày giao dịch không hưởng quyền, giá cổ phiếu Vietnam Airlines đang giao dịch với mức giá 28.000 đ/cp, thì tại ngày giao dịch không hưởng quyền, giá tham chiếu là:

$$P_{tc} = \frac{28.000 + (0,1557) * 10.000}{(1+0,1557)} = 25.574 \text{ (VND)}$$

Tại ngày giao dịch không hưởng quyền, HNX sẽ làm tròn xuống đến hàng trăm nên giá tham chiếu dự kiến sẽ là 25.570 đồng.

1.5.4 Rủi ro pha loãng tỷ lệ sở hữu của các cổ đông sau phát hành

Tỷ lệ nắm giữ cũng như quyền biểu quyết của cổ đông hiện hữu sẽ bị giảm một tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ mà cổ đông hiện hữu từ chối quyền mua trong đợt phát hành hành (so với thời điểm trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm)

1.6 Rủi ro quản trị công ty

Rủi ro quản trị công ty là rủi ro liên quan đến việc có thể có những thay đổi về mô hình quản trị của Vietnam Airlines hoặc biến động trong nhân sự ở cấp quản lý của Tổng công ty.

Tuy nhiên, mô hình quản trị của Vietnam Airlines hiện nay được xây dựng trên cơ sở nghiên cứu về các mô hình quản trị trên thế giới cũng như thực tiễn hoạt động của Vietnam

Airlines trong hơn 60 qua, nằm trong chủ trương lớn tái cơ cấu Vietnam Airlines đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, nhằm mục tiêu bảo đảm Vietnam Airlines có cơ cấu hợp lý, tinh giản bộ máy, tập trung vào lĩnh vực vận tải hàng không và các dịch vụ đồng bộ trong dây chuyền vận tải hàng không; nâng cao sức cạnh tranh và hiệu quả sản xuất kinh doanh với vai trò là Hãng hàng không Quốc gia, góp phần thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và an ninh, quốc phòng.

Về cơ cấu nhân sự của Vietnam Airlines hiện khá ổn định và dự kiến không có biến động đáng kể ảnh hưởng đến hoạt động của công ty.

1.7 Rủi ro khác

Một số rủi ro mang tính bất thường, khả năng xảy ra rất ít nhưng nếu xảy ra sẽ có tác động lớn và nghiêm trọng như động đất, lụt bão, chiến tranh, dịch bệnh hiểm nghèo ... Những hiện tượng này nếu xảy ra có thể ảnh hưởng nghiêm trọng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Vietnam Airlines.

Danh mục các yếu tố rủi ro nêu trên không phải là bảng liệt kê hay giải thích đầy đủ về tất cả các rủi ro liên quan tới việc đầu tư vào cổ phiếu.

107818-C
CÔNG TY
CÔNG VIỆT NAM
STCP
HÀ NỘI - TP. HÀ

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

2.1 Tổ chức phát hành

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM- CTCP

Ông: Phạm Ngọc Minh	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông: Dương Trí Thành	Chức vụ: Tổng giám đốc
Ông: Trần Thanh Hiền	Chức vụ: Kế toán trưởng
Ông: Lại Hữu Phước	Chức vụ: Trưởng ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này

2.2 Tổ chức tư vấn chào bán cổ phiếu ra công chúng

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN KỸ THƯƠNG

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Xuân Minh

Chức vụ: Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên

Người đại diện: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Chức vụ: Tổng Giám Đốc

Giấy ủy quyền số 011/2016/UQ-CT ngày 27/10/2016 của Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ Thương

2.3 Tổ chức tư vấn chào bán quyền mua cổ phần của cổ đông nhà nước

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

Người đại diện: Ông Đỗ Huy Hoài

Chức vụ: Tổng Giám Đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do Vietnam Airlines và Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ Thương ("TCBS"), Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BSC") tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Vietnam Airlines. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Vietnam Airlines cung cấp

III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT

✿ ASK	Available seat kilometers – Ghế luân chuyển, là chỉ số đo lường năng lực vận chuyển hành khách của một hãng hàng không. Chỉ số này được tính bằng cách lấy số lượng ghế mở bán trên mỗi chặng bay nhân với chiều dài chặng bay đó.
✿ ATK	Available tonne kilometers - Tải luân chuyển, là chỉ số đo lường năng lực vận chuyển (cả hành khách và hàng hóa) của một hãng hàng không. Chỉ số này được tính bằng cách lấy tổng tải (hành khách và hàng hóa) cung ứng trên mỗi chặng bay nhân với chiều dài chặng bay đó.
✿ BSP:	Billing Settlement Plan/Hệ thống bán vé, báo cáo và thanh toán điện tử của IATA
✿ CBCNV:	Cán bộ công nhân viên
✿ CLMV	Cam-pu-chia, Lào, My-an-ma, Việt Nam
✿ CPH:	Cổ phần hóa
✿ CNTT:	Công nghệ thông tin
✿ DT:	Doanh thu
✿ GTDN:	Giá trị doanh nghiệp
✿ GSA:	General Sales Agent /Tổng đại lý
✿ HKVN:	Hàng không Việt Nam
✿ HĐKD:	Hoạt động kinh doanh
✿ IATA:	International Air Transport Association/Hiệp hội vận tải hàng không quốc tế
✿ LN:	Lợi nhuận
✿ LNNT:	Lợi nhuận trước thuế
✿ LNST:	Lợi nhuận sau thuế
✿ Nghị định 59:	Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ v/v chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần.
✿ NĐT:	Nhà đầu tư
✿ PSA:	Passenger Sales Agent/Đại lý chi định
✿ QSDĐ:	Quyền sử dụng đất

✿ RTK:	Revenue tonne kilometers - Trọng lượng Khách và Hàng luân chuyển, là chỉ số đo lường dung lượng vận chuyển (cả hành khách và hàng hóa) của một hãng hàng không. Chỉ số này được tính bằng cách lấy tổng trọng lượng hành khách và hàng hóa được vận chuyển trên mỗi chặng bay nhân với chiều dài chặng bay đó (Thông thường RPK được chuyển sang RTK trên cơ sở trọng lượng tiêu chuẩn của mỗi hành khách là 90kg, bao gồm cả trọng lượng hành lý miễn cước và tính cước).
✿ RPK:	Revenue passenger kilometers - Khách luân chuyển, là chỉ số đo lường dung lượng khách vận chuyển của một Hãng hàng không. Chỉ số này được tính bằng cách lấy số lượng khách vận chuyển có doanh thu trên mỗi chặng bay nhân với chiều dài chặng bay đó.
✿ SXKD:	Sản xuất kinh doanh
✿ SLB	Sale and Leaseback: Nghiệp vụ bán và thuê lại
✿ TSCĐ:	Tài sản cố định
✿ Vietnam Airlines:	Tổng công ty Hàng không Việt Nam-CTCP (Công ty mẹ)
✿ XDCCB:	Xây dựng cơ bản
✿ XDGTĐN:	Xác định giá trị doanh nghiệp

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Một số thông tin chính về Tổ Chức Phát Hành

1.1 Thông tin chung

Tên Tiếng Việt	TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM – CTCP	
Loại hình hoạt động	CÔNG TY CỔ PHẦN	
Tên giao dịch	TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM	
Tên Tiếng Anh	VIETNAM AIRLINES JSC	
Tên viết tắt	VIETNAM AIRLINES	
Trụ sở chính	Số 200, Phố Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội	
Điện thoại	(84.4) 38732732	Fax: (84.4) 38722375
Website	www.vietnamairlines.com	
Biểu trưng (logo):	 Vietnam Airlines	

1.2 Ngành nghề kinh doanh

Ngành, nghề kinh doanh của Vietnam Airlines được quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Vietnam Airlines.

Các ngành nghề kinh doanh chính của Vietnam Airlines như sau:

- Vận tải hành khách hàng không, vận tải hàng hóa hàng không.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không.
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.
- Sản xuất máy bay, tàu vũ trụ và máy móc liên quan.
- Dịch vụ chuyên ngành hàng không khác.
- Và các lĩnh vực khác theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

1.3 Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Lịch sử của Vietnam Airlines bắt đầu từ tháng 01/1956, khi Cục Hàng không dân dụng được Chính phủ thành lập, đánh dấu sự ra đời của ngành Hàng không dân dụng ở Việt Nam. Vào thời điểm đó, đội bay còn rất nhỏ, với 05 chiếc máy bay cánh quạt IL 14, AN 2, Aero 45... Chuyến bay nội địa đầu tiên được khai trương vào tháng 9/1956.

Tháng 4/1993, Vietnam Airlines chính thức được thành lập với tư cách là một đơn vị kinh doanh vận tải hàng không có quy mô lớn của Nhà nước (khi đó có tên gọi là Hãng Hàng

không quốc gia Việt Nam). Ngày 27/5/1995, Vietnam Airlines được thành lập theo Quyết định số 328/TTg của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở liên kết 20 doanh nghiệp trong ngành hàng không Việt Nam lấy Hãng Hàng không quốc gia Việt Nam làm nòng cốt.

Năm 2010, Vietnam Airlines được chuyển thành Công ty TNHH Một Thành Viên do Nhà nước làm chủ sở hữu căn cứ theo Quyết định số 952/QĐ-TTg ngày 23 tháng 06 năm 2010 về việc chuyển Tổng Công ty Hàng không Việt Nam thành Công ty TNHH Một Thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu từ ngày 01/07/2010.

Ngày 01/04/2015, Vietnam Airlines chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần. Đây là kết quả thực hiện cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty Hàng không Việt Nam theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Vốn điều lệ tại thời điểm chuyển sang CTCP được ghi nhận trong Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100107518 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp là 11.198.648.400.000 đồng.

Đến tháng 07/2015, Vietnam Airlines đã đăng ký chứng khoán và được cấp mã chứng khoán VIETNAM AIRLINES tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam

Ngày 08/07/2016, Vietnam Airlines nâng vốn điều lệ lên 12.275.337.780.000 đồng thông qua đợt phát hành riêng lẻ chào bán cho Tập đoàn hàng không Nhật Bản – ANA Holdings, Inc. (theo Giấy Chứng Nhận ĐKDN do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 08/07/2016)

Ngày 03/01/2017, cổ phiếu của Vietnam Airlines chính thức giao dịch trên Sàn Upcom thuộc Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán HVN.

Trải qua hơn 20 năm lịch sử phát triển, Vietnam Airlines đã góp phần quan trọng phát triển ngành Hàng không dân dụng của Việt Nam cũng như đóng góp to lớn trong phát triển kinh tế, xã hội và sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

1956	Cục Hàng không dân dụng được Chính phủ thành lập đánh dấu sự ra đời của ngành Hàng không dân dụng Việt Nam
1993	Thành lập Hãng Hàng không Quốc gia Việt Nam
1995	Thành lập Tổng công ty Hàng không Việt Nam gồm Hãng Hàng không quốc gia Việt Nam và 20 doanh nghiệp trong ngành
2002	Vietnam Airlines giới thiệu biểu tượng mới - Bông Sen Vàng gắn với các cải tiến vượt trội về chất lượng dịch vụ, mở rộng mạng đường bay và đặc biệt là nâng cấp đội máy bay của Vietnam Airlines;
2003	Tổ chức lại hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - con theo Quyết định số 372/QĐ-TTg ngày 04/04/2003 của Thủ tướng Chính phủ. Tiếp nhận đưa vào khai thác chiếc máy bay hiện đại với nhiều tính năng ưu việt Boeing 777 đầu tiên, sự kiện khởi đầu chương trình hiện đại hóa đội bay
2006	Trở thành thành viên chính thức của IATA

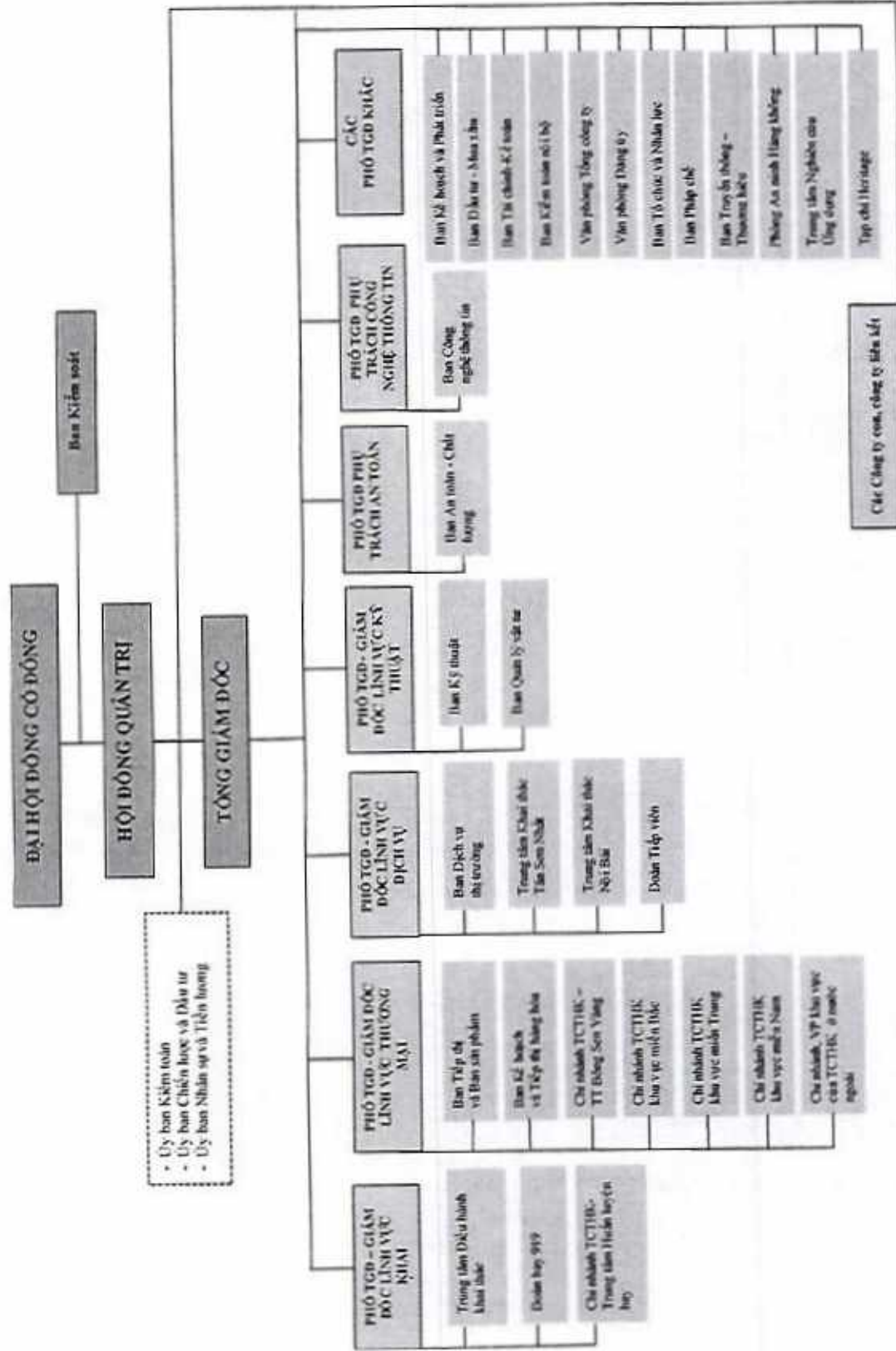
2009	Hợp tác và hỗ trợ Chính phủ Cam-pu-chia thành lập Hãng Hàng không Cambodia Angkor Air, vốn điều lệ 100 triệu đô la Mỹ, trong đó Vietnam Airlines góp 49%
2010	Chuyển thành công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu; Chính thức trở thành thành viên thứ 10 của Liên minh hàng không toàn cầu SkyTeam
2012	Tiếp nhận quản lý phần vốn góp của cổ đông Nhà nước tại CTCP Hàng không Jetstar Pacific Airlines, trở thành cổ đông lớn nhất với tỉ lệ nắm giữ 68,46% vốn điều lệ
1/2013	Bộ GTVT phê duyệt thời điểm xác định GTDN để cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty HKVN là ngày 31/3/2013
5/2014	Bộ GTVT phê duyệt giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty HKVN
9/2014	Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty HKVN
11/2014	Vietnam Airlines hoàn thành chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng vào ngày 14/11/2014 tại Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM
03/2015	Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất của Tổng công ty Hàng không Việt Nam – CTCP đã được tổ chức vào ngày 12/3/2015
04/2015	Vietnam Airlines được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp CTCP và chính thức hoạt động theo mô hình CTCP từ ngày 01/4/2015
09/2015	Vietnam Airlines hoàn tất thủ tục đăng ký công ty đại chúng với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và thủ tục đăng ký chứng khoán với Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam
07/2016	Vietnam Airlines hoàn tất việc đàm phán và lựa chọn đối tác chiến lược nước ngoài là Tập đoàn hàng không hàng đầu Nhật Bản (ANA Holdings)
01/2017	Cổ phiếu Vietnam Airlines chính thức giao dịch trên Sàn UPCOM



Các danh hiệu và thành tích đã được Nhà nước và các tổ chức ghi nhận :

- ✿ Huân chương Hồ Chí Minh do Chủ tịch nước trao tặng, năm 2010;
- ✿ Huân chương Độc lập hạng Ba do Chủ tịch nước trao tặng năm 2003;
- ✿ Huân chương Lao động hạng Nhất do Chủ tịch nước trao tặng năm 1996, 1997;
- ✿ Huân chương Lao động hạng Nhì do Chủ tịch nước trao tặng năm 2011;
- ✿ Huân chương bảo vệ Tổ quốc hạng Ba do Chủ tịch nước trao tặng năm 2010;
- ✿ Bằng khen Quỹ hỗ trợ sáng tạo kỹ thuật Việt Nam năm 2000;
- ✿ Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ năm 2001;
- ✿ Giải thưởng Sao Khuê năm 2005;
- ✿ Cờ thi đua của Chính phủ năm 2011 (Giải Ba) khối thi đua các Tập đoàn và Tổng công ty Nhà nước;
- ✿ Cờ thi đua của Chính phủ năm 2012 (Giải Nhất) khối thi đua các Tập đoàn và Tổng công ty Nhà nước;
- ✿ “Hãng hàng không dẫn đầu Châu Á về khoang dịch vụ Phổ thông” và “Hãng hàng không dẫn đầu châu Á về bản sắc văn hóa” năm 2016 do World Travel Awards trao tặng;
- ✿ Danh sách “Hãng hàng không có thiết kế khoang Thương gia đẹp nhất trên đội tàu bay mới Boeing 787-9 Dreamliner và Airbus A350-900 XWB” năm 2016 do Tạp chí Global Traveler Trung Quốc bình chọn”;
- ✿ “Hãng hàng không xuất sắc nhất của năm – khu vực Đông Dương” tại Hội chợ Du lịch Quốc tế TP.HCM – ITE 2016;
- ✿ Top 3 Hãng hàng không tiến bộ nhất thế giới năm 2016 do SKYTRAX đánh giá;
- ✿ Chứng chỉ “Hãng hàng không quốc tế 4 sao” năm 2016, 2017 theo tiêu chuẩn của SKYTRAX;
- ✿ Giải thưởng “Hãng hàng không của năm tại khu vực châu Á – Thái Bình Dương” do Trung tâm Hàng không châu Á – Thái Bình Dương (CAPA) trao tặng năm 2017
- ✿ Top 20 hãng hàng không có hạng Phổ thông Đặc biệt tốt nhất thế giới năm 2017 (World’s Best Premium Economy Class 2017) và Top 50 hãng hàng không hàng đầu thế giới theo đánh giá của SKYTRAX.
- ✿ Và nhiều giải thưởng, danh hiệu cao quý khác.

2. Cơ cấu tổ chức của Tổ Chức Phát Hành



3. Cơ cấu bộ máy quản lý

✦ Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Vietnam Airlines, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, hoạt động thông qua cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, Đại hội đồng cổ đông bất thường và thông qua việc lấy ý kiến bằng văn bản.

✦ Ban kiểm soát (BKS)

Ban Kiểm soát là cơ quan do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, thay mặt các cổ đông để kiểm soát, đánh giá một cách độc lập, khách quan và trung thực mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành Vietnam Airlines, thực trạng tài chính của Vietnam Airlines và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện nhiệm vụ được giao;

✦ Hội đồng quản trị (HDQT)

Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý Vietnam Airlines, có toàn quyền nhân danh Vietnam Airlines để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Vietnam Airlines không thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông.

✦ Tổng Giám đốc

Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Vietnam Airlines và là người điều hành hoạt động hàng ngày của Vietnam Airlines.

✦ Các Ủy ban giúp việc HDQT; Văn phòng, các ban chuyên môn nghiệp vụ

Các Ủy ban giúp việc của HDQT do HDQT thành lập, bao gồm:

- Ủy ban Chiến lược và Đầu tư,
- Ủy ban Nhân sự và Tiền lương,
- Ủy ban Kiểm toán.

Các Ủy ban làm việc theo mô hình kiêm nhiệm. Các ban chuyên môn của Vietnam Airlines theo chức năng thực hiện nhiệm vụ giúp việc cho các Ủy ban do HDQT thành lập.

Bộ máy giúp việc chung cho Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc: là các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, văn phòng, các ban chuyên môn, nghiệp vụ và các cơ quan tương đương của Vietnam Airlines có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc trong quản lý, điều hành công việc.

Cơ cấu tổ chức hoạt động của Vietnam Airlines bao gồm:

- Trụ sở chính đặt tại Hà Nội với 17 văn phòng/ ban chuyên môn;
- 05 đơn vị trực thuộc và 25 chi nhánh trong nước;
- 31 chi nhánh, văn phòng đại diện nước ngoài;

Ngoài ra, Vietnam Airlines góp vốn đầu tư vào các Công ty con và Công ty liên kết.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của công ty và những người có liên quan; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông

4.1 Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của công ty và những người có liên quan

Bảng 1: Danh sách cổ đông lớn

STT	TÊN CỔ ĐÔNG	Địa chỉ	Số cổ phiếu (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)
I.	Bộ Giao Thông Vận Tải (đại diện sở hữu vốn nhà nước)	80 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	1.057.638.000	86,16%
	<i>Người có liên quan</i> Người đại diện phần vốn của Bộ Giao Thông Vận Tải tại Vietnam Airlines			
1.1	Ông Phạm Ngọc Minh Chủ tịch HĐQT	Nhà 27 – T3 Khu Nam Thăng Long, Hà Nội		
1.2	Ông Dương Trí Thành Thành viên HĐQT kiêm TGD	04-T3 Khu Nam Thăng Long, Tây Hồ, Hà Nội		
1.3	Ông Tạ Mạnh Hùng Thành viên HĐQT	Số 26, ngõ 11, đường Tây Hồ, quận Tây Hồ, Hà Nội		
II.	ANA Holdings Inc.,	Tokyo, Japan	107.668.938	8,771%
	<i>Người có liên quan</i> Người đại diện phần vốn của ANA Holdings Inc.,			
2.1	Ông Koji Shibata			
TỔNG CỘNG			1.165.306.938	94,94%

(Nguồn: Vietnam Airlines)

4.2 Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ

Không có.

4.3 Cơ cấu cổ đông tại ngày 01/9/2017¹

Bảng 2: Cơ cấu cổ đông cập nhật

STT	CỔ ĐÔNG	Số lượng cổ đông	Số Cổ phần	Giá trị theo mệnh giá (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
I.	Nhà nước	1	1.057.638.000	10.576.380	86,16%
II.	Tổ chức khác	31	140.141.692	1.401.417	11,42%
1.	Trong nước	25	30.555.254	305.552	2,49%
2.	Nước ngoài	6	109.586.438	1.095.865	8,93%
III.	Cá nhân	9.488	29.754.086	297.541	2,42%
1.	Trong nước	9.399	29.100.614	291.006	2,37%
2.	Nước ngoài	89	653.472	6.535	0,05%

¹ Ngày chốt danh sách cổ đông theo thông báo của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD)

TỔNG CỘNG	9.520	1.227.533.778	12.275.338	100%
-----------	-------	---------------	------------	------

(Nguồn: Vietnam Airlines)

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành

5.1 Danh sách công ty mẹ của Tổ Chức Phát Hành

Vietnam Airlines được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước, với đại diện sở hữu phần vốn nhà nước tại Doanh nghiệp là Bộ Giao thông Vận tải.

5.2 Danh sách những công ty con của Tổ Chức Phát Hành

Bảng 3: Danh sách những công ty con 100% vốn của Tổ Chức Phát Hành

STT	TÊN ĐƠN VỊ	ĐỊA CHỈ	NGÀNH NGHỀ KINH DOANH
1.	Công ty TNHH MTV Suất ăn Hàng không Việt Nam	Sân Bay Quốc Tế Tân Sơn Nhất - Quận Tân Bình - TP.HCM	Thực phẩm, cung cấp suất ăn cho các chuyến bay
2.	Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Máy bay	Sân bay quốc tế Nội Bài - Huyện Sóc Sơn - TP. Hà Nội	Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy bay
3.	Công ty TNHH MTV Nhiên liệu Hàng không Việt Nam (Skypec)	202 Nguyễn Sơn, Quận Long Biên, TP. Hà Nội	Kinh doanh nhiên liệu hàng không
4.	Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Mặt Đất Sân Bay Việt Nam (VIAGS)	Số 49 Trường Sơn, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ mặt đất sân bay

(Nguồn: Vietnam Airlines)

Bảng 4: Danh sách Các công ty con mà Vietnam Airlines nắm giữ trên 50% vốn

STT	TÊN ĐƠN VỊ	Tỷ lệ sở hữu	ĐỊA CHỈ	NGÀNH NGHỀ KINH DOANH
1.	Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hóa Tân Sơn Nhất	55%	Số 46-48, Đường Hậu Giang, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Dịch vụ phục vụ hàng hóa chuyến bay
2.	Công ty TNHH Giao nhận Hàng hóa Vinako	65,05%	Số 49 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Dịch vụ giao nhận hàng hóa, vận tải mặt đất, kho bãi
3.	CTCP Suất ăn Hàng không Nội Bài	60,18%	Sân bay Quốc tế Nội Bài, Xã Mai Đình, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội	Cung cấp suất ăn hàng không và các dịch vụ liên quan

4.	CTCP Dịch vụ hàng hóa Nội Bài	55,13%	Sân bay Quốc tế Nội Bài, Xã Mai Đình, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội	Dịch vụ phục vụ hàng hóa chuyên bay
5.	Công ty TNHH Dịch vụ Giao nhận Hàng hóa Tân Sơn Nhất	51%	6 Thăng Long, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Dịch vụ phục vụ vận tải hàng không
6.	CTCP Cung ứng và Xuất Nhập Khẩu Lao động Hàng Không	51%	Số 1, ngõ 200/10 phố Nguyễn Sơn, Phường Bờ Đê, Quận Long Biên, Hà Nội	Xuất Nhập Khẩu Lao động
7.	CTCP Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài	51%	Sân bay Quốc tế Nội Bài, Xã Mai Đình, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội	Dịch vụ vận tải hàng không
8.	CTCP Tin học viễn thông Hàng không	52,73%	414 Nguyễn Văn Cừ, Bờ Đê, Long Biên, Hà Nội	Dịch vụ Tin học viễn thông
9.	CTCP Đào tạo Bay Việt	51,52%	117 Hồng Hà, Phường 2, Quận Tân Bình, TPHCM	Đào tạo phi công
10.	CTCP Hàng không Jetstar Pacific	68,85%	112 Hồng Hà, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh vận tải hàng không

(Nguồn: Vietnam Airlines)

5.3. Danh sách những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ cổ phần không chi phối

Bảng 5: Các công ty mà Vietnam Airlines nắm giữ quyền kiểm soát góp vốn dưới 50%

STT	TÊN ĐƠN VỊ	Tỷ lệ sở hữu	ĐỊA CHỈ	NGÀNH NGHỀ KINH DOANH
1.	CTCP Cho thuê máy bay Việt Nam	32,48%	Tầng 14, Tháp A Vincom, Số 191 Bà Triệu, Hà Nội, Việt Nam.	Mua và cho thuê, thuê và cho thuê lại máy bay;
2.	CTCP Dịch vụ Hàng không sân bay Đà Nẵng	36,11%	Sân Bay Quốc Tế Đà Nẵng, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng	Dịch vụ sân bay
3.	CTCP Xuất Nhập khẩu Hàng không	41,31%	414 Nguyễn Văn Cừ, Quận Long Biên, Hà Nội, Việt Nam	Nhập khẩu/phân phối phụ tùng máy bay và các thiết bị mặt đất sân bay
4.	Hãng Hàng không Cambodia Angkor Air	49%	Toà nhà 206A, Đại lộ Preah Norodom, Thành phố Phnom Penh, Campuchia	Vận tải hành khách và hàng hóa hàng không

5.	Công ty Cổ phần Nhựa cao cấp Hàng không	30,41%	Ngõ 200 - Đường Nguyễn Sơn - Phường Bồ Đề- Quận Long Biên - Hà Nội - Việt Nam	Công nghiệp nhựa cao cấp
6.	Công ty Cổ phần Dịch vụ Bưu chính Viễn thông Sài Gòn	0,36%	Số 10 Cô Giang, P. Cầu Ông Lãnh, Quận 1, TP.HCM	Cung cấp các dịch vụ quan trọng trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông và CNTT

(Nguồn: Vietnam Airlines)

6. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Vietnam Airlines

Bảng 6: Quá trình thay đổi vốn điều lệ của Vietnam Airlines

STT	Thời điểm tăng vốn	Giá trị vốn tăng thêm (tỷ đồng)	Vốn điều lệ (đồng)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
1.	04/2015	622.268.400.000	11.198.648.400.000	Cổ phần hóa	Quyết định của TTCP, Bộ GTVT
2.	07/2016	1.076.689.380.000	12.275.337.780.000	Phát hành riêng lẻ cho cổ đông chiến lược nước ngoài	Nghị quyết ĐHĐCĐ lần thứ nhất

(Nguồn: Vietnam Airlines)

Lần 1: Tăng vốn khi thực hiện cổ phần hóa Công ty mẹ Tổng Công ty Hàng Không Việt Nam theo Quyết định số 1611/QĐ-TTg ngày 10/09/2014 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Phương án Cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Hàng không Việt Nam.

- Vốn điều lệ trước khi cổ phần hóa: 9.023.171.403.149 đồng;
- Hình thức tăng vốn: Giữ nguyên phần vốn Nhà nước hiện có tại doanh nghiệp, phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ;
- Ngày quyết toán vốn bản giao sang công ty cổ phần: 31/3/2015;
- Vốn điều lệ sau khi cổ phần hóa: 11.198.648.400.000 đồng.

Căn cứ thực hiện:

- Quyết định số 172/QĐ-TTg ngày 16/1/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án tái cơ cấu Tổng công ty Hàng không Việt Nam giai đoạn 2012-2015;
- Công văn số 291/VPCP-ĐMDN ngày 14/1/2008 của Văn phòng Chính phủ về việc cổ phần hóa Vietnam Airlines;
- Công văn số 2129/VPCP-ĐMDN ngày 15/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án sắp xếp đổi mới doanh nghiệp Nhà nước của Tổng công ty HKVN;
- Công văn số 3184/VPCP-ĐMDN ngày 07/5/2014 của Văn phòng Chính phủ về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp Vietnam Airlines;
- Công văn số 315/BGTVT-TC ngày 9/1/2013 của Bộ Giao thông vận tải về việc thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Vietnam Airlines;
- Quyết định số 1807/QĐ-BGTVT ngày 14/5/2014 của Bộ Giao thông vận tải về giá trị

doanh nghiệp cổ phần hóa của Công ty mẹ - Tổng công ty Hàng không Việt Nam.

- Quyết định số 1611/QĐ-TTg ngày 10/09/2014 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Phương án Cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Hàng không Việt Nam;
- Quyết định số 3584/QĐ-BGTVT ngày 24/09/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt mức giá khởi điểm bán đấu giá cổ phần lần đầu và địa điểm tổ chức bán đấu giá cổ phần để cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Hàng không Việt Nam.
- Quyết định số 3207/QĐ-BGTVT ngày 13/10/2016 của Bộ Giao thông vận tải về quyết toán số tiền thu cổ phần hóa, quyết toán chi phí cổ phần hóa, xác định lại giá trị phần vốn Nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần của Vietnam Airlines.

Lần 2: Phát hành riêng lẻ cho đối tác chiến lược nước ngoài

- Vốn điều lệ trước khi phát hành: 11.198.648.400.000 đồng;
- Hình thức tăng vốn: phát hành riêng lẻ cho cổ đông nước ngoài;
- Cổ đông nước ngoài: ANA Holdings Inc.,
- Số lượng cổ phiếu phát hành: 107.668.938 cổ phiếu;
- Vốn điều lệ sau khi phát hành: 12.275.337.780.000 đồng;
- Ngày bắt đầu chào bán: 30/9/2016;
- Ngày phát hành báo cáo kiểm toán vốn: 20/06/2017;
- Tổng số lượng cổ phiếu sau phát hành: 1.227.533.778 cổ phiếu;

Căn cứ thực hiện:

- Nghị quyết ĐHĐCĐ lần thứ nhất của Vietnam Airlines số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/3/2015,
- Công văn số 1272/TCTHK-BTKCPH ngày 5/7/2016 và Công văn số 114/TCTHK-BTKCPH ngày 8/6/2016 báo cáo UBCKNN về việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ,
- Công văn số 4399/UBCK-QLCB ngày 7/7/2016 của UBCKNN xác nhận kết quả chào bán riêng lẻ cổ phiếu của TCTHK.
- *Ý kiến kiểm toán về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán:* Công ty TNHH KPMG Việt Nam đã kiểm tra tình hình sử dụng vốn của đợt chào bán trên là phù hợp với phương án tăng vốn đã được ĐHĐCĐ của Vietnam Airlines thông qua.

7. Hoạt động kinh doanh

7.1 Sản lượng giá trị dịch vụ qua các năm

Với ngành nghề chính là kinh doanh vận tải hàng không, doanh thu và lợi nhuận của Vietnam Airlines và các công ty con chủ yếu đến từ ba lĩnh vực hoạt động chủ yếu là: (i) Hoạt động vận tải hàng không; (ii) Hoạt động phụ trợ vận tải và (iii) Kinh doanh hàng hóa, dịch vụ và hoạt động khác.

7.1.1 Hoạt động vận chuyển hành khách

Bảng 7: Kết quả hoạt động vận chuyển hành khách 2014-2016

Chỉ tiêu	Thị trường	2014	2015	2016
Khách luân chuyển	Nội địa	7.304	7.848	9.590

(RPK, triệu khách km)	Quốc tế	19.130	20.753	21.640
	Tổng mạng	26.434	28.601	31.230
Ghế luân chuyển (ASK, triệu ghế km)	Nội địa	8.950	9.499	11.767
	Quốc tế	24.131	25.703	27.060
	Tổng mạng	33.082	35.202	38.827
Hệ số sử dụng ghế (load factor, %)	Nội địa	81,6%	82,6%	81,5%
	Quốc tế	79,3%	80,7%	80,0%
	Tổng mạng	79,9%	81,2%	80,4%
Khách vận chuyển (triệu lượt khách)	Nội địa	9,4	9,9	12,6
	Quốc tế	6,4	7,2	7,3
	Tổng mạng	15,8	17,1	19,9
Thị phần (%)	Nội địa	55,8%	46,7%	45,2%
	Quốc tế	42,1%	40,1%	35,4%
	Tổng mạng	49,5%	44,1%	41,0%

(Nguồn: Vietnam Airlines)

Giai đoạn 2014-2016, sản lượng vận chuyển hành khách của Vietnam Airlines đạt 52,8 triệu lượt khách, trong đó 60% là khách nội địa và 40% là khách quốc tế. Lượng khách vận chuyển năm 2016 đạt 19,9 triệu lượt khách, cao gấp 1,26 lần so với năm 2014. Tốc độ tăng trưởng khách vận chuyển bình quân cả giai đoạn 2014-2016 đạt 12%/năm, trong đó nội địa tăng trưởng 16% và quốc tế tăng 7%.

Năng lực cung ứng của Vietnam Airlines trong giai đoạn 2014-2016 đạt mức tăng trưởng bình quân 8%/năm, trong đó tải nội địa tăng 15% và tải quốc tế tăng 6%. Tại thời điểm năm 2016, tổng tải cung ứng toàn mạng của Vietnam Airlines (ghế luân chuyển) đạt 38.827 triệu ghế.km, trong đó nội địa đạt 11.767 triệu ghế.km và quốc tế là 27.060 triệu ghế.km.

Tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm của hành khách luân chuyển nội địa là 15%, khách quốc tế là 6% và toàn mạng đạt 9%. Luân chuyển hành khách thực hiện năm 2016 đạt 31.230 triệu khách.km, tăng 18% so với năm 2014.

Hệ số sử dụng ghế trung bình giai đoạn 2014-2016 đạt 81,9% đối với mạng nội địa, 80% đối với mạng quốc tế và toàn mạng đạt mức bình quân 80,5%. Đặc biệt, ghế suất quốc tế năm 2016 đạt 80% là mức cao nhất từ trước tới nay của Vietnam Airlines.

Năm 2016, hành khách vận chuyển trên các đường bay quốc tế và nội địa của Việt Nam đạt 48,5 triệu lượt khách, trong đó Vietnam Airlines vận chuyển đạt 19,9 triệu lượt khách, chiếm 41% thị phần vận chuyển (gồm 12,6 triệu khách nội địa và 7,3 triệu lượt khách quốc tế).

Trong 9 tháng đầu năm 2017, Vietnam Airlines thực hiện gần 108 nghìn chuyến bay an toàn với chỉ số đúng giờ (OTP) của các chuyến bay đi đạt 90,8%, tăng 6,7 điểm so với cùng kỳ, vượt 2,8 điểm so với mục tiêu và luôn là hãng Hàng không tại Việt Nam có chỉ số đúng giờ cao nhất. Hãng vận chuyển hơn 16 triệu lượt khách, tăng 5% so với cùng kỳ. Trên đường bay trực

giữa Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh và Đà Nẵng, sản lượng vận chuyển toàn Tổng công ty trong 9 tháng đầu năm đạt 6,8 triệu lượt khách, trong đó quý III thị phần đường trục đã lên tới 72%. Với vai trò là Hãng hàng không quốc gia và là hãng vận chuyển chủ lực tại thị trường nội địa, Vietnam Airlines luôn đảm bảo việc cung ứng tải, đáp ứng ổn định nhu cầu đi lại của hành khách trong khi thị trường nội địa có biến động tăng giảm.

7.1.2 Hoạt động vận chuyển hàng hóa

Bảng 8: Kết quả hoạt động vận tải hàng hóa 2014-2016

Chỉ tiêu	Thị trường	2014	2015	2016
Số lượng hàng hóa luân chuyển (RTK, nghìn tấn km)	Nội địa	108.806	118.211	144.704
	Quốc tế	412.559	422.151	604.847
	Tổng mạng	521.365	540.362	749.551
Tổng tải cung ứng km (ATK, nghìn tấn km)	Nội địa	185.098	196.620	264.642
	Quốc tế	629.879	633.663	787.046
	Tổng mạng	814.977	830.283	1.051.688
Hệ số chuyên chở hàng hóa (%)	Nội địa	58,8%	60,1%	54,7%
	Quốc tế	65,5%	66,6%	76,9%
	Tổng mạng	64,0%	65,1%	71,3%
Sản lượng hàng hóa vận chuyển (tấn)	Nội địa	108.684	119.390	142.186
	Quốc tế	86.698	101.747	128.407
	Tổng mạng	195.382	221.137	270.593
Thị phần	Nội địa	70,2%	67,5%	70,4%
	Quốc tế	14,9%	14,2%	16,2%
	Tổng mạng	26,6%	25,5%	27,2%

(Nguồn: Vietnam Airlines)

Tổng khối lượng hàng hóa Vietnam Airlines đã vận chuyển trong giai đoạn 2014-2016 đạt hơn 687 nghìn tấn, trong đó hàng hóa vận chuyển nội địa đạt hơn 370 nghìn tấn và hàng hóa vận chuyển quốc tế đạt gần 317 nghìn tấn. Sản lượng hàng hóa vận chuyển năm 2016 đạt khoảng 271 nghìn tấn, bằng 138% khối lượng vận chuyển của năm 2014. Tốc độ tăng trưởng hàng hóa vận tải bình quân cả giai đoạn 2014-2016 đạt 17,7%/năm, trong đó nội địa tăng 14,4% và quốc tế tăng 21,7%.

Sản lượng hàng hóa luân chuyển giai đoạn 2014-2016 tăng trưởng bình quân 19,9%/năm, trong đó hàng hóa luân chuyển nội địa tăng bình quân 15,3%, luân chuyển hàng hóa quốc tế tăng 21,1%. Luân chuyển hàng hóa thực hiện năm 2016 đạt khoảng 749.551 nghìn tấn km, hệ số chuyên chở đạt 71,3%, tăng 6,2 điểm so với năm 2015.

Vietnam Airlines chiếm tỷ lệ cao trong thị phần vận chuyển hàng hóa bằng đường hàng không tại thị trường nội địa Việt Nam, với mức thị phần trung bình trong 3 năm 2014-2016 đạt

xấp xỉ 70%. Về thị phần vận chuyển hàng hóa quốc tế, Vietnam Airlines chiếm 16,2% sản lượng vận chuyển năm 2016.

7.1.3 Hoạt động thuê chuyên cơ, thuê chuyến

Bên cạnh hoạt động bay thường lệ, Vietnam Airlines cũng đẩy mạnh hoạt động cho thuê chuyên cơ, thuê chuyến trong những năm trở lại đây. Số chuyến bay cho thuê chuyên, thuê chuyên cơ thực hiện trong giai đoạn 2014-2016 đạt 3.833 chuyến bay khứ hồi, trong đó nội địa là 202 chuyến và quốc tế 3.632 chuyến. Doanh thu hoạt động thuê chuyến, thuê chuyên cơ từ năm 2014 đến năm 2016 đạt xấp xỉ 192 triệu đô la Mỹ, trong đó chủ yếu là thu từ các chuyến bay quốc tế (chiếm 98% tổng doanh thu thuê chuyến, thuê chuyên cơ).

7.1.4 Hoạt động phụ trợ vận tải

Doanh thu từ các hoạt động phụ trợ vận tải hàng không của Vietnam Airlines bao gồm: Doanh thu từ hoàn, hủy đổi vé, doanh thu phục vụ thương mại của 3 Xí nghiệp thương mại mặt đất (năm 2016 hợp nhất 3 xí nghiệp chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Mặt Đất Sân Bay Việt Nam (VIAGS) 100% vốn của Vietnam Airlines và doanh thu khác.

Trong những năm qua, hoạt động phụ trợ vận tải đóng góp khoảng 2% tổng doanh thu của Vietnam Airlines. Tuy chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu doanh thu, nhưng đây là mảng hoạt động quan trọng nhằm cung cấp dịch vụ đồng bộ trong dây chuyền vận tải hàng không, góp phần hỗ trợ và nâng cao hiệu quả hoạt động vận tải hàng không. Doanh thu hoạt động phụ trợ vận tải của Vietnam Airlines đạt mức tăng trưởng bình quân 20,02%/năm trong giai đoạn 2014-2016.

7.1.5 Cơ cấu doanh thu

Bảng 9: Cơ cấu doanh thu thuần (hợp nhất)

(Đơn vị: triệu đồng)

STT	Doanh thu	Năm 2015 ² (01/01/2015- 31/12/2015)	Năm 2016 (1/1/2016- 31/12/2016)	Năm 2017 (1/1/2017- 31/12/2017)
1.	Doanh thu vận tải hàng không	55.398.919	60.051.753	68.928.593
	Tỷ trọng/DTT	85,57%	85,68%	83,10%
2.	Doanh thu HĐ phụ trợ vận tải	4.695.089	3.678.888	4.225.274
	Tỷ trọng/DTT	7,25%	5,25%	5,09%
3.	Doanh thu bán hàng	5.660.668	5.851.875	9.529.148
	Tỷ trọng/DTT	8,74%	8,35%	11,48%
4.	Doanh thu khác	563.523	988.972	840.697
	Tỷ trọng/DTT	0,87%	1,41%	0,10%
	Giảm trừ doanh thu	376.504	482.514	602.743
	Doanh thu thuần	65.941.695	70.088.974	82.950.970

(Nguồn: BCTC HNKT năm 2015, 2016 và 2017 của Vietnam Airlines)

Năm 2015 và 2016 trong cơ cấu doanh thu thuần của Vietnam Airlines thì doanh thu vận

² Doanh thu năm 2015 bao gồm giai đoạn 3 tháng (1/1/2015-31/3/2015) hoạt động dưới hình thức công ty TNHH MTV và 9 tháng (1/4/2015-31/12/2015) hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần sau khi cổ phần hóa.

tài hàng không chiếm tỷ trọng lớn nhất, bình quân trên 85% tổng doanh thu thuần. Do năm 2015 Vietnam Airlines chỉ chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ 1/4/2015 tới 31/12/2015 (9 tháng), nên nếu cộng doanh thu Quý 1/2015 (giai đoạn vẫn hoạt động dưới hình thức doanh nghiệp nhà nước 100%) thì doanh thu từ mảng vận tải hàng không đạt hơn 54,3 nghìn tỷ đồng, chiếm 86% trên tổng doanh thu thuần của Vietnam Airlines. Mảng hoạt động phụ trợ vận tải và bán hàng chiếm từ 5,26% tới 8,35% trên tổng doanh thu thuần.

Năm 2017, doanh thu hợp nhất của Vietnam Airlines đạt 82.950 tỷ, vượt kế hoạch năm đã đề ra. Trong đó, đóng góp lớn nhất cũng đến từ doanh thu từ kinh doanh vận tải hàng không kế tiếp là mảng phụ trợ vận tải và bán hàng

7.2. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh

7.2.1 Tình hình đầu tư phát triển đội tàu bay

Đầu tư phát triển đội tàu bay là hạng mục đầu tư quan trọng nhất của Vietnam Airlines nhằm đáp ứng nhu cầu tàu bay khai thác. Vietnam Airlines đã triển khai và thực hiện đúng phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ về Kế hoạch phát triển đội tàu bay đến năm 2020. Giai đoạn 2014-2016: tổng giá trị thực hiện đầu tư tàu bay là 37.078,6 tỷ đồng.

Tính đến thời điểm 30/9/2017, Đội tàu bay của Vietnam Airlines như sau:

Tàu bay	31/12/2016	30/09/2017
ATR72	11	11
Airbus A321	58	58
Airbus A330	8	7
Airbus A350	6	8
Boeing B777	4	0
Boeing B787	10	11
Tổng	97	95

7.2.2 Tình hình đầu tư trang thiết bị

Tổng giá trị thực hiện đầu tư trang thiết bị giai đoạn 2014-2016 là 821,8 tỷ đồng. Trong giai đoạn 2014-2016, Vietnam Airlines ưu tiên đầu tư các Dự án trang thiết bị phục vụ cho việc khai thác đội tàu bay thế hệ mới. Số Dự án được phê duyệt trong giai đoạn này là 125 Dự án với Tổng mức đầu tư được phê duyệt trong giai đoạn này là 1.205,7 tỷ đồng.

Một số dự án quan trọng được triển khai và đưa vào sử dụng trong giai đoạn này như sau:

- Dự án đầu tư cửa huấn luyện A350 và B787;
- Dự án chuyển đổi cấu hình ghế 14 tàu bay A321 sở hữu;
- Dự án đầu tư trang thiết bị phục vụ mặt đất giai đoạn 2014-2015;
- Dự án đầu tư ULD 2013-2014 và ULD 2015-2016;

Ngoài ra còn có các Dự án đầu tư hệ thống quản lý kỹ thuật, vật tư và bảo dưỡng máy bay; các dự án công nghệ thông tin, chương trình ứng dụng phục vụ điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh...

7.2.3 *Tình hình đầu tư xây dựng*

Tổng giá trị thực hiện đầu tư giai đoạn 2014-2016 là 563,6 tỷ đồng. Trong giai đoạn 2014-2016, Vietnam Airlines ưu tiên nguồn vốn cho các dự án lập quy hoạch, dự án trọng điểm, tập trung đầu tư phát triển các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng để đáp ứng nhu cầu khai thác, bảo dưỡng của Vietnam Airlines. Số Dự án được phê duyệt trong giai đoạn này là 34 Dự án với TMĐT được phê duyệt là 1.845,2 tỷ đồng.

Một số Dự án quan trọng được triển khai và đưa vào sử dụng trong giai đoạn này như sau:

- Hangar bảo dưỡng tàu bay thân rộng A75;
- Toà nhà chính Trung tâm huấn luyện đào tạo của Vietnam Airlines tại Tp. Hồ Chí Minh;
- Khu làm việc văn phòng bồi dưỡng nghiệp vụ cán bộ hàng không tại 200 Nguyễn Sơn-giai đoạn 1;
- Nhà điều hành khối khai thác 108 đường Hồng Hà;

7.3. **Hoạt động Marketing**

Trong giai đoạn 2014-2017, Vietnam Airlines tập trung quảng bá thương hiệu theo chiến lược phát triển thương hiệu được xây dựng dài hạn phù hợp với năng lực, nguồn lực, theo sát định hướng phát triển của Vietnam Airlines đến năm 2020 trở thành hãng hàng không thuộc nhóm đứng đầu khu vực Đông Nam Á. Công tác thương hiệu và quảng cáo chiến lược toàn cầu tiếp tục được thực hiện với sự tư vấn của đại lý chuyên nghiệp.

Các giải pháp phát triển thương hiệu được triển khai như sau:

Xây dựng hình ảnh Hãng hàng không 4 sao

Xây dựng thương hiệu hãng hàng không 4 sao đạt tiêu chuẩn quốc tế được thực hiện thông qua các chiến dịch quảng bá với các thông điệp gắn liền với: sự phát triển đội tàu bay mới, hiện đại, nhấn mạnh vào yếu tố công nghệ, tiện nghi (Boeing B787-9, Airbus A350-900); cũng như nỗ lực tăng cường chất lượng dịch vụ đẳng cấp 4 sao quốc tế - không chỉ đáp ứng được yêu cầu cơ bản của khách hàng, mà cả những nhu cầu cao cấp, thậm chí những nhu cầu chưa thể hiện của hành khách, đặc biệt cùng với việc triển khai áp dụng bộ nhận diện thương hiệu mới trong năm 2015.

Đây cũng là những nhân tố quan trọng trong tiến trình phát triển thương hiệu, đưa Vietnam Airlines trở thành thương hiệu không chỉ được biết đến rộng rãi mà còn được yêu thích.

Xây dựng hình ảnh hãng hàng không thuộc nhóm đứng đầu khu vực Đông Nam Á

Xây dựng hình ảnh hãng hàng không thuộc nhóm đứng đầu khu vực Đông Nam Á, được ưa chuộng ở châu Á về chất lượng dịch vụ trên không và mặt đất với hình ảnh và thông điệp được thể hiện thông qua: Đội máy bay trẻ hiện đại, công nghệ cao; Sản phẩm, dịch vụ mới vượt trội - mạng bay mở rộng đến Trung Quốc, Bắc Mỹ, Trung Đông và Nam Á, đồng thời tiếp tục đổi mới đầu tư phát triển chất lượng dịch vụ cao hơn nữa nhằm tạo sự khác biệt về sản phẩm; Đội ngũ nhân lực có khả năng làm chủ công nghệ tiên tiến nhất của thế giới.

Các hoạt động quảng bá thương hiệu ra bên ngoài

Các hoạt động quảng bá thương hiệu ra bên ngoài được thực hiện chủ yếu thông qua các

đối tác chuyên nghiệp (đại lý quảng cáo), thực hiện cụ thể cho từng năm, bám sát định hướng chung của cả giai đoạn. Do tính chất thị trường, việc quảng bá thương hiệu ra bên ngoài được thực hiện riêng biệt đối với thị trường quốc tế và thị trường Việt Nam.








Các hoạt động quảng bá thương hiệu ra bên ngoài được thực hiện theo các hình thức:

- Phương tiện quảng cáo mua: trên các phương tiện truyền hình, báo chí, biển bảng, quảng cáo trực tuyến, mẫu vật phẩm tại điểm bán, in trên quà tặng và các kênh phương tiện theo xu hướng mới, thay đổi linh hoạt theo thị trường, giai đoạn (quảng cáo qua rạp chiếu phim, facebook, instagram ...)
- Quảng cáo thông qua hình thức tài trợ: quảng bá hình ảnh thông qua các chương trình tài trợ thuộc các lĩnh vực khác nhau: Thể thao (Giải bóng đá U21, Giải Golf, Giải đua thuyền ...), nghệ thuật (dàn nhạc giao hưởng, Ballet, Lễ hội âm nhạc gió mùa Monsoon, các chương trình mời các nghệ sỹ nổi tiếng thế giới tới VN biểu diễn ...), văn hóa – du lịch (Lễ hội hoa Đà Lạt, Festival Huế, Pháo hoa Đà Nẵng, Lễ Hội Đèn Hùng ...); tổ chức các hội chợ, sự kiện, festival quốc tế.
- Thông qua các hoạt động truyền thông: Mạng xã hội, tổ chức sự kiện, hợp tác với báo chí, ... và các hoạt động thể hiện trách nhiệm xã hội.
- Tận dụng kênh phương tiện nội bộ: Vietnam Airlines website, Facebook, Youtube channel, Tạp chí Heritage/ Heritage Fashion, Màn hình giải trí máy bay, Phòng chờ, phòng vé ...

7.4. Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Các nhân hiệu đã được Vietnam Airlines đăng ký bản quyền:

TT	Tên Nhân hiệu	Hình Nhân hiệu	Đơn vị quản lý	Số quốc gia đã nộp đơn đăng ký	Số quốc gia đã chấp nhận bảo hộ
1	VNA	 Vietnam Airlines	Vietnam Airlines	93	56
2	Hình Bông sen		Vietnam Airlines	1	1
3	Chữ VNA	Vietnam Airlines	Vietnam Airlines	1	1
4	Golden Lotus Plus		Vietnam Airlines	26	25
5	Lotus Lounge		Vietnam Airlines	1	0

6	Phòng chờ Bông sen vàng		Vietnam Airlines	1	0
7	Phòng khách Bông sen		Vietnam Airlines	1	0
8	Bông sen vàng		Vietnam Airlines	1	0
9	Lotusmiles		Vietnam Airlines	34	0
10	Lotustar		Vietnam Airlines	34	0
11	Lotushop		Vietnam Airlines	34	0
12	Viet Air		Vietnam Airlines	2	2
13	Heritage		Heritage	1	1
14	Heritage Fashion		Heritage	1	1
15	Vasco		Vietnam Airlines	1	1
16	VNA		Vietnam Airlines	2	2
17	Viet Airways		Vietnam Airlines	1	1
18	NIAGS		Niags	1	1

(Nguồn: Vietnam Airlines)

7.5. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Bảng 10: Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

STT	Tên Hợp Đồng	Thời gian thực hiện	Sản phẩm, Dịch vụ	Đối tác cung cấp
-----	--------------	---------------------	-------------------	------------------



1	Hợp đồng mua 10 tàu bay A350-900 XWB	2007-2019	10 tàu bay A350-900 XWB	Airbus
2	Hợp đồng mua 08 tàu bay B787-9	2008-2017	8 tàu bay B787-9	Boeing
3	Hợp đồng SLB 01 tàu bay A350 MSN 0056	2016-2028	01 tàu bay A350-900 XWB	DAE
4	Hợp đồng SLB 01 tàu bay A350 MSN 0067	2016-2028	01 tàu bay A350-900 XWB	DAE
5	Hợp đồng SLB 01 tàu bay A350 MSN 0086	2017-2029	01 tàu bay A350-900 XWB	DAE
6	Hợp đồng SLB 01 tàu bay B787-9 MSN 39290	2017-2029	01 tàu bay B787-9	PingAn
7	Hợp đồng thuê 08 tàu bay B787-10	2019-2032	08 tàu bay B787-10	Air Lease
8	Hợp đồng thuê 12 tàu bay A321 NEO	2018-2031	12 tàu bay A321 NEO	Air Lease
9	Hợp đồng thuê 06 tàu bay A321 NEO	2018-2031	06 tàu bay A321 NEO	ACG
10	Hợp đồng thuê 02 tàu bay A321 Neo	2018-2031	02 tàu bay A321 NEO	ICBC

(Nguồn: Vietnam Airlines)

8. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

8.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

Bảng 11: Kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất)

(Đơn vị: triệu đồng)

STT	Chỉ tiêu	Năm 2015 ³	Năm 2016	% tăng giảm	31/12/2017
1.	Tổng giá trị tài sản	89.181.674	96.480.328	8,18%	88.550.486
2.	Doanh thu thuần	65.941.695	70.088.974	6,29%	82.950.970

³ (*) Số liệu năm 2015 được cộng lũy kế cho 2 giai đoạn là giai đoạn hoạt động dưới hình thức công ty TNHH MTV (01/01/2015-31/03/2015) và giai đoạn hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần (01/04/2015-31/12/2015)

STT	Chi tiêu	Năm 2015 ³	Năm 2016	% tăng giảm	31/12/2017
3.	Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	9.023.239	10.842.826	20,17%	10.672.674
4.	Lợi nhuận khác	1.242.086	533.586	-57,04%	1.087.141
5.	Lợi nhuận trước thuế	1.048.814	2.600.582	147,95%	3.154.759
6.	Lợi nhuận sau thuế	805.879	2.105.237	161,23%	2.659.113

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2015, 2016 và 2017)

Bảng 12: Kết quả hoạt động kinh doanh (Công ty mẹ)

(Đơn vị: triệu đồng)

STT	Chi tiêu	Năm 2015 ⁴	Năm 2016	% tăng giảm	31/12/2017
1	Tổng giá trị tài sản	83.538.230	87.032.674	4.18%	79.196.810
2	Doanh thu thuần	53.432.648	56.518.048	5.77%	63.374.522
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	6.743.035	8.928.269	32.41%	8.444.121
4	Lợi nhuận khác	987.735	476.877	-51.72%	389.751
5	Lợi nhuận trước thuế	282.424	1.710.974	505.82%	1.911.096
6	Lợi nhuận sau thuế	277.607	1.703.257	513.55%	1.815.819
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức của công ty mẹ	-	6%	-	-

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2015, 2016 và 2017)

Năm 2016, các chỉ tiêu tài chính của Vietnam Airlines đã có bước phát triển so với năm 2015, trong đó doanh thu thuần tăng 20,17% nhưng lợi nhuận sau thuế tăng hơn 161,23%, lý do chính là Vietnam Airlines đã kiểm soát tốt chi phí và điều kiện thuận lợi là giá nhiên liệu năm 2016 có xu hướng giảm.

Lợi nhuận sau thuế quý 2 và hợp nhất 6 tháng 2017 của Vietnam Airlines hợp nhất và công ty mẹ giảm nhẹ so với cùng kỳ năm trước do một số nguyên nhân chủ yếu như sau:

- Giá nhiên liệu bình quân 6 tháng đầu năm 2017 tăng khoảng 17 USD/thùng (tương đương tăng khoảng 37,1%) so với giá nhiên liệu bình quân 06 tháng đầu năm 2016 làm cho chi phí nhiên liệu tăng khoảng 1.700 tỷ đồng. Doanh thu bình quân hành khách toàn mạng tăng khoảng 1,6% so với cùng kỳ (khoảng 766 tỷ đồng) và doanh thu hàng hóa so với cùng kỳ xấp xỉ 610 tỷ đồng. Tuy nhiên, mức gia tăng doanh thu từ tăng doanh thu bình quân và doanh thu hàng hóa chưa đủ bù đắp cho phần chi phí nhiên liệu tăng thêm cùng kỳ.

- Thu nhập khác giảm mạnh so với 6 tháng cùng kỳ năm 2016 (trên 670 tỷ đồng), chủ yếu do trong 6 tháng đầu năm 2016, công ty mẹ có ghi nhận doanh thu thanh lý máy bay (khoảng 141 tỷ đồng) và ghi nhận khoản hỗ trợ tín dụng từ hợp đồng mua động cơ (khoảng 306) tỷ đồng, trong khi kỳ 6 tháng đầu năm 2017 không phát sinh các khoản thu nhập này.

Doanh thu và Lợi nhuận sau thuế lũy kế 12 tháng 2017 của Vietnam Airlines hợp nhất lần lượt tăng 19% và 27% so với năm 2016 do tăng từ nhu nhập bán và cho thuê lại máy bay (tăng

⁴ (*) Số liệu năm 2015 được cộng lũy kế cho 2 giai đoạn là giai đoạn hoạt động dưới hình thức công ty TNHH MTV (01/01/2015-31/03/2015) và giai đoạn hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần (01/04/2015-31/12/2015)

hơn 10 lần so với cùng kỳ năm trước).

Ghi chú: Công ty xin giải trình một số nội dung liên quan tới ý kiến kiểm toán ngoại trừ trong báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất năm 2015 của Vietnam Airlines do Công ty TNHH Deloitte Việt Nam thực hiện ngày 31/03/2016:

✿ Số liệu quyết toán bàn giao sang Công ty cổ phần

Ý kiến của đơn vị kiểm toán:

"... số liệu so sánh của kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2015 tới 31/12/2015 là số liệu trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/3/2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/3/2015 đã được xử lý tài chính tại thời điểm Tổng Công Ty hàng không Việt Nam – CTCP (Công ty mẹ) chính thức chuyển thành công ty cổ phần. Tại ngày lập báo cáo tài hợp nhất này, cơ quan có thẩm quyền chưa thực hiện quyết toán để xác định và phê duyệt số liệu bàn giao sang công ty cổ phần. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không".

Đối với ý kiến kiểm toán ngoại trừ này, Vietnam Airlines có ý kiến giải trình như sau:

Sau ngày phát hành báo cáo tài chính kiểm toán cho ngày kết thúc vào 31/12/ 2015, tại ngày 14/10/2016, cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã thực hiện quyết toán để xác định và phê duyệt số liệu để bàn giao sang công ty cổ phần cho Vietnam Airlines, cụ thể như sau:

- Bên Giao: Tổng Công Ty Hàng Không Việt Nam – Công ty TNHH MTV
- Bên Nhận: Tổng Công ty Hàng Không Việt Nam – CTCP
- Cơ quan Chứng Kiến Bàn Giao: Bộ Giao Thông Vận Tải

Cùng thực hiện bàn giao và tiếp nhận vốn, tài sản và các nguồn lực giữa Tổng Công Ty Hàng Không Việt Nam – Công ty TNHH MTV và Tổng Công ty Hàng Không Việt Nam – CTCP.

Theo đó, cơ sở số liệu bàn giao tài sản, tài chính, công nợ được căn cứ theo Báo cáo tài chính tại thời điểm 31/3/2015 của Công ty mẹ - Tổng công ty Hàng Không Việt Nam được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán Deloitte và các Biên bản, Báo cáo khác của các cơ quan có thẩm quyền.

Căn cứ theo Báo cáo tài chính kiểm toán đính kèm với Biên bản bàn giao, số liệu của Vietnam Airlines tại ngày 31/03/2015 đã được kiểm toán và kiểm tra quyết toán thuế theo đúng quy định pháp luật.

Báo cáo tài chính năm 2016 là Báo cáo tài chính được đơn vị kiểm toán chấp nhận toàn phần, kiểm toán viên không đưa ý kiến ngoại trừ đối với nội dung này nữa.

✿ Ghi nhận doanh thu nhận trước

Ý kiến của đơn vị kiểm toán:



“Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP đang ghi nhận toàn bộ doanh thu nhận trước tương ứng với nghĩa vụ phải cung cấp cho khách hàng thường xuyên (FFP) vào kết quả kinh doanh trong kỳ. Chúng tôi không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán để xác định giá trị doanh thu nhận trước tương ứng với nghĩa vụ phải trả này của kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2015 đến ngày 31/12/2015. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không”.

Đối với ý kiến ngoại trừ này, chúng tôi xin được giải trình như sau:

Ngày 22/12/2014 Bộ Tài Chính đã ban hành Thông tư 200/2014/BTC có hiệu lực áp dụng từ ngày 05/02/2015 về chế độ kế toán doanh nghiệp mới (TT200). Theo hướng dẫn tại Điều 79 quy định về Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, mục 1.6.10 qui định về đặc điểm và nguyên tắc ghi nhận doanh thu đối với giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ theo chương trình dành cho khách hàng truyền thống, các công ty có chương trình này chỉ được ghi nhận doanh thu khi thực hiện cung cấp hàng hóa, dịch vụ miễn phí đó cho khách hàng.

Đối với Vietnam Airlines, các dặm thưởng của Chương trình khách hàng thường xuyên FFP được coi là dịch vụ miễn phí, chiết khấu giảm giá cho khách, vì vậy về nguyên tắc Vietnam Airlines phải hoãn lại một lượng doanh thu (giảm trừ doanh thu vận chuyển hành khách) tương ứng với giá trị các dặm thưởng khách đã lấy nhưng chưa sử dụng.

Tuy nhiên, năm 2015 do tính chất phức tạp của dặm thưởng được sử dụng vào nhiều mục đích khác nhau như: vé thưởng, nâng hạng ghế, thưởng hành lý, hạng thương gia của Vietnam Airlines và lấy thưởng trên các đối tác khác...nên giá trị hợp lý (bằng tiền) của dặm thưởng khó xác định. Đồng thời, Việt Nam chưa ban hành chuẩn mực kế toán để xác định giá trị hợp lý của dặm thưởng, chuẩn mực quốc tế cũng không cụ thể rõ ràng nên Vietnam Airlines phải báo cáo, xây dựng phương án xác định giá trị hợp lý để trình các cấp có thẩm quyền (Bộ Tài chính) phê duyệt để thực hiện.

Năm 2016, Vụ chế độ Kế toán và Kiểm toán – Bộ Tài chính đã chấp nhận phương án tại công văn số 10833/BTC-CKT ngày 05/8/2016, theo đó, Vietnam Airlines đã có cơ sở để xác định giá trị hợp lý của dặm thưởng để thực hiện ghi nhận doanh thu hoãn lại trong Báo cáo tài chính năm 2016. Báo cáo tài chính năm 2016 là Báo cáo tài chính đã được đơn vị kiểm toán chấp nhận toàn phần, kiểm toán viên không đưa ý kiến ngoại trừ đối với nội dung này nữa.

8.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Vietnam Airlines trong năm báo cáo

Thuận lợi

Năm 2016 tình hình kinh tế nói chung, môi trường kinh doanh vận tải hàng không của Vietnam Airlines nói riêng có những thuận lợi nhất định:

- Tình hình kinh tế vĩ mô của Việt Nam phát triển ổn định, bền vững, tốc độ tăng trưởng GDP duy trì trung bình ở mức 6% bên cạnh việc tỷ lệ lạm phát có xu hướng giảm trong các năm gần đây. Tỷ giá thực tế bình quân của các đồng bản tệ (trừ GBP, CNY) đều tăng giá so với USD, tỷ giá USD/VND ổn định và giá nhiên liệu thấp (thấp hơn so với năm 2015 là 15,1USD/thùng);
- Thị trường vận tải hàng không quốc tế tăng trưởng 18% so với năm 2015 và tăng hơn 9%



- so với dự báo kế hoạch, thị trường hàng không nội địa tăng trưởng 33% so với năm 2015 và đạt 100% so với kế hoạch đề ra. Tỷ giá VND/USD ổn định và giá nhiên liệu thấp là những yếu tố thuận lợi cho kinh doanh vận tải hàng không.
- Việt Nam tiếp tục là điểm đến an toàn và hấp dẫn. Trong giai đoạn 2014-2016, khách du lịch quốc tế đến Việt Nam đạt 36,2 triệu lượt khách, trong đó khách quốc tế đi bằng đường hàng không đạt hơn 29,1 triệu lượt khách, chiếm tỷ trọng là 80,4% với tốc độ tăng trưởng bình quân khoảng 11%.
 - Bước sang năm 2017, dự báo triển vọng kinh tế thế giới lạc quan hơn với các , thị trường vận tải hàng không quốc tế tiếp tục tăng trưởng tốt, Việt Nam tiếp tục được đánh giá là điểm đến về đầu tư, kinh tế, du lịch đối với các nhà đầu tư và du khách nước ngoài, do đó, Vietnam Airlines sẽ được hưởng lợi từ xu hướng này.
 - Chính phủ Việt Nam đã xây dựng Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030, đặt mục tiêu phát triển du lịch trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn, đạt đẳng cấp trong khu vực vào năm 2020. Dự kiến đến năm 2020, ngành du lịch sẽ đón khoảng 10-10,5 triệu lượt khách quốc tế, phục vụ 47-48 triệu lượt khách nội địa, doanh thu đạt 18-19 tỷ USD, đóng góp 5,5-6% GDP của cả nước.

Khó khăn

- Trong những năm gần đây, môi trường kinh doanh quốc tế có nhiều diễn biến bất lợi đối với kinh doanh vận tải hàng không: thảm họa sóng thần và khủng hoảng hạt nhân ở Nhật Bản; dịch bệnh H5N và Ebola; khủng hoảng nợ công tại Châu Âu; bất ổn chính trị leo thang tại Ukraine, Thái Lan; tình hình xung đột tại Biển Đông và mới đây nhất là sự kiện Brexit.
- Cạnh tranh trên thị trường vận tải hàng không quốc tế và nội địa ngày càng gay gắt. Tổng tải cung ứng (ASK) thị trường nội địa tăng 34% so với 2015. Trong khi ASK tăng mạnh mà sức mua chỉ tăng 9%-10% làm cho doanh thu trung bình của tất cả các hãng sụt giảm 10%-15% so với 2015. Trên các đường bay quốc tế, các hãng hàng không giá rẻ mở rộng ra khu vực Đông Bắc Á, Đông Nam Á. Thị phần tải các hãng hàng không giá rẻ tăng từ 8% năm 2015 lên tới 14% tổng thị trường quốc tế trong năm 2016.
- Cơ sở hạ tầng hàng không trong nước tuy đã từng bước được mở rộng và hiện đại hóa nhưng vẫn xảy ra tình trạng quá tải, đặc biệt là tại sân bay Tân Sơn Nhất. Điều này đã hạn chế năng lực khai thác của các hãng hàng không.
- Năm 2017, dự báo giá nhiên liệu không thuận lợi như năm 2016, đồng thời doanh nghiệp sẽ tăng chi phí khấu hao khi mua máy bay mới nên kết quả kinh doanh sẽ có ít nhiều bị ảnh hưởng bất lợi.

9. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

9.1 Vị thế của công ty trong ngành;

9.1.1 Vietnam Airlines là Hãng hàng không quốc gia Việt Nam, có thương hiệu mạnh trong nội địa và khu vực CLMV, có vị thế chi phối thị trường hàng không Việt Nam

Thương hiệu Vietnam Airlines – Hãng hàng không quốc gia Việt Nam đã được hình thành và phát triển gắn liền cùng với quá trình trưởng thành của ngành Hàng không dân dụng Việt Nam. Đến nay, từ một hãng hàng không nhỏ bé, Vietnam Airlines đã trở thành một hãng hàng không có



thương hiệu uy tín, được khách hàng trong nước và quốc tế biết đến. Trong 10 năm trở lại đây, Vietnam Airlines đã có những bước phát triển quan trọng. Năm 2006, sau khi được đạt được chứng chỉ uy tín về an toàn khai thác (IOSA) của Hiệp hội Vận tải Hàng không Quốc tế (IATA), Vietnam Airlines đã chính thức trở thành thành viên của IATA và khẳng định chất lượng dịch vụ mang tiêu chuẩn quốc tế của mình. Ngày 10/6/2010, Vietnam Airlines chính thức trở thành thành viên thứ 10 của Liên minh hàng không toàn cầu - SkyTeam. Sau khi gia nhập liên minh, mạng đường bay của Vietnam Airlines được mở rộng lên tới hơn 1000 điểm đến trên toàn cầu. Năm 2015, Vietnam Airlines trở thành hãng hàng không thứ hai trên thế giới đồng thời đưa vào khai thác hai dòng máy bay hiện đại Boeing 787-9 và Airbus A350-900. Ngày 12/7/2016, Vietnam Airlines chính thức được Tổ chức đánh giá và xếp hạng hàng không quốc tế SkyTrax trao chứng chỉ công nhận hãng Hàng không 4 sao. Vietnam Airlines đã khẳng định vị trí trên bản đồ hàng không khu vực và thế giới với hình ảnh một hãng hàng không trẻ, hiện đại, năng động và ngày càng phát triển mạnh mẽ.

Từ khi thành lập đến nay, Vietnam Airlines luôn giữ vị trí số một tại thị trường Việt Nam – nơi được đánh giá là một trong các thị trường hàng không phát triển nhanh nhất trong khu vực và trên thế giới. Hiện nay, Vietnam Airlines là hãng hàng không truyền thống duy nhất tại Việt Nam với sản phẩm nội địa có sự khác biệt hóa (hạng Thương gia, chương trình Khách hàng thường xuyên - GLP). Vị trí số một Việt Nam của hãng còn thể hiện ở mạng bay nội địa rộng khắp mọi vùng miền của đất nước, tần suất khai thác dày đặc, lịch nối chuyến thuận tiện và mạng đường bay quốc tế mở rộng nhanh chóng. Với việc tiếp nhận hãng hàng không chi phí thấp (Low Cost Carrier - LCC) JPA và phối hợp với JPA thực hiện chiến lược “thương hiệu kép – dual brands”, Vietnam Airlines cạnh tranh và chiếm lĩnh khách doanh thu cao và trung bình trong khi JPA sẽ cạnh tranh trực tiếp với các hãng hàng không chi phí thấp khác và chiếm lĩnh tầng trưởng của phân thị khách nhạy cảm về giá. Chiến lược này sẽ càng củng cố thêm vị thế của Vietnam Airlines trên thị trường.

Mạng đường bay rộng khắp tại khu vực CLMV (gồm: Cam-pu-chia, Lào, My-an-ma và Việt Nam) cũng là thế mạnh của Vietnam Airlines, đặc biệt so với các đối thủ cạnh tranh khác. Vietnam Airlines có mạng đường bay với tần suất lớn đi/đến các điểm chính trong khu vực CLMV. Ngoài ra, Vietnam Airlines có thể kết hợp sản phẩm với K6 để tạo ra các sản phẩm bay kết hợp điểm đến. Mạng đường bay trong tiểu vùng vẫn tiếp tục được coi là thế mạnh của Vietnam Airlines trong việc cạnh tranh với các hãng hàng không khác, đặc biệt là khai thác các đối tượng khách có nhu cầu du lịch kết hợp Việt Nam với các điểm trong khu vực như Nhật Bản, Hàn Quốc, Châu Âu do có sản phẩm dày đặc, nối chuyến tốt các thị trường nguồn là Châu Âu, Đông Bắc Á tạo lợi thế cạnh tranh cho các thị trường nguồn.

9.1.2 Vietnam Airlines có đội tàu bay trẻ với chủng loại tàu bay thuộc loại tiên tiến, hiện đại nhất thế giới

Tính đến 31/12/2016, so với các hãng hàng không trong nước, Vietnam Airlines có số lượng tàu bay khai thác nhiều nhất, với 93 chiếc. Đội tàu bay của Vietnam Airlines thuộc loại đội bay trẻ không chỉ trong khu vực mà cả trên thế giới với tuổi trung bình đội tàu là 6,6 năm. Tỷ lệ máy bay hiện đại, tiên tiến trên tổng số tàu bay cao so với các hãng hàng không trong khu vực và trên thế giới, chủ yếu do hai hãng sản xuất tàu bay thương mại hàng đầu là Boeing (Mỹ) và Airbus (Châu Âu) chế tạo.



Đội bay đã phát triển ổn định và hiện đại hóa không ngừng; đội tàu bay khai thác của Vietnam Airlines đã tăng từ 74 chiếc năm 2011 lên 95 chiếc tính đến 30/9/2017. Đặc biệt, Vietnam Airlines là hãng hàng không đầu tiên trong khu vực Châu Á Thái Bình Dương khai thác đồng thời 2 dòng tàu bay hiện đại, thế hệ mới của Airbus (A350) và Boeing (B787).

9.1.3 Vietnam Airlines có đội ngũ nhân sự trẻ, được đào tạo bài bản

Thông qua chiến lược đào tạo chủ động, bài bản, nguồn nhân lực của Vietnam Airlines ngày càng được hoàn thiện cả về số lượng và chất lượng. Vietnam Airlines đã xây dựng được đội ngũ lao động chuyên môn hóa sâu, tay nghề cao đảm bảo an toàn, an ninh trong khai thác cũng như chất lượng dịch vụ tốt, đáp ứng ngày càng cao nhu cầu của hành khách. Số lượng lao động trẻ chiếm tỷ trọng chủ yếu trong cơ cấu lao động của Vietnam Airlines (65% dưới 30 tuổi). Lao động có trình độ đại học và trên đại học chiếm tới 49%. Đội ngũ cán bộ quản lý cấp cao có tâm huyết, được đào tạo cơ bản, có kiến thức, chuyên môn và kinh nghiệm vững vàng. Đội ngũ lao động đặc thù trong ngành hàng không của Vietnam Airlines như: Phi công, tiếp viên, kỹ sư kỹ thuật hàng không, cán bộ quản lý cấp trung đều được đào tạo bài bản, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có nhiệt huyết cống hiến cho ngành hàng không.

9.1.4 Vị thế của Vietnam Airlines trên các thị trường khu vực

✿ Thị trường nội địa:

- Vietnam Airlines là hãng hàng không có mạng đường bay nội địa lớn nhất, ngoài ra có mạng đường bay khai thác và hợp tác với các hãng, khai thác khách quốc tế đi kết hợp nội địa.
- Thị trường nội địa được cạnh tranh chủ yếu bởi các hãng hàng không là JPA và Vietjet Air. Trong đó, JPA là công ty con của Vietnam Airlines, hoạt động theo mô hình hãng hàng không chi phí thấp, khai thác trên các đường bay nội địa và quốc tế khu vực có cạnh tranh giá rẻ và phối hợp chặt chẽ với Vietnam Airlines về sản phẩm và hỗ trợ chia sẻ các nguồn lực khai thác.

✿ Vị thế chung trên thị trường quốc tế

- Với vị trí địa lý nằm giữa Đông Bắc Á, Đông Nam Á, Châu Âu, Nam Thái Bình Dương và Trung Quốc, Việt Nam được coi là cửa ngõ của các khu vực. Đến hết năm 2016, Vietnam Airlines có mạng đường bay quốc tế gồm 55 đường bay đến 29 điểm thuộc 17 quốc gia và vùng lãnh thổ, mạng đường bay nội địa gồm 39 đường bay đến 20 điểm, trong đó mạng đường bay quốc tế đã nhanh chóng mở rộng và phát triển tại các khu vực Châu Âu (Anh, Nga, Pháp, Đức), Đông Bắc Á (Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Đài Loan, Hongkong) và Tiểu vùng Campuchia - Lào - Myanmar (CLMV).

- Theo số liệu thống kê của Vietnam Airlines, trong năm 2016, thị phần vận chuyển hành khách quốc tế của Vietnam Airlines được duy trì ở mức 35,3%.

✿ Thị trường khu vực Châu Âu

Ngoại trừ các đường HAN/SGN-MOW và SGN-CDG, Vietnam Airlines là hãng bay thẳng duy nhất trên đường bay HAN-CDG, HAN/SGN-FRA, HAN/SGN-LHR. Bên cạnh đó, do đặc tính khách du lịch đường dài thường đi kết hợp nhiều điểm đến, mạng đường bay hỗ trợ tần suất cao đến 05 điểm của khu vực CLMV và nội địa Việt Nam là thế mạnh của Vietnam Airlines.

✿ Thị trường khu vực Đông Bắc Á:



- Vietnam Airlines có sản phẩm tần suất cao, hầu hết là 1-2 chuyến/ngày; số lượng điểm đi/đến quốc tế lớn hơn so với các hãng khai thác cạnh tranh trực tiếp, mạng đường bay hỗ trợ tần suất cao đến 5 điểm đến của CLMV và nội địa Việt Nam cũng là thế mạnh của Vietnam Airlines tại khu vực này.

- Vietnam Airlines có thể tiếp tục mở thêm các đường bay mới nối các thị trường Đông Bắc Á với các điểm đến tiềm năng Miền Trung Việt Nam, gia tăng lợi thế cạnh tranh. Việc Hàn Quốc và Nhật Bản mở cửa thị trường lao động cũng mở ra cơ hội bán phân khúc khách lao động cho Vietnam Airlines

✿ Khu vực Đông Nam Á, Úc:

- Trong bối cảnh nhu cầu du lịch đi khu vực tiếp tục tăng trưởng và phát triển ổn định, Vietnam Airlines hầu hết đã có tần suất 2-3 chuyến trên các đường bay đi/đến SIN/BKK/KUL, tạo cơ hội nối chuyến thuận lợi 2 chiều đến các thị trường Châu Âu, Đông Bắc Á. Vietnam Airlines là hãng duy nhất khai thác đường bay thẳng đi/đến Úc.

✿ Khu vực CLMV:

- Vietnam Airlines có mạng đường bay với tần suất lớn đi/đến các điểm chính trong khu vực CLMV. Ngoài ra, Vietnam Airlines có thể kết hợp sản phẩm với hãng K6 để tạo ra các sản phẩm bay kết hợp điểm đến.

- CLMV vẫn tiếp tục được coi là thế mạnh của Vietnam Airlines trong việc cạnh tranh với các hãng hàng không khác, đặc biệt là đối tượng khách có nhu cầu du lịch kết hợp Việt Nam với các điểm trong khu vực như Nhật Bản, Hàn Quốc, Châu Âu.

- Với sản phẩm đặc, phục vụ nối chuyến tốt các thị trường nguồn là Châu Âu, Đông Bắc Á, tạo lợi thế cạnh tranh cho các thị trường nguồn.

9.2 Triển vọng phát triển của ngành

9.2.1 Triển vọng phát triển ngành hàng không thế giới

Tăng trưởng ngành hàng không thế giới hưởng lợi từ giá dầu giảm và tỉ giá. Theo số liệu của Hiệp hội Hàng không quốc tế, trong năm 2016 ngành hàng không thế giới vận chuyển được 3,81 tỉ lượt khách, RPK tăng trưởng 7.4%, là mức tăng cao nhất so với mức trung bình từ 2010 đến nay (5,5%). FTK tăng trưởng 2,3%, và ngành hàng không vận chuyển được 54,3 triệu tấn hàng hóa với mức giá trị hơn 6 nghìn tỉ USD.

Lợi nhuận sau thuế toàn ngành trong năm 2016 đạt mức 34,8 tỷ USD tương đương tỷ suất lợi nhuận ròng 4,9%, giảm nhẹ so với năm 2015.

Bảng 13: Một số chỉ tiêu ngành hàng không thế giới

Chỉ tiêu	ĐVT	2015	2016	2017
Doanh thu ngành	tỷ USD	752	737	776
Tăng trưởng	%	0.13%	-1,99%	5,29%
Lợi nhuận sau thuế	tỷ USD	35,9	34,8	31,4
LNST/Doanh thu	%	5,0%	4,9%	4,05%

Khách vận chuyển	triệu lượt	3.561	3.810	4.085
Tăng trưởng	%	7,0%	7,0%	7,2%
Hàng hóa vận chuyển	triệu tấn	52,2	54,3	58,2
Tăng trưởng hàng hóa	%	1,5%	3,9%	7,3%
Tăng trưởng kinh tế toàn cầu	%	2,7%	2,4%	2,9%

Nguồn: Hiệp hội hàng không thế giới

Trên cơ sở những dấu hiệu của nền kinh tế thế giới, dự báo giá dầu vẫn duy trì ở mức thấp, mức ảnh hưởng tỉ giá của các đồng tiền so với USD như Rub – Nga, nhu cầu đi chuyển bằng đường hàng không (bao gồm cả du lịch và kinh doanh) cũng như nhu cầu về vận chuyển hàng hóa dự báo sẽ tiếp tục đạt mức tăng trưởng. Hiệp hội hàng không thế giới dự kiến trong năm 2017, ngành hàng không thế giới sẽ vận chuyển được khoảng hơn 4 tỉ lượt khách, tổng mức doanh thu toàn ngành tăng 776 tỷ USD (tăng 5,29%). Ngoài ra, vận tải hàng hóa được kỳ vọng đạt mức tăng trưởng với tốc độ 7,3%.

9.2.2 Triển vọng phát triển ngành hàng không tại Việt Nam

Theo nhận định của Hiệp hội Hàng không quốc tế (IATA) trong giai đoạn từ 2014 – 2017, Việt Nam là thị trường hàng không đang phát triển nhanh và năng động, xếp thứ 7 trong số những thị trường phát triển nhanh nhất thế giới.

Năm 2016, tổng thị trường vận chuyển hành khách đạt 49,4 triệu lượt khách (tăng trưởng 26,9% so với 2015); trong đó, thị trường nội địa đạt 28,7 triệu lượt khách (tăng 33% so với 2015), thị trường quốc tế đạt 20,7 triệu lượt khách (tăng 17% so với năm 2015). Thị trường hàng hóa đạt 272,1 nghìn tấn (tăng 7,9% so với năm 2015). Trong giai đoạn 2011 – 2016, tốc độ tăng trưởng trung bình của vận tải hành khách và vận tải hàng hóa lần lượt đạt mức 15,8% và 13,6%. Nằm trong khu vực các quốc gia Đông Nam Á, thị trường Việt Nam chứng kiến nhu cầu tăng trưởng mạnh mẽ trong hoạt động vận chuyển hành khách cũng như vận chuyển hàng hóa, thúc đẩy sự phát triển của hàng không.

Theo đề án “Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”, đến năm 2020, Việt Nam sẽ thu hút được 10,5 triệu lượt khách quốc tế, phục vụ 47,5 triệu lượt khách nội địa; đến năm 2030 thu hút được 18 triệu lượt khách quốc tế và 71 triệu lượt khách nội địa. Năm 2020, tổng thu từ ngành du lịch đạt 18,5 tỷ USD, chiếm 7% GDP; đến năm 2030 đạt 35,2 tỷ USD, chiếm 7,5% GDP. Theo đề án, dự báo ngành du lịch sẽ đạt tốc độ tăng trưởng trung bình trên 12% về doanh thu và khoảng 5-7% về lượng khách, qua đó nhu cầu du lịch gia tăng vẫn là yếu tố chính thúc đẩy sự phát triển của ngành hàng không, trên cơ sở tính nhanh chóng và thuận tiện của vận tải hàng không, trong khi chi phí ngày càng tiệm cận với các loại hình vận chuyển khác bằng đường bộ và đường sắt. Sự phát triển của ngành du lịch chính là nguồn thu quan trọng và sẽ là một trong những động lực phát triển của ngành vận tải hàng không Việt Nam.

9.3 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới.

Theo định hướng phát triển, Vietnam Airlines sẽ trở thành doanh nghiệp vận tải hàng không có năng lực mạnh về tài chính và là một thương hiệu có uy tín trong ngành hàng không của

Châu Á, trong đó dịch vụ vận tải hàng không có vai trò chủ chốt, các dịch vụ phụ trợ vận tải sẽ do các Công ty con và Công ty liên kết thực hiện. Triển khai chiến lược phát triển thương hiệu kép với JPA. Trong đó, Vietnam Airlines sẽ phát triển theo mô hình Hãng hàng không truyền thống với việc phát triển mạng bay rộng khắp tới các nền kinh tế lớn, các trung tâm tài chính lớn của thế giới, cung cấp dịch vụ tiêu chuẩn 4 sao với khách hàng mục tiêu là khách có thu nhập cao, khách công vụ và khách du lịch. Chiến lược hàng không chi phí thấp sẽ được thực hiện bởi JPA, tập trung cạnh tranh chủ yếu trên phân thị khách nhạy cảm về giá tại thị trường nội địa và khu vực.

Căn cứ Quyết định số 21/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển giao thông vận tải hàng không Việt Nam, theo đó Vietnam Airlines sẽ được phát triển để trở thành đơn vị nòng cốt của lực lượng vận tải hàng không Việt Nam, có tầm cỡ trong khu vực Châu Á – Thái Bình Dương với thị trường quốc tế khu vực và thị trường nội địa là trọng tâm; phát triển JPA theo hướng là hãng hàng không chi phí thấp khai thác thị trường nội địa và thị trường Đông Bắc Á, thị trường Đông Nam Á. Như vậy, có thể thấy định hướng phát triển của Vietnam Airlines là phù hợp với định hướng về chính sách, quy hoạch của Nhà nước.

Chiến lược sử dụng thương hiệu kép (Vietnam Airlines và Jetstar Pacific) để phát triển hai mảng thị trường dự kiến sẽ mang lại hiệu quả cao nhờ việc đồng thời giữ được thương hiệu Vietnam Airlines mang đẳng cấp cao mà vẫn phát triển được thị trường tiềm năng hàng không chi phí thấp thông qua thương hiệu JPA. Chiến lược này cũng là xu hướng chung trên thế giới như hãng Singapore Airlines (SIA) cũng phát triển và đã áp dụng thành công với việc vận hành đồng thời 2 thương hiệu SIA dành cho thương gia, khách doanh thu cao và Tiger Airways phục vụ hàng không chi phí thấp.

10. Chính sách đối với người lao động

10.1 Số lượng và cơ cấu người lao động trong công ty

Tổng số lao động tại thời điểm 31/12/2017 của Vietnam Airlines là 6.708 người, cơ cấu như sau:

Bảng 14: Cơ cấu lao động⁵

Tiêu chí		Số lượng	Tỷ lệ (%)
Theo giới tính	Nam	3.440	51%
	Nữ	3.264	49%
Theo trình độ	Đại học và trên đại học	3.744	56%
	Cao đẳng, trung cấp	1.078	16%
	Lao động có tay nghề	1.813	27%
	Lao động phổ thông	69	01%
Theo loại hợp đồng lao động	Không thời hạn	5.628	84%
	Có thời hạn	1.076	16%

(Nguồn: Vietnam Airlines)

Nguồn lao động của Vietnam Airlines đã phát triển về số lượng và chất lượng, cơ bản đáp

⁵ Đối tượng thống kê:

1. Lao động Việt Nam, Lao động nước ngoài tại Việt Nam, Lao động nước ngoài tại các Chi nhánh nước ngoài.
2. Lao động đang làm việc; Phi công, tiếp viên đang khai thác bay cho K6, JPA; lao động đang biệt phái, tạm hoãn dài hạn



ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh. Song song với việc đổi mới đội bay và trang thiết bị kỹ thuật hàng không, Vietnam Airlines đã nhanh chóng trẻ hóa và nâng cao chuyên môn nghiệp vụ cho lực lượng lao động, đặc biệt là các lao động đặc thù như người lái, tiếp viên, kỹ sư và thợ kỹ thuật máy bay được chú trọng phát triển, từng bước giảm số lao động phải thuê nước ngoài, đặc biệt là phi công.

Về chất lượng lao động, lực lượng lao động của Vietnam Airlines về cơ bản có tuổi đời trẻ với tuổi trung bình là 36,9%, dưới 30 tuổi chiếm 65%. Tỷ trọng lao động có trình độ đại học và trên đại học chiếm 56% (số liệu 30/9/2017). Đội ngũ cán bộ quản lý được đào tạo cơ bản, có kiến thức, chuyên môn và kinh nghiệm vững vàng. Đại bộ phận đội ngũ lao động của Vietnam Airlines có chuyên môn sâu, tay nghề cao, như: phi công, kỹ thuật hàng không, tiếp viên, đội ngũ cán bộ quản lý đều được đào tạo cơ bản, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có nhiệt huyết cống hiến cho ngành hàng không.

Đến 30/09/2017, Vietnam Airlines có 1.057 phi công (phi công Việt Nam chiếm 73%). Số lượng lao động kỹ thuật có chứng chỉ là khoảng 1.300 người, đáp ứng được công tác bảo dưỡng tàu bay của Vietnam Airlines. Trong giai đoạn 2014 - 2016, Vietnam Airlines đã triển khai tích cực và hoàn thành đào tạo nguồn nhân lực cho chuyển giao đội tàu bay thế hệ mới A350 và B787 vào khai thác.

10.2 Chính sách phát triển nguồn nhân lực

10.2.1 Chính sách tuyển dụng

Để xây dựng và thực hiện chính sách tuyển dụng lực lượng lao động mới thu hút được nhiều nhân tài, có năng lực, phù hợp với công việc, công tác tuyển dụng được thực hiện tốt ngay từ khâu lập kế hoạch và triển khai tuyển dụng. Yêu cầu đối với chức danh và vai trò của chức danh được xây dựng cụ thể cho từng vị trí công việc nhằm lựa chọn được ứng viên phù hợp, có chất lượng. Nguồn tuyển dụng cũng được xác định phù hợp. Các kênh thông tin tuyển dụng được phát triển theo diện rộng, chú trọng kênh tuyển dụng trực tuyến. Bên cạnh đó, thực hiện tuyển chọn các chuyên viên trẻ, có năng lực nổi trội để đào tạo, phát triển trong thực tế công việc cho các vị trí chuyên môn, quản lý trọng yếu trong dây chuyền sản xuất kinh doanh từ nguồn cả ngoài thị trường và nội bộ công ty.

10.2.2 Chính sách nhân công thuê ngoài “Outsourcing”

Với đặc thù vận tải hàng không mang tính chu kỳ, Vietnam Airlines sẽ xây dựng phương án sử dụng lao động với tỷ lệ lao động theo mùa vụ phù hợp với chu kỳ kinh doanh nhằm sử dụng lao động hiệu quả. Thực hiện chủ trương thuê ngoài các đối tượng lao động giản đơn như lao động bảo vệ, vệ sinh, tạp vụ hay chăm sóc khách hàng qua điện thoại, tiếp viên nhằm sử dụng lao động hiệu quả, tăng năng suất và tính chuyên nghiệp trong cung cấp dịch vụ tới khách hàng.

10.2.3 Chính sách phát triển nghề nghiệp

Phát triển nghề nghiệp nhằm xây dựng mục tiêu công việc của người lao động tương thích với nhu cầu phát triển của Vietnam Airlines. Xây dựng kế hoạch luân chuyển và phát triển nghề nghiệp giúp người lao động mở rộng, hoàn thiện các kiến thức, kỹ năng và làm việc hiệu quả hơn; đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động có kế hoạch phát triển lên vị trí cao hơn hoặc chuyển tới vị trí công việc phù hợp năng lực, sở thích. Quy hoạch, lựa chọn, sàng lọc các lớp

nguồn cán bộ quản lý các cấp; đào tạo trong công việc kết hợp với đào tạo cơ bản, dài hạn chính quy ở nước ngoài.

10.2.4 Chính sách lương thưởng

Vietnam Airlines tiếp tục duy trì và đảm bảo thực hiện đúng các chế độ, chính sách cho người lao động. Các chế độ tiền lương, bảo hiểm xã hội, tham quan nghỉ dưỡng ... được thực hiện đầy đủ. Tháng 8 năm 2016, Vietnam Airlines đã tăng mức tiền lương cho cán bộ, chuyên viên, kỹ sư, cán sự, nhân viên và thay đổi phương thức trả lương đối với Tiếp viên, hoàn thành việc cải cách tiền lương cho người lao động theo cam kết. Tiền lương trả gắn với chức danh công việc trên cơ sở đánh giá, phân loại lao động nhằm nâng cao năng suất lao động, chất lượng công việc, góp phần hoàn thành tốt nhiệm vụ XSKD của Vietnam Airlines.

10.3 Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động

Vietnam Airlines sẽ nghiên cứu và trình ĐHĐCĐ ban hành quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình ưu đãi cho người lao động ngay khi các điều kiện đáp ứng đầy đủ.

11. Chính sách cổ tức

Cổ tức được chia theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông trên cơ sở đề nghị của Hội đồng Quản trị, Vietnam Airlines chi được trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật, trích lập các quỹ Vietnam Airlines và bù đắp lỗ trước đó theo quy định của Điều lệ công ty và Pháp luật; ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Vietnam Airlines vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn (nếu có).

ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 đã thông qua tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2016 bằng tiền là 6%, tương đương tổng số tiền chi trả là 736,5 tỷ đồng. Trong tháng 10/2017, Vietnam Airlines đã hoàn tất việc thanh toán tiền cổ tức cho các cổ đông.

12. Tình hình tài chính

12.1 Các chỉ tiêu cơ bản

12.1.1 Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh:

Bảng 15: Qui mô và cơ cấu nguồn vốn (hợp nhất)

(Đơn vị: triệu đồng)

	2015	2016	2017
NGUỒN VỐN	89.181.674	96.480.328	88.550.486
Nợ phải trả	77.039.282	80.235.684	71.117.566
<i>Nợ ngắn hạn</i>	<i>27.734.758</i>	<i>29.362.758</i>	<i>32.738.422</i>
<i>Nợ dài hạn</i>	<i>49.304.524</i>	<i>50.872.926</i>	<i>38.379.144</i>
Vốn chủ sở hữu	12.142.392	16.244.644	17.432.920
<i>Vốn điều lệ</i>	<i>11.198.648</i>	<i>12.275.338</i>	<i>12.275.338</i>
<i>Các quỹ khác thuộc VCSH</i>	<i>943.744</i>	<i>3.969.306</i>	<i>5.157.582</i>

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán 2015, 2016 và 2017)

Bảng 16: Qui mô và cơ cấu nguồn vốn (công ty mẹ)

(Đơn vị: triệu đồng)

	2015	2016	31/12/2017
NGUỒN VỐN	83.538.230	87.032.674	79.196.810
Nợ phải trả	70.993.697	70.730.734	62.266.148
Nợ ngắn hạn	22.139.557	20.403.508	24.658.133
Nợ dài hạn	48.854.140	50.327.226	37.608.015
Vốn chủ sở hữu	12.544.533	16.301.940	16.930.661
Vốn điều lệ	11.198.648	12.275.338	12.275.338
Các quỹ khác thuộc VCSH	1.345.884	4.026.602	4.655.323

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán 2015, 2016 và 2017)

Về cơ cấu nguồn vốn: Tỷ trọng nợ phải trả bình quân trong tổng nguồn vốn của Vietnam Airlines trong giai đoạn 2014-2016 là 83,56%, trong đó, tỷ trọng bình quân của Nợ ngắn hạn và Nợ dài hạn lần lượt là 27,05% và 56,51% trên Tổng nguồn vốn. Tổng nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2016 là 70.730 tỷ đồng (bằng 81,26% tổng nguồn vốn); tại 31/12/2017 là 62.122 tỷ đồng (chiếm 80,28% tổng nguồn vốn). Trong các năm gần đây, Vietnam Airlines đã đầu tư lớn vào đội máy bay nhằm nhanh chóng nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh, đáp ứng nhu cầu vận tải hàng không đang tăng trưởng khá mạnh. Hoạt động đầu tư đội máy bay sử dụng đòn bẩy nợ lớn, khiến quy mô tài sản tăng nhanh và chủ yếu bằng nguồn vốn từ bên ngoài nên cơ cấu nguồn vốn thay đổi theo hướng tăng tỷ trọng nguồn tài trợ từ bên ngoài, giảm tỷ trọng nguồn vốn chủ sở hữu.

Về nguồn vốn chủ sở hữu: Để đáp ứng một phần nhu cầu gia tăng tổng tài sản, cải thiện các chỉ số tài chính khi quy mô vốn vay tăng cao, giai đoạn 2014-2016 Vietnam Airlines đã triển khai thành công Phương án cổ phần hóa Công ty mẹ. Bằng hình thức phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ đã giúp Vietnam Airlines gia tăng đáng kể vốn chủ sở hữu. Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2016 đạt mức 16.301 tỷ, tăng 1,62 lần so với thời điểm 31/12/2014 và tại thời điểm 31/12/2017 đạt mức 16.922 tỷ đồng, tăng nhẹ 4% so với năm 2016.

12.1.2 Trích khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Bảng 17: Bảng trích khấu hao

STT	NỘI DUNG	THỜI GIAN
1.	Máy bay	16 – 20 năm
2.	Động cơ máy bay	10 năm
3.	Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 – 25 năm
4.	Máy móc, thiết bị	5 – 10 năm
5.	Phương tiện vận tải mặt đất	7 – 10 năm

6.	Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 5 năm
7.	Tài sản cố định khác	5 – 7 năm

(Nguồn: Vietnam Airlines)

12.1.3 Mức lương bình quân

Tiền lương bình quân của người lao động năm 2016 tăng từ 4,7% đến 12,8% so với năm 2015, mặc dù trong năm 2015, tiền lương bình quân của người lao động đã được tăng cao từ 12 - 28%.

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2015	Thực hiện 2016	% so TH2015
<i>Tiền lương bình quân</i>				
- Phí công	Tr.đồng/tháng	110,1	115,3	104,7%
- Tiếp viên	Tr.đồng/tháng	23,0	25,5	110,9%
- Cán bộ, CV, NV (trừ HĐQT và BGD)	Tr.đồng/tháng	17,2	19,4	112,8%

(Nguồn: Vietnam Airlines)

12.1.4 Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Việc thanh toán các khoản nợ đến hạn của công ty luôn được thực hiện đầy đủ và đúng hạn trong các năm qua. Hiện nay, công ty không có các khoản nợ quá hạn.

12.1.5 Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân, các khoản phí/lệ phí khác... theo quy định của pháp luật.

Tính tới 31/12/2017, số dư các loại thuế của Vietnam Airlines như sau:

Bảng 18: Các loại thuế phải nộp (hợp nhất)

(ĐVT: triệu đồng)

STT	NỘI DUNG	31/12/2016	31/12/2017
1.	Thuế giá trị gia tăng phải nộp	74.411	53.764
2.	Thuế thu nhập doanh nghiệp	53.510	104.344
3.	Thuế thu nhập cá nhân	88.073	29.892
4.	Thuế tài nguyên	0	3
5.	Thuế nhà đất và tiền thuê đất	0	1.355
6.	Thuế bảo vệ môi trường	179.928	182.852
7.	Thuế nhà thầu	29.950	52.515
8.	Thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	307	306
	Tổng cộng	426.179	425.032

(Nguồn: Vietnam Airlines)

Bảng 19: Các loại thuế phải nộp (công ty mẹ)

(ĐVT: triệu đồng)

STT	NỘI DUNG	31/12/2016	31/12/2017
1.	Thuế giá trị gia tăng phải nộp	2.102	2.076
2.	Thuế thu nhập cá nhân	56.856	9.360
3.	Thuế thu nhập doanh nghiệp	0	25.194
4.	Thuế nhà đất và tiền thuê đất	0	157
5.	Thuế nhà thầu	7.861	7.551
Tổng cộng		66.819	44.339

(Nguồn: Vietnam Airlines)

12.1.6 Trích lập các quỹ theo luật định

Việc trích lập các quỹ của công ty được thực hiện căn cứ theo:

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ;
- Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời gian tới;
- Quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty;
- Đề xuất của HĐQT và sự phê duyệt của ĐHCĐ

Hàng năm, Vietnam Airlines sử dụng lợi nhuận sau thuế của mình như sau:

- Trích lập các quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi và các quỹ khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- Trả cổ tức cho cổ đông theo quy định;
- Các quỹ dự trữ khác theo quy định của Pháp luật

Tính tới 31/12/2017, tình hình trích lập các Quỹ của Vietnam Airlines như sau:

Bảng 20: Tình hình trích lập các quỹ (hợp nhất)

(Đơn vị: triệu đồng)

STT	CHỈ TIÊU	31/12/2015	31/12/2016	31/12/2017
1.	Quỹ khen thưởng phúc lợi	151.508	238.730	506.577
2.	Quỹ đầu tư phát triển	103.642	21.447	21.447
3.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	1.068.629	1.068.629	1.068.629
4.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	2.024	2.024	2.024
Tổng		1.325.803	1.330.830	1.598.677

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán 2015, 2016 và 2017)

Bảng 21: Tình hình trích lập các quỹ (công ty mẹ)

(ĐVT: triệu đồng)

STT	CHỈ TIÊU	31/12/2015	31/12/2016	31/12/2017
1.	Quỹ khen thưởng phúc lợi	13.670	62.025	335.021
2.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	1.068.629	1.068.629	1.068.629
	Tổng	1.082.299	1.130.654	1.403.650

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán 2015, 2016 và 2017)

12.1.7 Tổng dư nợ vay

Chi tiết dư nợ vay của Vietnam Airlines như sau:

Bảng 22: Tổng dư nợ vay (hợp nhất)

STT	Các khoản vay	31/12/2015 (triệu đồng)	31/12/2016 (triệu đồng)	31/12/2017 (triệu đồng)
Vay và nợ ngắn hạn				
1.	Vay ngắn hạn	4.567.675	4.233.228	2.247.202
2.	Vay dài hạn đến hạn trả	4.516.542	2.226.181	2.796.043
3.	Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	4.667.130	4.576.283	4.646.263
	Cộng	13.751.347	11.035.692	9.689.507
Vay và nợ dài hạn				
4.	Vay dài hạn	20.688.759	21.816.144	14.662.704
5.	Nợ thuê tài chính dài hạn	36.977.770	34.815.458	30.212.376
	<i>Số phải trả trong vòng 12 tháng</i>	<i>-9.183.672</i>	<i>-6.802.464</i>	<i>-7.442.305</i>
	Cộng	48.482.857	49.829.138	37.432.776
	Tổng vay và nợ ngắn hạn và dài hạn	62.234.204	60.864.830	47.122.283

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán 2015, 2016 và 2017)

Bảng 23: Tổng dư nợ vay (công ty mẹ)

STT	Các khoản vay	31/12/2015 (triệu đồng)	31/12/2016 (triệu đồng)	31/12/2017 (triệu đồng)
Vay và nợ ngắn hạn				
1	Vay ngắn hạn	1.804.669	-	-
2	Vay dài hạn đến hạn trả	4.404.109	2.109.746	2.672.563
3	Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	4.667.130	4.576.283	4.646.263
	Cộng	10,875,908	6.686.029	7.318.826
Vay và nợ dài hạn				

4	Vay dài hạn	20.220.224	21.391.349	14.074.663
5	Nợ thuê tài chính dài hạn	36.977.427	34.815.225	30.212.376
	<i>Số phải trả trong vòng 12 tháng</i>	<i>9.071.239</i>	<i>6.686.029</i>	<i>7.318.826</i>
	Cộng	57.197.651	56.206.574	44.287.040
	Tổng vay và nợ ngắn hạn và dài hạn	68.073.560	62.892.603	51.605.865

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán 2015, 2016 và BCTC 2017)

Năm 2015:

- Các khoản vay ngắn hạn của Vietnam Airlines được dùng để bù đắp lượng vốn thiếu hụt tạm thời nhằm cân đối dòng tiền phục vụ sản xuất kinh doanh, dòng tiền đầu tư và dòng tiền hoạt động tài chính, đảm bảo khả năng thanh toán của Vietnam Airlines. Các khoản vay ngắn hạn bằng USD và VND và là khoản vay tín chấp, có thời hạn từ 3 đến 5 tháng với mức lãi suất đối với tiền USD từ 1,6% đến 1,7%/năm và đối với tiền VND từ 8,3% đến 9,2%/năm.
- Các khoản vay dài hạn của Vietnam Airlines được sử dụng để tài trợ cho việc mua máy bay, động cơ máy bay và các tài sản phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Vietnam Airlines. Các khoản vay dài hạn bằng VND, USD và EUR chịu lãi bình quân gia quyền lần lượt với lãi suất tương ứng khoảng 8,78%/năm, 3,5%/năm và 2,32%/năm.
- Các khoản nợ thuê tài chính dài hạn đều được bảo lãnh bởi Bộ tài chính và chịu lãi suất thả nổi (LIBOR 6 tháng cộng với biên độ dao động từ 0% đến 3,95%) hoặc lãi suất cố định dao động từ 2,1%/năm đến 4,86%/năm với các thời gian hoàn trả từ 7 năm đến 12 năm.

Năm 2016:

- Các khoản vay ngắn hạn của Vietnam Airlines và các công ty con bằng USD và VND tương ứng chịu lãi suất nằm trong khoảng từ 1% đến 1,35% hoặc thả nổi và trong khoảng từ 5,3% tới 11% hoặc thả nổi;
- Các khoản vay dài hạn của Vietnam Airlines và các công ty con chịu lãi suất như sau:
 - Các khoản vay bằng USD: Từ 1% đến 3,65% hoặc thả nổi;
 - Các khoản vay bằng EUR: Từ 1% đến 3% hoặc thả nổi;
 - Các khoản vay bằng VND: Từ 8% tới 10,5% hoặc thả nổi;
- Vay nợ dài hạn của Vietnam Airlines chủ yếu là để tài trợ cho các dự án đầu tư mua máy bay (theo chiến lược phát triển đội bay đã được Chính phủ phê duyệt), chiếm tới 99% các khoản vay dài hạn (tính cả các khoản vay trung hạn để thực hiện đặt cọc, trả trước tiền mua máy bay), còn lại là các khoản vay để tài trợ cho các dự án đầu tư tài sản mặt đất và đào tạo chuyển giao công nghệ gắn trực tiếp với hoạt động khai thác bay (như nhà xưởng sửa chữa máy bay, máy móc thiết bị chuyên dùng, đào tạo phi công). Phần lớn các khoản vay mua tàu bay của Vietnam Airlines là vay nợ nước ngoài dưới hình thức hợp đồng tín dụng xuất khẩu ECA và EXIMBANK được Chính phủ bảo lãnh.
- Quy mô vốn vay cao sẽ làm tăng rủi ro tài chính về khả năng thanh toán nợ của Vietnam Airlines Tuy nhiên, do đặc thù của ngành vận tải hàng không (bán vé thu tiền trước vận chuyển sau; các khoản chi dịch vụ như xăng dầu, hạ cất/cánh, điều hành bay phát sinh trong tháng được thanh toán sau một tháng) nên Vietnam Airlines luôn duy trì được một

nguồn vốn khả dụng tương đối lớn và ổn định từ các khoản công nợ này, hỗ trợ bổ sung nguồn vốn kinh doanh khá hiệu quả cho Vietnam Airlines trong điều kiện vốn chủ sở hữu hạn hẹp và có tốc độ tăng trưởng thấp hơn tốc độ tăng trưởng của hoạt động đầu tư vào sản xuất kinh doanh.

12.1.8 Tình hình công nợ

Chi tiết các khoản phải thu và các khoản phải trả của Vietnam Airlines tính tới 31/12/2017 như sau:

Bảng 24: Tình hình các khoản phải thu (hợp nhất)

STT	Nội dung	31/12/2015 (triệu đồng)	31/12/2016 (triệu đồng)	31/12/2017 (triệu đồng)
I.	CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN			
1.	Phải thu ngắn hạn khách hàng	3.131.652	3.443.589	3.963.515
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	7.912.211	11.136.694	4.922.412
3.	Các khoản phải thu khác	1.202.280	1.125.400	813.814
4.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(76.945)	(82.828)	(91.561)
	Cộng	12.169.198	15.622.855	9.608.180
II.	CÁC KHOẢN PHẢI THU DÀI HẠN			
1.	Phải thu dài hạn khách hàng	1.395	1.395	1.395
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	4.706.455	2.435.873	1.812.099
3.	Phải thu dài hạn khác	2.329.137	2.396.518	2.363.608
4.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	(1.395)	(571)	(571)
	Cộng	7.035.592	4.833.215	4,176,531
	TỔNG CỘNG	19.204.790	20.456.070	13.784.711

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán 2015, 2016 và 2017)

Các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn khó đòi đã được Vietnam Airlines thực hiện trích lập đầy đủ.

Các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn khác được Vietnam Airlines đánh giá theo đúng chuẩn mực kế toán Việt Nam, không phải là các khoản phải thu khó đòi do đó đã không trích lập dự phòng.

Bảng 25: Tình hình các khoản phải thu (công ty mẹ)

ST T	Nội dung	31/12/2015 (triệu đồng)	31/12/2016 (triệu đồng)	31/12/2017 (triệu đồng)
I.	CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN			
1	Phải thu ngắn hạn khách hàng	2.338.105	2.327.509	2.530.329
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	7.867.757	8.705.721	4.518.975

3	Các khoản phải thu khác	436.406	403.918	456.859
4	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(37.259)	(24.148)	(24.344)
Cộng		10.605.009	11.413.001	7.481.819
II. CÁC KHOẢN PHẢI THU DÀI HẠN				
1	Trả trước cho người bán dài hạn	4.706.455	2.435.873	1.812.099
2	Phải thu dài hạn khác	2.049.699	2.062.837	2.088.090
Cộng		6,756,154	4.498.711	3.900.189
TỔNG CỘNG		17.361.163	15.911.712	11.382.008

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán 2015, 2016 và 2017)

Bảng 26: Tình hình các khoản phải trả (hợp nhất)

STT	Nội dung	31/12/2015 (triệu đồng)	31/12/2016 (triệu đồng)	31/12/2017 (triệu đồng)
I.	NỢ NGẮN HẠN	13.983.410	18.327.066	23.048.915
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	9.168.019	12.009.577	13.805.266
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	241.019	268.761	339.532
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	384.433	426.179	425.032
4.	Phải trả người lao động	1.088.767	1.390.911	1.568.532
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	2.546.686	2.470.072	4.573.544
6.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	5.740	562.308	719.523
7.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	356.899	918.828	1.082.049
8.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	40.339	41.701	28.860
9.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	151.508	238.730	506.577
II.	NỢ DÀI HẠN	821.667	1.043.788	946.369
10.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	289	1.885	4.365
11.	Phải trả dài hạn khác	814.296	878.511	758.916
12.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	7.082	159.643	183.088
13.	Dự phòng phải trả dài hạn	-	3.749	-
TỔNG CỘNG		14.805.077	19.370.854	23.995.284

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán 2015, 2016 và 2017)

Bảng 27: Tình hình các khoản phải trả (công ty mẹ)

STT	Nội dung	31/12/2015 (triệu đồng)	31/12/2016 (triệu đồng)	31/12/2017 (triệu đồng)
-----	----------	----------------------------	----------------------------	----------------------------

I.	NỢ NGẮN HẠN	11.263.649	13.717.479	17.339.307
1	Phải trả người bán ngắn hạn	7.687.650	8.937.092	9.630.756
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	157.312	157.307	212.586
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18.717	66.819	44.339
4	Phải trả người lao động	608.063	869.057	968.435
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	2.599.258	2.405.155	4.791.460
6	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	54	558.828	714.721
7	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	178.925	661.196	641.988
8	Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	-	-
9	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	13.670	62.025	335.021
II.	NỢ DÀI HẠN	727.728	806.681	639.801
10	Phải trả dài hạn khác	727.728	806.681	639.801
	TỔNG CỘNG	11.991.377	14.524.160	17.979.109

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán 2015, 2016 và 2017)

12.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 28: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu (Hợp nhất)

Các chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	0,69	0,76	0,65
<i>TSLĐ/Nợ ngắn hạn</i>			
+ Hệ số thanh toán nhanh:	0,63	0,67	0,55
<i>(TSLĐ - Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn</i>			
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,86	0,83	0,80
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	6,34	4,94	4,08
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
<i>Giá vốn hàng bán/ Hàng tồn kho bình quân</i>	52,29	26,69	24,31
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	0,82	0,76	0,90
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	1,12%	3,00%	3,21%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	6,38%	14,83%	15,79%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	0,92%	2,27%	2,87%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	13,26%	15,47%	12,87%

+ Thu nhập trên cổ phần (EPS)	582.36	1.715,01	2.166,22
-------------------------------	--------	----------	----------

(Nguồn: Vietnam Airlines)

13. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

13.1 Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên Hội đồng Quản trị

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	Năm sinh	CMND
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ				
1.	Ông Phạm Ngọc Minh	Chủ tịch HĐQT	1960	024203282
2.	Ông Dương Trí Thành	Thành viên HĐQT	1961	012557097
3.	Ông Nguyễn Xuân Minh	Thành viên HĐQT	1971	022498870
4.	Ông Tạ Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT	1972	033072001572
5.	Ông Koji Shibata	Thành viên HĐQT	1957	TR6136051

Sơ yếu lý lịch của Thành viên Hội đồng quản trị như sau:

13.1.1 Ông : Phạm Ngọc Minh – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày tháng năm sinh	: 06/02/1960
Nơi sinh	: Hà Nội
Số CMTND/Hộ chiếu	: 024203282
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Quê quán	: Xã Hồi Ninh, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình
Địa chỉ thường trú	: Nhà 27 – T3 Khu Nam Thăng Long (Ciputra), Hà Nội
Trình độ chuyên môn	: Tiến sỹ Kinh tế
Quá trình công tác	
09/1981- 06/1982	: Cán bộ phòng vận chuyển sân bay Nội Bài
07/1982 - 02/1990	: Trợ lý phòng vận chuyển, Đội trưởng đội thương vụ, Phó trưởng phòng vận chuyển sân bay Tân Sơn Nhất
03/1990 - 09/1990	: Trưởng phòng vận chuyển sân bay Tân Sơn Nhất
10/1990 - 04/1993	: Phó giám đốc sân bay Tân Sơn Nhất
05/1993- 10/1996	: Phó tổng giám đốc Hãng HKQG Việt Nam Kiêm Giám đốc Văn phòng khu vực Miền Nam
11/1996 – 11/2007	: Phó tổng giám đốc Vietnam Airlines Kiêm Giám đốc văn phòng khu vực miền Nam (từ

	11/1996-06/1998)
12/2007 - 07/2008	: <i>Tổng giám đốc Vietnam Airlines</i>
08/2008 – 06/2010	: <i>Ủy viên HĐQT, Tổng giám đốc Vietnam Airlines</i>
07/2010 – 03/2015	: <i>Thành viên Hội đồng thành viên kiêm Tổng giám đốc Vietnam Airlines</i>
04/2015 – 05/2016	: <i>Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Vietnam Airlines</i>
01/06/2016 – nay	: <i>Chủ tịch Hội đồng Quản trị Vietnam Airlines</i>
Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ Chức Phát Hành	: Chủ tịch HĐQT Vietnam Airlines
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác	: <i>Kiểm phó chủ tịch HĐQT Hãng HK Cambodia Angkor Air (từ tháng 9/2011 – nay)</i> <i>Kiểm Ban chấp hành VCCI nhiệm kỳ 2015-2020 (từ tháng 01/2017)</i>
Số cổ phần nắm giữ	: <i>Cổ phần cá nhân nắm giữ: 6.398 cổ phần</i>
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần	: Không có
Hành vi vi phạm pháp luật	: Không
Các khoản nợ đối với Công ty	: Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	: Theo quy định của Vietnam Airlines

13.1.2 Ông : Dương Trí Thành – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Ngày tháng năm sinh	: 21/09/1961
Nơi sinh	: Hà Nội
Số CMTND/Hộ chiếu	: 012557097
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Quê quán	: Xã Yên Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh
Địa chỉ thường trú	: 04-T3 Khu Nam Thăng Long , Tây Hồ, Hà Nội
Số ĐT liên lạc ở cơ quan	: 04.38732732
Trình độ chuyên môn	: Thạc sỹ khoa học ngành Vận tải Hàng không
Quá trình công tác	
10/1983 - 5/1985	: <i>Công tác Cục Quản lý bay, Tổng cục HKDD VN</i>
06/1985 - 09/1990	: <i>Trợ lý điều phái, Cục Quản lý bay, Tổng cục HKDD VN</i>
10/1990 - 11/1991	: <i>Cán bộ dự án phát triển tổng thể ngành hàng không (VIE88/023)</i>

- 12/1991 - 01/1992 : Chuyên viên Ban Quan hệ quốc tế Vietnam Airlines
- 01/1992 - 11/1993 : Chuyên viên Ban vận tải, Vietnam Airlines
- 12/1993 - 06/1998 : Phó trưởng ban, Ban Kế hoạch thị trường
- 07/1998 - 08/2004 : Trưởng ban Tiếp thị hành khách, Vietnam Airlines
- 09/2004 - 10/2008 : Giám đốc Văn phòng khu vực Miền Nam, Vietnam Airlines
- 10/2008 - 02/2015 : Phó tổng Giám đốc Vietnam Airlines
- 03/2015 - 5/2016 : Phó Tổng Giám đốc Vietnam Airlines
- 01/06/2016 - nay : Thành viên HĐQT kiêm TGD Vietnam Airlines
- Chức vụ hiện nay tại Tổ Chức Phát Hành : Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
- Số cổ phần nắm giữ : Cổ phần cá nhân nắm giữ: 6.698 cổ phần
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phần :

Họ và tên	Quan hệ	Số lượng cổ phần nắm giữ
Vương Thị Phúc Minh	Vợ	1.899

- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác : Theo quy định của Vietnam Airlines

13.1.3 Ông : Nguyễn Xuân Minh - Thành viên Hội đồng quản trị

- Ngày tháng năm sinh : 03/02/1971
- Nơi sinh : Hà Nội
- Số CMTND/Hộ chiếu : 022498870
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Phường Phước Tân, TP Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
- Địa chỉ thường trú : HS6-10, Đường Hoa Sữa, Vinhomes Riverside, Quận Long Biên, HN
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ tài chính ứng dụng và đầu tư
- Quá trình công tác
- 10/1997 - 10/1998 : Trưởng đại diện kiêm chuyên viên phân tích đầu tư tại Công ty Quản lý Quỹ Templeton (VPDD tại Việt Nam)
- 11/1998 - 12/2006 : Phó Chủ tịch Cao Cấp - Quản lý 2 quỹ Châu Á và 1 quỹ các thị trường đang phát triển trên toàn cầu tại Công ty Quản lý Đầu tư Franklin Templeton



	<i>Investment, Singapore</i>
01/2007 – 06/2012	: <i>Chuyên viên cố vấn cao cấp tại VPDD Vietnam Asset Management Ltd. Tại TP.HCM</i>
06/2012 – nay	: <i>Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị CTCP Quản lý quỹ VAM Việt Nam</i>
10/2013 – nay	: <i>Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương</i>
04/2014 – nay	: <i>Thành viên HĐQT Công ty CP Bất động sản Du lịch Ninh Vân Bay</i>
08/2014 – nay	: <i>Thành viên HĐQT Công ty Tài chính cổ phần Hóa chất Việt Nam</i>
03/2014 – nay	: <i>Thành viên HĐQT Vietnam Airlines</i>
Chức vụ hiện nay	: <i>Thành viên HĐQT Vietnam Airlines</i>
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác	: <i>Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị CTCP Quản lý quỹ VAM Việt Nam; Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương; Thành viên HĐQT Công ty CP Bất động sản Du lịch Ninh Vân Bay; Thành viên HĐQT Công ty Tài chính cổ phần Hóa chất Việt Nam</i>
Số cổ phần nắm giữ (Đại diện sở hữu phần vốn của ngân hàng Techcombank)	: Cá nhân sở hữu: Không Đại diện sở hữu: 18.705 cổ phần
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần	: Không
Hành vi vi phạm pháp luật	: Không
Các khoản nợ đối với Công ty	: Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	: Theo quy định của Vietnam Airlines

13.1.4 Ông : Tạ Mạnh Hùng - Thành viên Hội đồng quản trị

Ngày tháng năm sinh	: 19/02/1972
Nơi sinh	: Hà Nội
Số CMTND/Hộ chiếu	: B4807130
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Quê quán	: Xã Nghĩa Hiệp, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên
Địa chỉ thường trú	: Số 26, ngõ 11, đường Tây Hồ, quận Tây Hồ, Hà Nội
Trình độ chuyên môn	: Thạc sỹ quản lý kinh tế
Quá trình công tác	:

11/1994 – 04/1996	Trợ lý giám đốc, Công ty liên doanh khách sạn Vườn Thủ Đức
05/1996 – 07/1996	Học Nghiệp vụ thương mại hàng không, Trường Hàng không VN
08/1996 -05/1997	Chuyên viên Trung tâm du lịch hàng không, Hãng HKQGVN
06/1997 – 06/2001	Chuyên viên, ban Kế hoạch Tiếp thị hàng hóa, Vietnam Airlines
07/2001 – 04/2005	Phó phòng Kế hoạch hàng hóa, ban Kế hoạch Tiếp thị hàng hóa, Vietnam Airlines
05/2005 – 11/2012	Phó giám đốc CTCP Dịch vụ hàng hóa Nội Bài
12/2012 – 04/2014	Phó trưởng ban Đầu tư, Vietnam Airlines
05/2014 – 09/2016	Trưởng ban Đầu tư-Mua sắm, Vietnam Airlines
10/2016 – nay	Thành viên HĐQT Vietnam Airlines
Chức vụ hiện nay	: Thành viên HĐQT Vietnam Airlines
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác	: Không
Số cổ phần nắm giữ	: Cổ phần cá nhân nắm giữ: 7.792 cổ phần
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần	: Không
Hành vi vi phạm pháp luật	: Không
Các khoản nợ đối với Công ty	: Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	: Theo quy định của Vietnam Airlines

13.1.5: Ông Koji Shibata – Thành viên Hội đồng quản trị

Ngày tháng năm sinh	: 16/8/1957
Nơi sinh	: Nhật Bản
Số CMTND/Hộ chiếu	: TR6136051
Quốc tịch	: Nhật Bản
Quê quán	: Nhật Bản
Địa chỉ thường trú	: 2-29-14 Someino, Sakura-shi, Chiba, Nhật Bản
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân
Quá trình công tác	:
4/1982 -3/1983	Phòng Dịch vụ khách hàng Haneda Airport All Nippon Airways
4/1983-02/1990	Kinh doanh quốc tế, Phòng kinh doanh
3/1990-02/1995	Phòng phát triển khách sạn và Kinh doanh



3/1995-7/1996	<i>Quản lý, Phát triển kinh doanh tập đoàn</i>
8/1996-02/1998	<i>Quản lý, Hoạch định doanh nghiệp quốc tế</i>
3/1998-3/2001	<i>Quản lý cấp cao, Marketing quốc tế, Bộ phận Marketing</i>
4/2001-03/2005	<i>Phó Giám đốc, Hoạch định mạng lưới, Bộ phận Marketing</i>
4/2005-3/2012	<i>Phó Chủ tịch, Alliances and Intl's Affairs</i>
4/2012-3/2013	<i>Phó Chủ tịch cao cấp, EMEA, Tổng giám đốc, London</i>
4/2013-nay	<i>Phó Chủ tịch cao cấp, Giám đốc Hoạch định chiến lược Châu Á Thái Bình Dương, ANA Holdings</i>
02/2017-nay	: <i>Kiểm Thành viên Hội đồng quản trị Vietnam Airlines</i>
Chức vụ hiện nay	Thành viên Hội đồng quản trị Vietnam Airlines
Chức vụ hiện nay đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Phó Tổng giám đốc cao cấp, Giám đốc kế hoạch chiến lược Châu Á – Thái Bình Dương, ANA Holdings
Số cổ phần nắm giữ (<i>Đại diện sở hữu phần vốn của ANA Holdings Inc</i>)	: <i>Cổ phần cá nhân nắm giữ: 0 cổ phần Cổ phần đại diện sở hữu 107.668.938 cổ phần</i>
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác	: Không
Hành vi vi phạm pháp luật	: Không
Các khoản nợ đối với Công ty	: Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	: Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	: Theo quy định của Vietnam Airlines

13.2 Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên Ban Giám đốc

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	Năm sinh	CMND
1.	Ông Dương Trí Thành	Tổng giám đốc	1961	012557097
2.	Ông Nguyễn Minh Hải	P.Tổng giám đốc	1972	012017035
3.	Ông Trịnh Ngọc Thành	P.Tổng giám đốc	1964	011913587
4.	Ông Nguyễn Ngọc Trọng ⁶	P.Tổng giám đốc	1957	012749937
5.	Ông Nguyễn Hồng Lĩnh ⁷	P.Tổng giám đốc	1962	0240178113
6.	Ông Lê Hồng Hà	P.Tổng giám đốc	1972	011798424
7.	Ông Trịnh Hồng Quang	P.Tổng giám đốc	1963	012637530
8.	Ông Nguyễn Thái Trung	P.Tổng giám đốc	1960	023472017
9.	Ông Đặng Ngọc Hòa	P.Tổng giám đốc	1972	012535755
10.	Ông Trần Thanh Hiền	Kế Toán Trưởng	1963	012637617

Sơ yếu lý lịch của các thành viên Ban Giám đốc như dưới đây:

13.2.1 Ông Dương Trí Thành: Tổng Giám đốc

Xin xem mục 13.1.2 Sơ yếu lý lịch thành viên HĐQT

13.2.2 Ông : Nguyễn Minh Hải - Phó Tổng Giám đốc

Ngày tháng năm sinh : 19/07/1972
 Nơi sinh : Hà Nội
 Số CMTND/Hộ chiếu : 012017035
 Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Quê quán : Xã Xuân Hải, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh
 Địa chỉ thường trú : Ngách 200/15/41 phố Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, Hà Nội
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
 Quá trình công tác
 10/1993 – 01/1994 : Chuyên viên Ban Tiếp thị hành khách, Hãng HKQGVN
 2/1994 – 7/1996 : Chuyên viên Đội thị trường, Phòng Thương mại KV

⁶ Nghỉ hưu trí từ ngày 01/01/2018

⁷ Được bổ nhiệm từ ngày 01/12/2017

	<i>Miền Bắc, Hãng HKQGVN</i>
8/1996 – 5/1999	: <i>Đội trưởng Đội thị trường, Phòng Thương mại hành khách, Văn phòng khu vực miền Bắc, Hãng HKQGVN</i>
6/1999 – 10/2000	: <i>Phó, Q.trưởng phòng Phát triển bán, Văn phòng khu vực miền Bắc, Hãng HKQGVN</i>
11/2000 – 3/2008	: <i>Trưởng phòng Phát triển bán, Văn phòng khu vực miền Bắc, Hãng HKQGVN</i>
4/2008 – 10/2008	: <i>Trưởng phòng Phát triển bán và du lịch, Ban Tiếp thị hành khách Vietnam Airlines</i>
11/2008 – 4/2010	: <i>Trưởng Chi nhánh Vietnam Airlines tại Australia</i>
5/2010 – 4/2013	: <i>Trưởng Chi nhánh Vietnam Airlines tại Nhật</i>
5/2013 – 4/2015	: <i>Trưởng ban Kế hoạch và Phát triển, Vietnam Airlines</i>
4/2015 – nay	: <i>Phó Tổng giám đốc Vietnam Airlines</i> <i>Biệt phái giữ chức Tổng giám đốc CP Hàng không Cambodia Angkor Air</i>
Chức vụ hiện nay	: <i>Phó Tổng giám đốc Vietnam Airlines</i>
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác	: <i>Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Hãng hàng không Cambodia Angkor Air</i>
Số cổ phần nắm giữ	: <i>Cá nhân sở hữu: 7.099 cổ phần</i> <i>Đại diện sở hữu: 0 cổ phần</i>
Hành vi vi phạm pháp luật	: Không
Các khoản nợ đối với Công ty	: Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	: Theo quy định của Vietnam Airlines

13.2.3 Ông : Trịnh Ngọc Thành - Phó Tổng Giám đốc

Ngày tháng năm sinh	: 18/05/1964
Nơi sinh	: Hà Nội
Số CMTND/Hộ chiếu	: 011913587
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Quê quán	: Xã Cự Khê, huyện Thanh Oai, Hà Nội
Địa chỉ thường trú	: Số 10A, phố Tăng Bạt Hổ, Hai Bà Trưng, Hà Nội
Trình độ chuyên môn	: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác	
10/1981 - 07/1982	: <i>Học viên Học viện kỹ thuật quân sự</i>



- 08/1982 - 08/1987 : Sinh viên ĐH HKDD Kiep, Liên Xô
- 09/1987 - 01/1988 : Đoàn 781, Bộ quốc phòng
- 02/1988 - 12/1990 : Trợ lý cục vận chuyển, Tổng cục HKDD-VN
- 01/1991 - 5/1993 : Trợ lý Ban vận tải, Tổng công ty HKVN
- 06/1993 - 02/1996 : Trưởng trung tâm kiểm soát chỗ, Ban TTHK, Hãng Hàng không QGVN
- 03/1996 - 02/1997 : Phó ban Tiếp thị hành khách, kiêm trưởng Trung tâm kiểm soát chỗ, Hãng HKQGVN
- 03/1997 - 04/1997 : Phụ trách Ban Tiếp thị hành khách, Vietnam Airlines
- 05/1997 - 06/1998 : Phó, quyền Trưởng ban Tiếp thị hành khách, Tổng công ty HKVN
- 07/1998 - 06/2004 : Phó trưởng ban Kế hoạch thị trường, Vietnam Airlines
- 07/2004 - 06/2009 : Trưởng Ban Kế hoạch thị trường, Vietnam Airlines
- 07/2009 - 03/2015 : Phó Tổng giám đốc Vietnam Airlines
Biệt phái, giữ chức Tổng giám đốc Hãng Hàng không Cambodia Angkor Air (7/2009-8/2012)
- 04/2015 - nay : Phó Tổng giám đốc Vietnam Airlines
- Chức vụ hiện nay : Phó Tổng Giám đốc Vietnam Airlines
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Chủ tịch HĐQT Công ty CP Tin học Hàng không
- Số cổ phần nắm giữ : Cá nhân sở hữu: 8.398 cổ phần
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phần :

Họ và tên	Quan hệ	Số lượng cổ phần nắm giữ
Lê Thị Phương Lan	Vợ	699

- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác : Theo quy định của Vietnam Airlines

13.2.4 Ông : Nguyễn Ngọc Trọng - Phó Tổng Giám đốc

- Ngày tháng năm sinh : 30/12/1957
- Nơi sinh : Xã Nông Trường, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa
- Số CMTND/Hộ chiếu : 012749937

Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Quê quán	: Xã Nông Trường, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa
Địa chỉ thường trú	: Số 8 Hẻm 200/11/3, Nguyễn Sơn, Long Biên, Hà Nội
Trình độ chuyên môn	: Thạc sỹ Khoa học
Quá trình công tác	
04/1975 - 09/1975	: Phòng kỹ thuật Lữ đoàn 919
10/1975 - 10/1976	: Ban Kỹ thuật, Sân bay Gia Lâm
11/1976 - 05/1977	: <i>Đội Kỹ thuật máy bay quốc tế, Phòng vận chuyên, Sân bay Gia Lâm</i>
06/1977- 12/1977	: <i>Đội 6, Xưởng A76, Tổng công ty HKVN</i>
01/1978 - 09/1979	: <i>Phòng Kỹ thuật, Sân bay Nội Bài</i>
10/1979 - 03/1980	: <i>Đội văn hoá ngoại ngữ, Cục chính trị</i>
04/1980 - 04/1987	: <i>Học ĐH hàng không dân dụng tại Liên Xô</i>
05/1987 - 08/1987	: <i>Chờ phân công công tác tại Đoàn 871-Bộ Quốc phòng</i>
09/1987 - 01/1989	: <i>Kỹ sư đặc thiết, XN A76, Tổng cục HKDD VN</i>
02/1989 - 11/1993	: <i>Cán bộ Cục kỹ thuật, Tổng cục HKDD-VN</i>
12/1993 - 07/1996	: <i>Phó phòng Kỹ thuật, Ban Kỹ thuật vật tư xăng dầu, Hãng HKQGVN</i>
08/1996 - 10/1997	: <i>Trưởng phòng Kỹ thuật, Ban Kỹ thuật vật tư xăng dầu, Hãng HKQGVN</i>
11/1997 - 05/2001	: <i>Trưởng phòng Kỹ thuật phát triển, Ban Kỹ thuật, Vietnam Airlines</i>
06/2001 - 12/2007	: <i>Phó trưởng ban Kỹ thuật, Vietnam Airlines</i>
01/2008 - 08/2008	: <i>Quyền Trưởng ban Kỹ thuật, Vietnam Airlines</i>
09/2008 - 02/2012	: <i>Trưởng ban Kỹ thuật, Vietnam Airlines</i>
03/2012 - 03/2015	: <i>Phó Tổng giám đốc, Vietnam Airlines</i>
04/2015 - nay	: <i>Phó Tổng giám đốc Vietnam Airlines</i>
Chức vụ hiện nay	: Phó Tổng giám đốc Vietnam Airlines
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác	: <i>Chủ tịch HĐQT (chuyên trách) Công ty TNHH MTV Xăng dầu Việt Nam (SKYPEC)</i>
Số cổ phần nắm giữ	: <i>Cá nhân sở hữu: 4.098 cổ phần</i>
Người có liên quan nắm giữ cổ phần	: Không



Hành vi vi phạm pháp luật : Không
 Các khoản nợ đối với Công ty : Không
 Thù lao và các khoản lợi ích khác : Theo quy định của Tổng công ty và Nhà nước

13.2.5 Ông : Nguyễn Hồng Linh - Phó Tổng Giám đốc

Ngày tháng năm sinh : 29/8/1962
 Nơi sinh : Hà Nội
 Số CMTND/Hộ chiếu : 0240178113
 Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Quê quán : Xã Bắc Phú, Huyện Đa Phúc, Tỉnh Vĩnh Phúc
 Địa chỉ thường trú : Số 8 Hát Giang, Phường 2, Quận Tân Bình, TP.HCM

Trình độ chuyên môn : Lái máy bay

Quá trình công tác

04/1979-09/1980 : Học viên dự khóa Không quân
 10/1980-06/1984 : Học lái máy bay tại Trường HK Liên Xô
 07/1984-09/1993 : Phi công lái AN24, AN26, IL18 tại Đoàn bay 919 (Vietnam Airlines)
 10/1993-8/1995 : Học viên chuyển loại lái A320 tại CH Pháp
 9/1995-12/1998 : Trưởng phòng Kế hoạch - Đoàn bay 919
 12/1998-07/2000 : Trưởng ban ĐBCL khai thác bay
 08/2000-12/2003 : Phó ban Đảm bảo chất lượng, Chánh thanh tra bay
 01/2004-05/2011 : Phó Đoàn trưởng Đoàn bay 919
 06/2011-06/2012 : Phó Đoàn trưởng Đoàn bay 919
 07/2012-12/2012 : Quyền Đoàn trưởng Đoàn bay 919
 01/2013-03/2015 : Đoàn trưởng Đoàn bay 919
 04/2015-11/2017 : Đoàn trưởng Đoàn bay 919
 01/12/2017-nay : Phó Tổng giám đốc Vietnam Airlines

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác :

Số cổ phần nắm giữ : Cá nhân sở hữu: 7.099 cổ phần

Người có liên quan nắm giữ cổ phần : Không



Hành vi vi phạm pháp luật : Không
 Các khoản nợ đối với Công ty : Không
 Thù lao và các khoản lợi ích khác : Theo quy định của Vietnam Airlines

13.2.6 Ông : Lê Hồng Hà - Phó Tổng Giám đốc

Ngày tháng năm sinh : 20/02/1972
 Nơi sinh : Hà Nội
 Số CMTND/Hộ chiếu : 011798424
 Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Quê quán : Hà Nội
 Địa chỉ thường trú : P1601B, Chung cư Flemington, 184 Lê Đại Hành, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh
 Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
 Quá trình công tác :
 02/1994 - 7/2004 : *Chuyên viên Ban Tiếp thị hành khách, Hãng HKQGVN*
 08/2004 - 12/2007 : *Trưởng phòng Phát triển bán và Du lịch, Ban TTHK Vietnam Airlines*
 01/2008 - 12/2008 : *Phó trưởng ban Tiếp thị hành khách, Vietnam Airlines*
 12/2008 - 06/2011 : *Giám đốc Văn phòng khu vực miền Trung, Vietnam Airlines*
 03/2012 – 03/2015 : *Phó tổng giám đốc Vietnam Airlines*
 04/2015 – nay : *Biệt phái giữ chức Tổng giám đốc CP Hàng không Jetstar Pacific Airlines (từ 03/2012-10/2016)*
 Chức vụ hiện nay : Phó tổng giám đốc Vietnam Airlines
 Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Chủ tịch HĐQT Công ty CP Hàng không Jetstar Pacific Airlines
 Số cổ phần nắm giữ : *Cá nhân sở hữu: 7.198 cổ phần*
 Người có liên quan nắm giữ cổ phần : Không
 Hành vi vi phạm pháp luật : Không



Các khoản nợ đối với Công ty : Không
 Thủ lao và các khoản lợi ích khác : Theo quy định của Vietnam Airlines

13.2.7 Ông : Trịnh Hồng Quang - Phó Tổng Giám đốc

Ngày tháng năm sinh : 25/08/1963
 Nơi sinh : Hà Nội
 Số CMTND/Hộ chiếu : 012637530
 Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Quê quán : Xã Lưu Hoàng, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội
 Địa chỉ thường trú : Số 22 D3 Ciputra, quận Tây Hồ, Hà Nội
 Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
 Quá trình công tác
 08/1987 - 09/1992 : Cán bộ XN Quản lý đèn công cộng, Sở công trình đô thị HN
 10/1992 - 01/1995 : Chuyên viên Ban Vận tải - Tổng công ty HKDD Việt Nam
 02/1995 - 12/1996 : Phó trưởng phòng Tiếp thị hàng hoá, Ban KHTTHH, Hãng HKQGVN
 01/1997 - 12/1997 : Phó trưởng VPCN HKVN tại Đà Loan
 01/1998 - 12/2002 : Trưởng VPCN HKVN tại Đà loan
 01/2003 - 12/2004 : Trưởng VPCN HKVN tại Nhật bản
 01/2005 - 11/2005 : Phó, quyền Trưởng ban Tiếp thị hành khách, Vietnam Airlines
 12/2005 - 09/2008 : Trưởng ban Tiếp thị hành khách, Vietnam Airlines
 : Phó tổng Giám đốc Vietnam Airlines
 10/2008 - 03/2015 : Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Hãng Hàng không Cambodia Angkor Air (từ 8/2012 - 4/2015)
 04/2015 - nay : Phó Tổng Giám đốc Vietnam Airlines
 Chức vụ hiện nay : Phó Tổng Giám đốc Vietnam Airlines
 Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
 Số cổ phần nắm giữ : Cá nhân sở hữu: 7.298 cổ phần
 Người có liên quan nắm giữ cổ : Không



phần

Hành vi vi phạm pháp luật : Không
 Các khoản nợ đối với Công ty : Không
 Thù lao và các khoản lợi ích khác : Theo quy định của Vietnam Airlines

13.2.8 Ông Nguyễn Thái Trung – Phó Tổng Giám đốc

Ngày tháng năm sinh : 01/10/1960
 Nơi sinh : Thị xã Hải Dương
 Số CMTND/Hộ chiếu : 023472017
 Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Quê quán : Thị trấn Mạo Khê, Huyện Đông Triều, Tỉnh Quảng Ninh
 Địa chỉ thường trú : 25A5 Cừ Long, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.
 Trình độ chuyên môn : Lái chính máy bay
 Quá trình công tác :
 8/1978 – 10/1978 : Học thợ máy Xưởng A76
 11/1978 – 7/1984 : Trường HKVN-Học cơ giới trên không, học lái máy bay Z37 tại Đức, học lái AN2 tại Bungary
 7/1982 - 01/1988 : Huấn luyện bay và Lái chính AN2 Đoàn bay 919, Tổng cục HKDD Việt Nam
 02/1988 – 11/1995 : Lái chính YAK40 Đoàn bay 919, Tổng cục HKDDVN
 12/1995 – 6/1996 : Phó đội trưởng Đội A320 Đoàn bay 919
 7/1996 – 10/1997 : Trưởng phòng ĐHB phía Nam Đoàn Bay 919
 11/1997 – 6/2003 : Kiểm đội phó Đội bay A320, Đoàn Bay 919 (7/1996 – 8/1996)
 Phó ban Điều hành bay Ban Điều hành bay
 Kiểm trưởng phòng Đảm bảo khai thác -Ban điều hành bay (11/1997 - 02/2003)
 7/2003 – 4/2009 : Trưởng trung tâm Huấn luyện bay
 Kiểm Ủy viên HĐQT Công ty CP đào tạo Bay Việt (6/2008 – 9/2009)
 5/2009 – 7/2012 : Trưởng ban An toàn-Chất lượng và An ninh
 8/2012 - 3/2016 : Giám đốc CN TCT HKVN- Công ty Bay Dịch vụ HK
 4/2016 – 21/04/2017 : Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty CP Hàng không Skyviet



4/2017-nay : Phó Tổng giám đốc Vietnam Airlines
 Chức vụ hiện nay : Phó Tổng giám đốc Vietnam Airlines
 Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các : Không
 tổ chức khác
 Số cổ phần nắm giữ : Cá nhân sở hữu: 6.000 cổ phiếu
 Người có liên quan nắm giữ cổ phiếu:

Họ và tên	Quan hệ	Số lượng cổ phần nắm giữ
Nguyễn Thị Phương Thảo	Vợ	3.100
Nguyễn Thị Phương Hiếu	Con	900

Hành vi vi phạm pháp luật : Không
 Các khoản nợ đối với Công ty : Không
 Thù lao và các khoản lợi ích khác : Theo quy định của Vietnam Airlines

13.2.9 Ông Đặng Ngọc Hòa – Phó Tổng Giám Đốc

Ngày tháng năm sinh : 31/10/1972

Nơi sinh : Hà Nội

Số CMTND/Hộ chiếu : 012535755

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Xã Hòa Tiến, huyện Hòa Vang, Thành phố Đà Nẵng

Địa chỉ thường trú : 31A Phố Huế, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ kỹ thuật ngành Hàng không

Quá trình công tác :

02/1995 – 12/1995	CV Hãng HKQGVN (học chuyển loại tại Học viện QS)
01/1996 – 06/2000	CV Ban Kỹ thuật vật tư và xăng dầu HK, Hãng HKQG VN
07/2000 – 09/2001	Tạm hoãn HDLĐ đi học cao học tại nước ngoài
10/2001 – 12/2008	Chuyên viên Ban Kỹ thuật, Tổng công ty HKVN
01/2009 – 02/2010	Phó trưởng phòng, giao nhiệm vụ Quyền trưởng phòng KH bảo dưỡng, Ban Kỹ thuật Vietnam Airlines
03/2010 – 09/2010	Trưởng phòng Chương trình bảo dưỡng và hợp đồng Ban Kỹ thuật Vietnam Airlines
10/2010 – 02/2012	Phó trưởng ban Quản lý vật tư, Vietnam Airlines

03/2012 – 12/2013	<i>Quyền Trưởng ban Quản lý vật tư Vietnam Airlines</i>
01/2013 – 02/2016	<i>Trưởng ban Quản lý vật tư Vietnam Airlines</i>
03/2016 – nay	<i>Phó Tổng giám đốc Vietnam Airlines</i>
Chức vụ hiện nay	: Phó Tổng giám đốc Vietnam Airlines
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác	: Không có
Số cổ phần nắm giữ	: Cá nhân sở hữu: 8.389 cổ phần
Người có liên quan nắm giữ cổ phần	: Không
Hành vi vi phạm pháp luật	: Không
Các khoản nợ đối với Công ty	: Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	: Theo quy định của Vietnam Airlines

13.2.10 Ông : Trần Thanh Hiền – Kế toán trưởng

Ngày tháng năm sinh	: 09/04/1963
Nơi sinh	: Xã Xuân Trung, Huyện Xuân Trường, Tỉnh Nam Định
Số CMTND/Hộ chiếu	: 012637617
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Quê quán	: Xã Xuân Trung, Huyện Xuân Trường, Tỉnh Nam Định
Địa chỉ thường trú	: Số 21 ngõ 9 Hoàng Ngọc Phách, Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Trình độ chuyên môn	: Thạc sỹ quản trị kinh doanh
Quá trình công tác	
12/1985 – 11/1992	: Chuyên viên Ủy ban kế hoạch Nhà nước
12/1992 – 12/1995	: Chuyên viên Ban tài chính kế toán Vietnam Airlines
01/1996 – 10/1997	: Phó phòng đầu tư & phát triển vốn, Ban TCKT Vietnam Airlines
11/1997 – 08/1998	: Trưởng phòng đầu tư PT vốn, Ban TCKT Vietnam Airlines
09/1998 – 10/2003	: Trưởng phòng tài chính đầu tư, Ban TCKT Vietnam Airlines
11/2003 – 12/2009	: Phó trưởng Ban TCKT Vietnam Airlines
01/2010 - 09/2010	: Trưởng Ban TCKT, Phó kế toán trưởng Vietnam

Airlines

10/2010 – nay : Kế toán trưởng, kiêm Trưởng ban TCKT, Vietnam Airlines

Chức vụ hiện nay : Kế toán trưởng kiêm Trưởng ban TCKT Vietnam Airlines

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Chủ tịch HĐQT CTCP Cho Thuê Máy Bay Việt Nam

Số cổ phần nắm giữ : Cá nhân sở hữu: 7.296 cổ phần

Những người có liên quan nắm giữ cổ phần :

Họ và tên	Quan hệ	Số lượng cổ phần nắm giữ
Trần Thị Hương	Vợ	2.500

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Các khoản nợ đối với Công ty : Không

Thù lao và các khoản lợi ích khác : Theo quy định của Vietnam Airlines

13.3 Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên Ban Kiểm soát

Bảng 1: Danh sách thành viên Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ tại công ty	CMTND
1	Ông Lại Hữu Phước	1967	Trưởng Ban Kiểm soát	011673613
2	Ông Mai Hữu Thọ	1962	Thành viên Ban Kiểm soát	010208340
3	Ông Hoàng Thanh Quý	1973	Thành viên Ban Kiểm soát	011815136

13.3.1 Ông : Lại Hữu Phước - Trưởng Ban Kiểm soát

Ngày tháng năm sinh : 28/09/1967

Nơi sinh : Xã Thanh Bình, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam

Số CMTND/Hộ chiếu : 011673613

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Xã Thanh Bình, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam

Địa chỉ thường trú : Phòng 203, nhà A3b, Tập thể Giảng Võ

Trình độ chuyên môn	:	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác		
10/1992 – 06/1994	:	<i>Cán bộ Kế toán tại Công ty Gỗ cầu Đuông thuộc Tổng công ty Giấy gỗ diêm Việt Nam</i>
07/1994 – 06/1995	:	<i>Cán bộ Kế toán tổng hợp và phụ trách phòng Tài chính kế toán Chi nhánh Công ty XNK Sản sứ thủ tinh Việt Nam tại Hà Nội - Bộ Công nghiệp nhẹ</i>
07/1995 – 03/2003	:	<i>Kiểm toán viên, Kiểm toán viên chính của Kiểm toán NN</i>
04/2004 – 12/2007	:	<i>Phó trưởng phòng phụ trách phòng tổng hợp của Kiểm toán Nhà nước chuyên ngành II, Kiểm toán NN</i>
01/2008 – 12/2009	:	<i>Trưởng phòng nghiệp vụ I của kiểm toán nhà nước chuyên ngành II, Kiểm toán Nhà nước</i>
01/2010 – 09/2010	:	<i>Phó trưởng phòng Kiểm tra nội bộ (nay là phòng kiểm tra giám sát tuân thủ) Ngân hàng Vietcombank</i>
09/2010 – 12/2014	:	<i>Trưởng phòng Kiểm toán nội bộ Ngân hàng Vietcombank</i>
04/2013 – 12/2014	:	<i>Thành viên Ban Kiểm soát kiêm Trưởng phòng Kiểm toán nội bộ Ngân hàng Vietcombank</i>
01/2015 – nay	:	<i>Trưởng phòng kiểm tra giám sát tuân thủ Hội sở chính Ngân hàng Vietcombank</i>
03/2015 – nay	:	<i>Kiểm Trưởng Ban Kiểm soát, Vietnam Airlines</i>
Chức vụ hiện nay	:	Trưởng Ban Kiểm soát, Vietnam Airlines
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Trưởng phòng kiểm tra giám sát tuân thủ Hội sở chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Số cổ phần nắm giữ (đại diện phần vốn của Vietcombank tại Vietnam Airlines)	:	Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần Đại diện sở hữu: 22.403.693 cổ phần
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần	:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không

Thủ lao và các khoản lợi ích : Theo quy định của Vietnam Airlines khác

13.3.2 Ông : Mai Hữu Thọ - Thành viên Ban Kiểm soát

Ngày tháng năm sinh	:	01/09/1962
Nơi sinh	:	Phú Thọ
Số CMTND/Hộ chiếu	:	010208340
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Quê quán	:	Xã Gia Trấn, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình
Địa chỉ thường trú	:	Số 19 ngõ 409 Đường An Dương Vương, Tây Hồ, Hà Nội.
Trình độ chuyên môn	:	Thạc sỹ quản trị kinh doanh
Quá trình công tác		
03/1984 – 11/1993	:	Trợ lý tài vụ, Vụ tài vụ, Tổng cục HKDD VN
12/1993 – 11/1995	:	Phó Trung tâm Thanh toán quốc tế, Ban Tài chính Kế toán, Hãng Hàng không quốc gia
12/1995 – 12/1997	:	Trưởng phòng Kế toán, Ban Tài chính Kế toán, Hãng Hàng không quốc gia
01/1998 – 08/1998	:	Trưởng phòng Kế toán tổng hợp, Ban Tài chính Kế toán, Vietnam Airlines
09/1998 – 10/2001	:	Trưởng phòng Kế toán, Ban Tài chính Kế toán, Vietnam Airlines
11/2001 – 04/2011	:	Phó ban Tài chính kế toán, Tổng công ty HKVN
05/2011 – 04/2012	:	Phó phụ trách Ban Kiểm soát nội bộ thuộc HĐTV Vietnam Airlines
05/2012 – 03/2015	:	Trưởng ban Kiểm soát nội bộ thuộc HĐTV Vietnam Airlines
03/2015 – nay	:	Thành viên Ban Kiểm soát Vietnam Airlines
04/2015 – nay	:	Trưởng Ban Kiểm toán Nội Bộ Vietnam Airlines
Chức vụ hiện nay	:	Thành viên Ban Kiểm soát, Trưởng Ban Kiểm



	toán Nội Bộ, Vietnam Airlines
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác :	Không
Số cổ phần nắm giữ :	<i>Cá nhân sở hữu: 7.099 cổ phần</i>
Những người liên quan nắm giữ cổ phần :	Không
Hành vi vi phạm pháp luật :	Không
Các khoản nợ đối với Công ty :	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác :	Theo quy định của Vietnam Airlines

13.3.3 Ông : Hoàng Thanh Quý - Thành viên Ban Kiểm soát

Ngày tháng năm sinh :	03/11/1973
Nơi sinh :	Hà Nội
Số CMTND/Hộ chiếu :	011815136
Quốc tịch :	Việt Nam
Dân tộc :	Kinh
Quê quán :	Phường Đáp Cầu, TP. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
Địa chỉ thường trú :	Số 24 ngõ 94 Cù Chính Lan, Thanh Xuân, Hà Nội
Trình độ chuyên môn :	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác	
<i>01/1995 – 07/1996</i>	<i>: Cán bộ hợp đồng Viện Kinh tế học, Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia</i>
<i>08/1996 – 12/2005</i>	<i>: Chuyên viên Ban Kế hoạch thị trường, Vietnam Airlines</i>
<i>01/2006 – 07/2008</i>	<i>: Phó phòng Kế hoạch đường bay, Ban Kế hoạch thị trường, Vietnam Airlines</i>
<i>08/2008 – 12/2009</i>	<i>: Trưởng phòng Giá cước và quản trị doanh thu, Ban Tiếp thị hành khách, Vietnam Airlines</i>
<i>01/2010 – 04/2013</i>	<i>: Phó ban Tiếp thị và bán sản phẩm, Vietnam Airlines</i>
<i>05/2013 – 02/2015</i>	<i>: Trưởng Chi nhánh Vietnam Airlines Nhật Bản</i>
<i>03/2015 – nay</i>	<i>: Thành viên Ban Kiểm soát Vietnam Airlines</i>

04/2015 – nay	:	Trưởng Ban Kế hoạch và phát triển Vietnam Airlines
Chức vụ hiện nay	:	Thành viên Ban Kiểm soát, Trưởng Ban Kế hoạch và phát triển Vietnam Airlines
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Không
Số cổ phần nắm giữ	:	Cá nhân sở hữu: 6.700 cổ phần
Những người liên quan nắm giữ cổ phần	:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	:	Theo quy định của Vietnam Airlines

14. Tài sản

14.1 Tài sản cố định hữu hình

Tình hình tài sản cố định của Vietnam Airlines theo số liệu sổ sách kế toán tại thời điểm 31/12/2016 và 31/12/2017 được tóm lược ở bảng sau:

Bảng 29: Tài sản cố định (hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

Chung loại tài sản	31/12/2016	31/12/2017
I. TSCĐ hữu hình	21.181.637	17.949.543
1. Máy bay, động cơ máy bay	18.132.009	14.998.232
2. Nhà cửa, vật kiến trúc	1.369.575	1.284.776
3. Máy móc thiết bị các loại	967.911	888.610
4. Phương tiện vận tải mặt đất	346.810	463.264
5. Thiết bị dụng cụ quản lý	232.899	195.873
6. TSCĐ hữu hình khác	132.433	118.786
II. TSCĐ thuê tài chính	40.074.945	36.974.621
1. Máy bay và động cơ máy bay	40.074.687	36.974.510
2. Máy móc, thiết bị văn phòng	258	111
III. TSCĐ vô hình	152.936	162.391
1. Quyền sử dụng đất	69.302	69.604
2. Phần mềm máy tính	58.434	67.588
3. TSCĐ vô hình khác	25.200	25.200

Tổng cộng (I + II+III)	61.409.518	55.086.555
-------------------------------	-------------------	-------------------

(Nguồn: BCTCHNKT 2016 và 2017 của Vietnam Airlines)

Bảng 30: Tài sản cố định (công ty mẹ)

Đơn vị: triệu đồng

Chung loại tài sản	31/12/2016	31/12/2017
I. TSCĐ hữu hình	19.126.180	15.919.754
1. Máy bay, động cơ máy bay	18.132.009	14.998.232
2. Nhà cửa, vật kiến trúc	358.852	358.550
3. Máy móc thiết bị	424.772	367.851
4. Phương tiện vận tải mặt đất	41.328	50.493
5. Thiết bị dụng cụ quản lý	93.934	74.943
6. TSCĐ hữu hình khác	75.286	69.683
II. TSCĐ thuê tài chính	40.074.687	36.974.510
1. Máy bay và động cơ máy bay	40.074.687	36.974.510
III. TSCĐ vô hình	98.791	93.172
1. Quyền sử dụng đất	60.971	60.971
2. Phần mềm máy tính	37.820	32.201
Tổng cộng (I + II+III)	59.299.658	52.987.436

(Nguồn: BCTCRLKT 2016 và 2017 của Vietnam Airlines)

14.2 Đất đai

Tổng số diện tích đất Vietnam Airlines đang sử dụng tại thời điểm 31/12/2016 là 301.481,4 m², tại thời điểm 30/9/2017 là 285.616,1 m², cơ cấu như sau:

Bảng 31: Cơ cấu đất đai Vietnam Airlines đang quản lý

STT	Phân loại đất	31/12/2016		31/03/2017	
		Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất được Nhà nước giao	8.367,8	2,93	8.367,8	2,93
a	Có thu tiền sử dụng đất lâu dài	8.367,8		8.367,8	
b	Không thu tiền sử dụng đất	-		-	
2	Đất được Nhà nước cho thuê trả tiền hàng năm	256.625,1	89,85	256.462,3	89,93
3	Hình thức khác [*]	20.622,2	7,22	20.360	7,14
	Tổng cộng	285.615,1		285.190,1	

^{*} Đang làm thủ tục trả lại địa phương

Nguồn: Vietnam Airlines

15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

15.1 Kế hoạch lợi nhuận cổ tức 2017-2018

Bảng 32: Kế hoạch SXKD năm 2017-2018 (Hợp nhất)

Chỉ tiêu	KH2017 ⁹	KH2018 ¹⁰
Tổng doanh thu (tỷ đồng)	87.900	119.511
Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	1.638	3.227
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	1.338	2.186
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần	1,5%	1,8%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/VCSH	N/A	N/A
Cổ tức	N/A	N/A

(Nguồn: Vietnam Airlines)

Bảng 33: Kế hoạch SXKD năm 2017-2018 (Công ty mẹ)

Chỉ tiêu	KH2017 ¹¹	KH2018 ¹²
Tổng doanh thu (tỷ đồng)	66.872	89.756
Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	1.256	2.271
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	1.256	1.921
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần	1,8%	2,1%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/VCSH	N/A	N/A
Cổ tức	N/A	N/A

(Nguồn: Vietnam Airlines)

15.2 Các căn cứ và giải pháp để đạt được kế hoạch

✎ Căn cứ xây dựng kế hoạch

Việc xây dựng và thực hiện phương án sản xuất kinh doanh 2017-2018 ngoài việc dựa trên những kết quả đã đạt được trong năm 2016 còn được dựa trên các dự báo về diễn biến thị trường vận tải hàng không trong ngắn hạn và trung hạn.

Với việc đưa vào khai thác các dòng máy bay mới hiện đại trong năm 2017-2018 và nâng chất lượng dịch vụ lên mức 4 sao, Vietnam Airlines dự kiến sẽ khai thác tốt hơn nguồn khách thu nhập cao, giúp tăng đáng kể doanh thu bình quân. Đồng thời với việc nâng cao hiệu suất khai thác tàu bay, khả năng tạo lợi nhuận của Vietnam Airlines dự kiến sẽ tăng mạnh.

Tuy nhiên, dự kiến diễn biến giá nhiên liệu trong năm 2017-2018 sẽ không thuận lợi như năm 2016 nên Vietnam Airlines đã thận trọng đặt kế hoạch doanh thu lợi nhuận giảm nhẹ so với năm 2016.

⁹ Thông qua theo nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 về kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017

¹⁰ Thông qua theo Kế hoạch 5 năm được Bộ GTVT phê duyệt tại QĐ 4403 ngày 15/12/2015

¹¹ Thông qua theo nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 về kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017

¹² Thông qua theo Kế hoạch 5 năm được Bộ GTVT phê duyệt tại QĐ 4403 ngày 15/12/2015

✿ Một số giải pháp trọng tâm

Để đảm bảo an toàn tài chính trong quá trình hoạt động và thực hiện các mục tiêu đã đề ra trong 2 năm tới, Vietnam Airlines sẽ đồng thời triển khai đồng bộ các biện pháp để đảm bảo khả năng sinh lời, duy trì cơ cấu tài chính an toàn, hợp lý và khả năng thanh khoản. Cụ thể các giải pháp thực hiện kế hoạch tài chính 2017-2018 như sau:

- Đảm bảo tuyệt đối an toàn, an ninh trong hoạt động khai thác bay.
- Tiếp tục thực hiện đơn giản hóa cấu trúc, số lượng chủng loại tàu bay theo lộ trình đã được phê duyệt tại kế hoạch SXKD 5 năm: thực hiện việc bán (phase out) 4 tàu B777, trả các tàu A330 hết hạn thuê;
- Phối hợp chặt chẽ về sản phẩm, nguồn lực, thương hiệu với JPA, K6, VASCO từ khâu xây dựng kế hoạch đến các bước thực hiện để nâng cao sức cạnh tranh của Vietnam Airlines. Phân bổ sản phẩm, nguồn lực hợp lý, đạt hiệu quả tổng thể chung và của từng đơn vị, phù hợp với nhu cầu.
- Tập trung nguồn lực nắm giữ thị phần tại các phân khúc khách hàng mục tiêu và thị trường trọng điểm có hiệu quả, đặc biệt ưu tiên khai thác các đường bay trực HAN-SGN, HAN-SGN-DAD.
- Thực hiện đánh giá hiệu quả khai thác đối với toàn mạng và từng đường bay để đảm bảo hiệu quả hoạt động kinh doanh vận tải hàng không. Đối với các đường bay không có hiệu quả, nghiên cứu điều chỉnh tần suất, loại máy bay, xây dựng các giải pháp bán và thương mại nhằm nâng cao hiệu quả khai thác, giảm lỗ;
- Từng bước thực hiện nâng doanh thu bình quân các đường bay nội địa và quốc tế phù hợp với chất lượng dịch vụ 4 sao.
- Quản trị chi phí hiệu quả với mục tiêu tiết giảm chi phí bình quân trên một đơn vị sản lượng.
- Tập trung đầu tư có trọng điểm, ưu tiên các dự án cấp thiết và phù hợp với mục tiêu dài hạn. Tiếp tục thực hiện tái cơ cấu các danh mục đầu tư tài chính, kiên quyết thoái vốn đã đầu tư vào các lĩnh vực ngoài lĩnh vực SXKD chính của TCTHK.
- Rà soát, sắp xếp, bố trí hợp lý và không tăng định biên lao động để nâng cao năng suất lao động; chủ động tạo nguồn, tuyển dụng, đào tạo và bổ sung nguồn lực, đặc biệt là phi công, tiếp viên, đáp ứng nhu cầu và hiệu quả SXKD

16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với vai trò tổ chức tư vấn phát hành cổ phiếu cho Vietnam Airlines, Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương (“TCBS”) đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu và phân tích nhằm đưa ra những nhận xét đánh giá về dự báo kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Vietnam Airlines.

Trong năm 2016, kinh tế cả nước vẫn tăng trưởng tích cực, các cân đối vĩ mô được bảo đảm, tăng trưởng GDP quý sau cao hơn quý trước, lạm phát thấp, xuất siêu trở lại. Tiếp nối những thành công của năm 2015, năm 2016 Vietnam Airlines đã có những thành công vượt bậc trong kết quả sản xuất kinh doanh. Vietnam Airlines đã áp dụng đồng bộ và linh hoạt nhiều biện pháp để



điều hành, phát triển thị trường, tối ưu hóa doanh thu và kiểm soát chi phí, giữ vững vị thế chủ lực của Hãng hàng không quốc gia.

Trên cơ sở những thông tin thu thập được, Tổ Chức Tư Vấn Phát Hành nhận thấy kế hoạch lợi nhuận dự kiến năm 2017-2018 của Tổ Chức Phát Hành là phù hợp và khả thi trừ trường hợp xảy ra những sự kiện bất khả kháng.

Chúng tôi xin lưu ý mọi ý kiến nhận xét đánh giá trên được đặt trong bối cảnh kinh tế của Việt Nam năm 2016, các dự báo về nền kinh tế Việt Nam và ngành ngân hàng trong các năm tiếp theo cũng như kết quả kinh doanh mà Techcombank đã đạt được trong năm 2016. Những nhận xét, đánh giá đó chỉ mang tính chất tham khảo cho nhà đầu tư.

17. Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức

Số lượng cổ phiếu chào bán thành công sẽ được đăng ký lưu ký bổ sung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, đồng thời đăng ký giao dịch tập trung bổ sung trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (Upcom) sau khi kết thúc đợt phát hành.

18. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành

Không có.

19. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cổ phiếu chào bán

Không có.

V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN

1. Loại cổ phiếu

Cổ phiếu phổ thông.

2. Mệnh giá

10.000 đồng/cổ phiếu (mười nghìn đồng/cổ phiếu).

3. Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán

191.191.377 cổ phiếu.

4. Tỷ lệ thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm

15,5753%.

Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu sẽ được hưởng 1 quyền mua cổ phiếu phát hành thêm. Như vậy cứ 100 quyền sẽ được mua 15,5753 cổ phiếu phát hành thêm.

5. Xử lý cổ phiếu lẻ phát hành:

1. Cổ phiếu phát hành thêm sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.

Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 7699 cổ phiếu tại ngày chốt danh sách cổ đông. Với tỷ lệ thực hiện quyền 15,5753%, cổ đông A được mua $7.699 * 15,5753\% = 1.199,142347$ cổ phiếu phát hành thêm. Theo nguyên tắc tính toán và làm tròn trên, cổ đông A sẽ được mua 1.199 cổ phiếu mới phát hành thêm.

17510
NG
IG TY
ÔNG VIỆT
CTCP
HIẾN-TS

Cổ đông sở hữu quyền mua có thể chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu phát hành của mình cho người khác theo giá thỏa thuận của hai bên. Quyền mua chỉ được chuyển nhượng một lần (người nhận chuyển nhượng cổ phiếu không được chuyển nhượng tiếp cho người thứ ba).

2. TCTHK xin cam kết:

- Nếu chào bán tiếp số cổ phần không phân phối hết sẽ đảm bảo điều kiện chào bán, điều kiện về quyền, nghĩa vụ của cổ đông không thuận lợi hơn so với điều kiện chào bán cho cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.
- Số cổ phiếu chào bán tiếp nói trên sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán;
- Tổ chức phát hành sẽ chỉ chào bán cho các đối tượng dưới đây nếu được Đại Hội Đồng Cổ Đông chấp thuận:
 - Chào bán cho một tổ chức, cá nhân hoặc một nhóm tổ chức, cá nhân và người có liên quan của tổ chức, cá nhân đó dẫn đến tỷ lệ sở hữu của các đối tượng này vượt mức sở hữu được quy định tại Khoản 11 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
 - Chào bán cho một tổ chức, cá nhân hoặc một nhóm tổ chức, cá nhân và người có liên quan của tổ chức, cá nhân đó từ 10% trở lên vốn điều lệ của tổ chức phát hành trong một đợt chào bán hoặc trong các đợt chào bán trong 12 tháng gần nhất;

6. **Đối tượng phát hành**

Cổ đông hiện hữu

7. **Giá chào bán**

10.000 đồng/cổ phiếu, căn cứ theo quyết định 138/QĐ-BGTVT ngày 18/5/2016 của Bộ Giao thông Vận tải.

8. **Phương pháp tính giá**

100% mệnh giá.

9. **Phương thức phân phối**

❖ **Bước 1: Thông báo quyền mua**

Sau khi chốt danh sách cổ đông phân bổ quyền mua, Vietnam Airlines hoặc các thành viên lưu ký (nơi cổ đông lưu ký cổ phiếu Vietnam Airlines) sẽ thông báo đến các cổ đông về việc thời gian phát hành, thời gian nộp tiền mua cổ phiếu.

❖ **Bước 2: Thực hiện quyền mua cho cổ đông hiện hữu và thanh toán tiền mua cổ phiếu**

- Các cổ đông trên danh sách sở hữu cuối cùng thực hiện đăng ký quyền mua cổ phiếu theo tỷ lệ quy định.
- Khi đăng ký quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, cổ đông sẽ nộp tiền mua cổ phiếu

theo mức giá quy định trong thời hạn đăng ký mua cho phép. Sau thời hạn quy định, các quyền mua chưa đăng ký thực hiện tất nhiên hết hiệu lực.

- Chuyển nhượng quyền mua: Cổ đông được mua cổ phiếu có quyền từ chối quyền mua hoặc chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho một hoặc nhiều người khác theo giá thỏa thuận giữa hai bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng nhưng chỉ được chuyển nhượng 01 lần trong thời gian qui định.

❖ **Bước 3: Kết thúc thực hiện quyền**

Kết thúc thời hạn đăng ký thực hiện quyền mua cổ phiếu, Vietnam Airlines sẽ tập hợp danh sách cổ đông đã mua cổ phiếu để lập phương án xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu chưa phân phối hết (nếu có). Toàn bộ số tiền bán cổ phiếu được chuyển vào tài khoản phong tỏa.

❖ **Bước 4: Phân phối chứng khoán**

- Công ty sẽ thực hiện việc phân phối chứng khoán theo đúng quy định của pháp luật.
- Đối với cổ đông đã lưu ký chứng khoán: phân phối thông qua thành viên lưu ký chứng khoán.
- Đối với cổ đông chưa lưu ký chứng khoán: phân phối tại trụ sở của Vietnam Airlines hoặc các địa điểm do Vietnam Airlines chỉ định theo Thông báo phát hành chi tiết.

10. Thời gian phân phối cổ phiếu

Thời gian phân phối cổ phiếu được thực hiện sau khi UBCKNN cấp giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng là 90 ngày kể từ ngày Vietnam Airlines nhận được giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu của UBCKNN. Trong trường hợp cần thiết, Vietnam Airlines sẽ báo cáo UBCKNN để được phép gia hạn thêm thời gian phân phối cổ phiếu theo đúng quy định của UBCKNN.

Thời gian phát hành dự kiến trong Quý II năm 2018

Lịch trình thực hiện đăng ký mua cổ phần phát hành thêm dự kiến như sau:

STT	Công việc	Thời gian	
		Bắt đầu	Kết thúc
1	UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng	D	
2	Xác định ngày lập Danh sách sở hữu cuối cùng và làm việc với Trung tâm Lưu ký chứng khoán để triển khai công tác chào bán cổ phiếu	D	D + 2
3	Công bố thông tin về đợt chào bán trên 01 tờ báo điện tử hoặc báo viết trong 03 số báo liên tiếp	D + 2	D + 7
4	Ngày giao dịch không hưởng quyền	D + 9	
5	Ngày đăng ký cuối cùng để chốt danh sách cổ đông	D + 10	
6	Trung tâm Lưu ký chứng khoán gửi danh sách phân bổ quyền mua cổ phiếu cho Vietnam Airlines	D + 12	

7	Thủ tục thông báo việc sở hữu quyền mua cổ phiếu (bao gồm cổ phiếu đã lưu ký và chưa lưu ký)	D + 20	
8	Chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm (đối với cổ đông không mua hoặc không mua hết số cổ phần được quyền mua của mình)	D + 23	D + 53
9	Đăng ký và nộp tiền mua cổ phiếu phát hành thêm (đối với cổ đông mua toàn bộ hoặc một phần số cổ phần được quyền mua của mình)	D + 53	D + 73
10	Tổng hợp việc thực hiện quyền mua của cổ đông hiện hữu. Lập báo cáo trình HĐQT để HĐQT quyết định phương thức xử lý số cổ phần lẻ và số cổ phiếu không chào bán hết (nếu có).	D + 73	D + 80
11	Xử lý số cổ phần lẻ và số cổ phần không chào bán hết (nếu có).	D + 80	D + 87
12	Báo cáo kết quả phát hành cho UBCKNN và Nộp hồ sơ lưu ký bổ sung cổ phần mới phát hành	D + 90	

11. Đăng ký mua cổ phiếu

Sau khi hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng được UBCKNN chấp thuận, danh sách cổ đông sẽ được chốt vào ngày Lập danh sách sở hữu cuối cùng. Cổ đông thuộc Danh sách sở hữu cuối cùng sẽ đăng ký thực hiện quyền mua cổ phần và nộp tiền theo tỷ lệ được mua đã quy định.

Các cổ đông mở tài khoản và lưu ký cổ phiếu ở thành viên lưu ký nào sẽ đăng ký thực hiện quyền và nộp tiền mua cổ phần tại thành viên lưu ký đó.

Cổ đông chưa thực hiện lưu ký chứng khoán đăng ký thực hiện quyền mua cổ phần tại trụ sở Vietnam Airlines hoặc địa điểm theo Thông báo phát hành chi tiết sẽ được công bố ngay sau khi Vietnam Airlines nhận được Giấy chứng nhận đăng ký chào bán của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước.

Toàn bộ tiền mua cổ phần phát hành thêm sẽ được chuyển vào tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu như thông tin chi tiết tại mục số 12 dưới đây.

12. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Hiện Vietnam Airlines đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100107518 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30/06/2010, thay đổi lần thứ 5 ngày 08/07/2016. Thông tin về lĩnh vực hoạt động, ngành nghề kinh doanh của Vietnam Airlines đã được đăng tải trên Cổng thông tin Đăng ký doanh nghiệp quốc gia theo đường link:

<https://dichvuthongtin.dkkd.gov.vn/inf/Forms/Searches/EnterpriseInfo.aspx?h=aa>

Theo quy định tại Khoản 3, Điều 8 Nghị định số 92/2016/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 01/07/2016 về ngành nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng và Khoản 1 – Điều 23 Điều lệ Vietnam Airlines, công văn số 6090/VSD-ĐK ngày 06/3/2017 của VSD, tổng



số cổ phần do bên nước ngoài nắm giữ (bao gồm cổ đông là cá nhân và tổ chức nước ngoài) sở hữu không được vượt quá 30% vốn điều lệ của Vietnam Airlines.

Theo Công văn số 933/VPCP-ĐMDN ngày 16 tháng 05 năm 2016 của Văn phòng Chính phủ thông báo ý kiến của Phó Thủ tướng Chính Phủ Vương Đình Huệ về việc bán cổ phần tại Vietnam Airlines cho nhà đầu tư chiến lược và Quyết định số 138/QĐ-BGTVT ngày 18 tháng 5 năm 2016 của Bộ Giao thông vận tải về việc lựa chọn nhà đầu tư chiến lược của Vietnam Airlines, Vietnam Airlines được phép chào bán cho nhà đầu tư nước ngoài – Tập đoàn hàng không Nhật bản ANA Holdings Inc., với tỷ lệ là 8,771%. Hiện nay, ANA Holdings Inc., đang sở hữu 8,771% cổ phần tại Vietnam Airlines.

13. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng

Quyền mua cổ phiếu của cổ đông hiện hữu được chuyển nhượng 01 (một) lần. Các cổ đông có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho một hoặc nhiều người khác theo giá thỏa thuận giữa bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng. Bên nhận chuyển nhượng không được tiếp tục chuyển nhượng cho người khác.

Số lượng cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu trong đợt này là cổ phiếu phổ thông không bị hạn chế chuyển nhượng kể từ ngày phân phối.

14. Các loại thuế có liên quan

Những nội dung tóm tắt dưới đây không phải là những phân tích có tính toàn diện về các điểm cần lưu ý về thuế có thể ảnh hưởng tới quyết định mua, sở hữu hoặc bán cổ phiếu và không nhằm mục đích giải quyết các vấn đề về thuế đối với tất cả các nhà đầu tư, một số nhà đầu tư (như nhà đầu tư nước ngoài) phải tuân theo các quy định riêng.

14.1 Thuế thu nhập cá nhân

Theo Luật thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 21/11/2007 (đã được sửa đổi, bổ sung) và các văn bản hướng dẫn thi hành, cổ đông là cá nhân có thể phải nộp 2 loại thuế sau: (i) thuế đối với việc chuyển nhượng cổ phần và (ii) thuế đối với cổ tức được chia từ Vietnam Airlines.

- *Thuế đối với việc chuyển nhượng cổ phần:*
 - Thuế suất: 0,1%.
 - Thu nhập chịu thuế: Do Vietnam Airlines là công ty đại chúng nên việc chuyển nhượng cổ phần được xếp vào chuyển nhượng chứng khoán và thu nhập chịu thuế chuyển nhượng chứng khoán là giá chuyển nhượng từng lần. Cổ phần của Vietnam Airlines đã được giao dịch tập trung tại sở giao dịch chứng khoán nên giá chuyển nhượng từng lần là giá chuyển nhượng được xác định theo quy tắc của sở giao dịch chứng khoán.
 - Số thuế phải nộp: Bằng thuế suất nhân (x) thu nhập chịu thuế.
 - Phương thức và thời điểm nộp: Do Vietnam Airlines là công ty đại chúng đã có cổ phần được đăng ký tập trung tại TTLKCK nên thuế sẽ được thành viên lưu ký nơi cổ đông mở tài khoản lưu ký khấu trừ trước khi thanh toán tiền cho cá nhân (khi cổ phần của Vietnam Airlines đã được giao dịch tập trung tại sở giao dịch

chứng khoán).

- *Thuế đối với cổ tức:*
 - Thuế suất: 5%.
 - Thu nhập chịu thuế: Là mức cổ tức được chia.
 - Số thuế phải nộp: Bằng thuế suất nhân (x) thu nhập chịu thuế.
 - Phương thức và thời điểm nộp: Vietnam Airlines với tư cách là tổ chức chi trả thu nhập sẽ có trách nhiệm khấu trừ thuế trước khi chia cổ tức.

14.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Căn cứ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 do Quốc hội thông qua ngày 3 tháng 6 năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung) và các văn bản hướng dẫn thi hành, cổ đông là pháp nhân không phải nộp thuế đối với cổ tức được chia nhưng phải nộp thuế chuyển nhượng chứng khoán như sau:

- Thuế suất: 20% đối với cổ đông là doanh nghiệp Việt Nam và 0,1% đối với cổ đông là tổ chức nước ngoài.
- Thu nhập chịu thuế: Đối với cổ đông là doanh nghiệp Việt Nam, thu nhập chịu thuế chuyển nhượng chứng khoán sẽ được xác định theo kỳ. Theo đó, thu nhập tính thuế từ chuyển nhượng chứng khoán trong kỳ được xác định bằng giá bán chứng khoán trừ (-) giá mua của chứng khoán chuyển nhượng, trừ (-) các chi phí liên quan đến việc chuyển nhượng. Đối với cổ đông là tổ chức nước ngoài, thu nhập chịu thuế chuyển nhượng chứng khoán được xác định như đối với cá nhân.
- Số thuế phải nộp: Bằng thuế suất nhân (x) thu nhập chịu thuế.

14.3 Thuế giá trị gia tăng

Theo pháp luật hiện hành, hoạt động chuyển nhượng chứng khoán không thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng. Theo đó, chuyển nhượng cổ phần sẽ không chịu thuế giá trị gia tăng.

Trong trường hợp pháp luật Việt Nam có quy định áp dụng thuế giá trị gia tăng đối với việc chuyển nhượng cổ phần sau ngày kết thúc chào bán thì cổ đông có nghĩa vụ thanh toán thuế giá trị gia tăng này.

15. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

- Chủ tài khoản: **Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP**
- Số tài khoản: 0681000000343
- Mở tại: Sở Giao Dịch – Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
- Địa chỉ: 31-33 Ngõ Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
- SWIFT code: BFTVVNVX001
- CITAD: 01203001

16. Thông tin khác về việc chào bán quyền mua cổ phần của cổ đông Nhà nước

Bộ Giao thông Vận tải (cơ quan đại diện chủ sở hữu của cổ đông Nhà nước) dự kiến sẽ thực hiện chuyển nhượng 371.533.127 quyền mua của cổ đông Nhà nước, tương đương với quyền được mua 57.867.399 cổ phiếu phát hành thêm của Vietnam Airlines theo hình thức đấu giá công khai theo đúng quy định của pháp luật. Phương án bán đấu giá quyền mua cổ phần thuộc sở hữu của Nhà nước khi Vietnam Airlines phát hành cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu như sau:

Tên quyền mua được chào bán:	Quyền mua cổ phần phát hành thêm của Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP
Tổ chức chào bán	Bộ Giao thông Vận tải (cơ quan đại diện chủ sở hữu cổ phần của Cổ đông nhà nước tại Vietnam Airlines)
Loại quyền mua được chào bán:	Quyền mua cổ phần phổ thông phát hành thêm
Số lượng quyền mua cổ phần thuộc sở hữu của Nhà nước:	1.057.638.000 quyền mua
Tổng số quyền mua chào bán:	Dự kiến 371.533.127 quyền mua (Bằng chữ: Ba trăm bảy mươi một triệu năm trăm ba mươi ba nghìn một trăm hai mươi bảy quyền mua). Cứ 100 (một trăm) quyền mua được mua 15,5753 (mười lăm phẩy năm bảy năm ba) cổ phần phát hành thêm của Vietnam Airlines với giá 10.000 đồng/cổ phần trong đợt phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ của Vietnam Airlines, số cổ phần được quyền mua sẽ được làm tròn xuống.
Phương thức chào bán:	Bán đấu giá công khai
Tổ chức bán đấu giá quyền mua:	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
Đối tượng chào bán:	Các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài đủ điều kiện theo quy định của pháp luật (tỷ lệ được phép mua của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật)
Giá khởi điểm đấu giá:	sẽ được công bố tại ngày công bố thông tin đấu giá quyền mua, được xác định theo công thức tính giá quyền mua (mục 2.2 phần V Báo cáo thẩm định giá kèm theo Chứng thư thẩm định giá số 2311/2017/CT-TĐG-IVSC-CN1) ngày 4/12/2017 của Công ty cổ phần thẩm định giá Indochina) và không thấp hơn

107518
 ỨNG
 G TY
 G VIỆT NAM
 CTCP
 H. T. P. H. P.

mức giá 3.395 đồng/quyền mua theo định giá của tổ chức tư vấn thẩm định. Trong đó, giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định trên nguyên tắc lấy giá cao nhất trong các mức giá sau đây: (i) Mức giá tham chiếu bình quân 10 phiên giao dịch trên thị trường chứng khoán (Sàn giao dịch Upcom) do Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội công bố theo quy định vào trước thời điểm công bố thông tin về việc bán đấu giá quyền mua cổ phần; (ii) Giá đóng cửa của cổ phiếu Tổng Công ty Hàng không Việt Nam –CTCP do Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội công bố theo quy định tại ngày giao dịch trước ngày công bố thông tin đấu giá quyền mua.

Thời gian tổ chức đấu giá:

Sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà chấp thuận. Thời gian cụ thể được quy định tại Quy chế bán đấu giá quyền mua cổ phần của Nhà nước tại Vietnam Airlines.

Thời gian đăng ký mua quyền mua cổ phần:

Theo quy định tại Quy chế bán đấu giá quyền mua cổ phần của Nhà nước tại Vietnam Airlines.

Xử lý đối với số quyền mua cổ phần không bán hết

Giao người đại diện vốn Nhà nước tại Tổng công ty hàng không Việt Nam –CTCP kịp thời báo cáo Bộ Tài chính và Bộ Giao thông Vận tải để đảm bảo việc cổ đông Nhà nước thực hiện quyền mua số cổ phần đó theo đúng chỉ đạo tại mục 2 Công văn số 1466/VPCP –ĐMDN ngày 26/5/2017 của Văn phòng Chính phủ.

VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

1. Mục đích chào bán

Bổ sung vốn điều lệ để thực hiện Dự án mua máy bay B787-9/A350 và bổ sung vốn lưu động của Vietnam Airlines.

2. Phương án khả thi

Giai đoạn 2017 – 2020, Vietnam Airlines sẽ tiếp tục thực hiện 02 Dự án đầu tư máy bay trong tổng số 04 Dự án đầu tư máy bay được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại công văn số 1567/TTg-CN ngày 18 tháng 10 năm 2007 và số 1567/TTg-KTN ngày 22 tháng 9 năm 2008 về Kế hoạch phát triển đội bay của Tổng công ty Hàng không Việt nam (trước cổ phần) đến năm 2020. Theo đó, 2 dự án thực hiện trong giai đoạn sau cổ phần hóa là Dự án đầu tư 10 tàu bay A350 và Dự án đầu tư 08 tàu bay B787-9.

Tính đến thời điểm 31/12/2016, Vietnam Airlines đã nhận 7/8 máy bay B787-9 và 2/10



máy bay A350. Các máy bay B787-9 và A350 còn lại sẽ tiếp tục được nhận từ nay đến hết năm 2019 với lịch nhận cụ thể như sau:

Bảng 35: Kế hoạch đầu tư tàu bay giai đoạn 2017-2019

Chủng loại	2017	2018	2019	Tổng (chiếc)
B787-9	1			1
A350	4	2	2	8

(Nguồn: Vietnam Airlines)

Ngoài nhu cầu vốn để thực hiện các dự án máy bay trên, Vietnam Airlines còn có nhu cầu vốn cho các hoạt động SXKD khác. Vì vậy việc huy động vốn từ đợt phát hành này còn để bổ sung nguồn vốn kinh doanh của Vietnam Airlines.

VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phần theo Bản Cáo Bạch này dự kiến được sử dụng như sau:

Kế hoạch sử dụng tiền thu được dự kiến

STT	Nội dung	Số tiền (đồng)
1	Đầu tư mua máy bay	1.874.919.370.500 ¹³
	Trong đó:	
	- Vốn sử dụng cho năm 2017	900.350.306.500
	- Vốn sử dụng cho giai đoạn 2018-2019	974.569.064.000
2	Tăng vốn lưu động	36.994.399.500
	Tổng	1.911.913.770.000

(Nguồn: Vietnam Airlines)

¹³ Tỷ giá quy đổi USD/VND tạm tính là 1USD = 23.000 VND; Dự kiến đợt phát hành cổ phiếu sẽ kết thúc vào Quý 1 năm 2018 do vậy công ty sẽ thu xếp vốn từ các nguồn khác để thực hiện dự án mua máy theo lịch thanh toán, sau đó sẽ được bù đắp lại khi kết thúc đợt phát hành. Số tiền thu được sẽ sử dụng để thanh toán tiền trả trước mua máy bay.

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

1. TỔ CHỨC TƯ VẤN CHÀO BÁN CỔ PHIẾU



CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN KỸ THƯƠNG

Tầng 10+21, Techcombank Tower, Số 191 Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Tel: +84 24 3944 6368

Fax: +84 24 3944 6583

2. TỔ CHỨC TƯ VẤN CHÀO BÁN QUYỀN MUA CỦA CỔ ĐÔNG NHÀ NƯỚC



CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

Tầng 10+11, BIDV Tower, Số 35 Hàng Vôi, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Tel: +84 24 3935 2722

Fax: +84 24 2220 0669

2.

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN



CÔNG TY TNHH KPMG VIỆT NAM

Tầng 46 Tòa tháp Keangnam, Tòa nhà 72 tầng, lô E6, Đường Phạm Hùng, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm

Tel: +84 4 3946 1600

Fax: +84 4 3946 1601



IX. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
2. Phụ lục II: Điều lệ công ty
3. Phụ lục III: Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên số 04/NQ-DHĐCD ngày 20/06/2017 đính kèm tờ trình số 1066/TTr-TCTHK-HĐQT ngày 06/06/2017 thông qua phương án phát hành, phương án sử dụng vốn
4. Phụ lục IV: Nghị quyết của HĐQT số 1322/NQ-HĐQT/TCTHK thông qua Phương án phát hành chi tiết và hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng
5. Phụ lục V: Nghị quyết của HĐQT số 225/NQ-HĐQT/TCTHK ngày 06/02/2018 bổ sung NQ HĐQT số 1322/NQ-HĐQT/TCTHK về phương án phát hành chi tiết và hồ sơ chào bán cổ phiếu ra công chúng
6. Phụ lục VI: Báo cáo tài chính hợp nhất và riêng lẻ kiểm toán năm 2017
7. Phụ lục VII: Báo cáo tài chính hợp nhất và riêng lẻ kiểm toán năm 2016
8. Phụ lục VIII: QĐ số 480/QĐ-BGTVT ngày 12/03/2018 phê duyệt phương án chuyển nhượng quyền mua cổ phần phát hành thêm của cổ đông nhà nước tại Tổng Công ty Hàng Không Việt Nam - CTCP
9. Phụ lục IX: Công văn số 454/TCTHK-BTK.CPH ngày 20/03/2018 xác nhận sở hữu quyền mua cổ phần của TCTHKVN-CTCP
10. Phụ lục X: Báo cáo kiểm toán tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành gần nhất cho nhà đầu tư chiến lược.

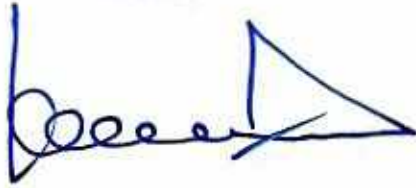
0107518
TỔNG
CÔNG TY
HÀNG KHÔNG VIỆT NAM
CTCP
BIÊN-TP

C.T.C.P
HÀNG KHÔNG VIỆT NAM
ĐẦU TƯ CHIẾN LƯỢC
TP. HỒ CHÍ MINH

Hà Nội, ngày 3 tháng 4 năm 2018

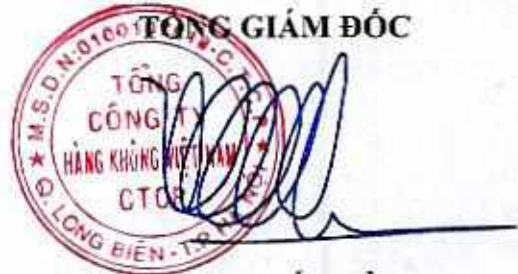
**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP**

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



PHẠM NGỌC MINH

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT



DƯƠNG TRÍ THÀNH

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT



LẠI HỮU PHƯỚC

KẾ TOÁN TRƯỞNG



TRẦN THANH HIỀN

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN KỸ THƯƠNG



NGUYỄN THỊ THU HIỀN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM



ĐỖ HUY HOÀI